

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành:	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
Mã số:	7540101
Tên cơ sở đào tạo:	ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Công nghệ thực phẩm	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực - Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Kết luận của Hội đồng thẩm định	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

- Tên ngành đào tạo: **Công nghệ thực phẩm**
- Mã số: **7540101**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**

4.1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1.1. Mục tiêu chương trình

Đào tạo Cử nhân Công nghệ thực phẩm có đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản về công nghệ thực phẩm, đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng công nghệ thực phẩm trong xã hội, có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực ứng dụng sinh học trong công tác nghiên cứu và cuộc sống. Cụ thể:

- PO1.** Cung cấp những kiến thức Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và các kỹ năng sống cơ bản cho việc học tập suốt đời.
- PO2.** Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực công nghệ thực phẩm, vi sinh.
- PO3.** Đào tạo khả năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề liên quan công nghệ thực phẩm.
- PO4.** Vận dụng kỹ năng hình thành ý tưởng, nghiên cứu, triển khai thực hiện các quy trình và tạo sản phẩm công nghệ thực phẩm trong cuộc sống.
- PO5.** Trau dồi đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, có tinh thần học tập suốt đời và có mong muốn đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội.

4.1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên sẽ đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ sau:

Nội dung	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	ELO1: Áp dụng được các kiến thức chung về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội – nhân văn, ngoại ngữ, các kiến thức cơ bản về sinh học vào lĩnh vực công nghệ thực phẩm.
	ELO2: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành về công nghệ thực phẩm cơ bản.
Kiến thức chuyên môn	ELO3: Vận dụng các kiến thức công nghệ thực phẩm chuyên ngành trong các lĩnh vực lương thực, thực phẩm.

	ELO4: Ứng dụng các kiến thức về công nghệ thực phẩm trong công việc thực tế về thực phẩm, vi sinh tại các cơ sở nghiên cứu, cơ quan quản lý và cơ sở sản xuất.
Kỹ năng chung	ELO5: Thể hiện tốt kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện.
	ELO6: Thực hiện được kỹ năng tự lên kế hoạch công việc và tiến hành thực hiện các quy trình làm việc trong ngành sinh học, công nghệ thực phẩm.
Kỹ năng chuyên môn	ELO7: Thực hiện tốt kỹ năng nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thao tác kỹ thuật trong phòng thí nghiệm hóa, lý, sinh.
	ELO8: Sử dụng thành thạo các thiết bị, máy móc trong phòng thí nghiệm hóa, lý, sinh.
	ELO9: Thực hiện các quy định về an toàn kỹ thuật trong phòng thí nghiệm.
Thái độ và phẩm chất đạo đức	ELO10: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp tốt, hành xử chuyên nghiệp, kỷ luật lao động và tôn trọng pháp luật.
	ELO11: Nâng cao ý thức cộng đồng và trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề ngành nghề trong xã hội và trách nhiệm công dân.
	ELO12: Thể hiện tinh thần cầu tiến, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, nhận thức sự cần thiết và khả năng học tập suốt đời.

4.2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm (8 học kỳ).

4.3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

120 tín chỉ, chưa kể phần kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (165 tiết).

4.4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Công dân Việt Nam tốt nghiệp THPT đáp ứng yêu cầu theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Đào tạo thời gian 4 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐHTDM ngày 08 tháng 08 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một.

4.6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần tính theo thang điểm 10, được quy định theo Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐHTDM ngày 08 tháng 08 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một).

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung các học phần tính theo hệ số (trừ GDTC, GDQP – AN đã cấp chứng chỉ).

4.7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo hệ đại học chính quy

Bảng 1: Khung chương trình ngành Công nghệ thực phẩm

(Đơn vị tính: Tín chỉ)

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				99		
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp
Đại học	4	120	21	34	48	17

4.7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Gồm 21 tín chỉ, chưa kể phần kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục quốc phòng – An ninh.

Bảng 2: Khối kiến thức GD đại cương ngành Công nghệ thực phẩm

(Đơn vị tính: Tín chỉ)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5		X				HK 1
2	DC012	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3		X				HK 3
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		X				HK 4
4		Tư duy biện luận ứng dụng	3	3		X				HK 2
5	LU004	Pháp luật đại cương	2	2		X				HK 1
6		Tư duy sáng tạo và NCKH	2	1	1	X				KH 1
7		Hóa đại cương	2	1	1	X				HK 1
Tự chọn: Sinh viên chọn 1 học phần tương ứng 2 tín chỉ										
8		Dân tộc học	2	2			X			HK 2
9		Tâm lý học đại cương	2	2			X			HK 2
10		Xã hội học đại cương	2	2			X			HK 2
Tổng			21	19	2					

4.7.2. Kiến thức giáo dục chuyên ngành: 99 tín chỉ

4.7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 34 tín chỉ

Bảng 3: Khối kiến thức cơ sở ngành (nhóm ngành chung)

(Đơn vị tính: Tín chỉ)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
11		Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2	2	0	X				HK 1
12		Hóa đại cương + hóa lý + vô cơ	3	3	0	X				HK 1
13		Sinh học đại cương	2	2	0	X				HK 1
14		An toàn phòng thí nghiệm	2	2	0	X				HK 1
15		Thực hành hóa đại cương + hóa lý + vô cơ	3	0	3	X				HK 2
16		Hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh	3	3	0	X				HK 2
17		Thực hành hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh	3	0	3	X				HK 3
18		Công nghệ sơ chế thực phẩm	2	2	0	X				HK 4
19		Vi sinh vật	2	2	0	X				HK 4
20		Thực hành vi sinh vật	2	0	2	X				HK 4
21		Công nghệ chiết xuất	2	2	0	X				HK 5
22		An toàn thực phẩm	2	2	0	X				HK 5
23		Thực hành công nghệ chiết xuất	2	0	2	X				HK 5
24		Dinh dưỡng thực phẩm	2	2	0	X				HK 5
25		Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm	2	0	x	X				HK 5
Tổng			34	25	9	x				

4.7.2.2 Kiến thức chuyên ngành CNTP: 48 tín chỉ

Bảng 4: Khối kiến thức chuyên ngành

(Đơn vị tính: Tín chỉ)

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
26		Phụ gia thực phẩm	3	3	0	X				HK 6
27		Công nghệ chế biến nông sản & xuất khẩu	3	3	0	X				HK 6
28		Kiểm nghiệm chất lượng nông sản	3	3	0	X				HK 6
29		Công nghệ bảo quản	3	3	0	X				HK6
30		Thực hành chuyên ngành 1 (kiểm nghiệm+phụ gia+bảo quản thực phẩm)	5	0	5	X				HK6
31		Luật thực phẩm	2	2	0	X				HK 6
41		Lập và phân tích dự án	2	2	0	X				HK 6
32		Phân tích và đánh giá cảm quan	2	2	0	X				HK 6
33		Phát triển sản phẩm	3	3	0	X				HK 7
34		Thực phẩm chức năng	2	2	0	X				HK 7
35		Đóng gói và bao bì sản phẩm	2	2	0	X				HK 7
36		Công nghệ lên men	3	3	0	X				HK 7
37		Thực hành chuyên ngành 2 (phát triển sản phẩm+ Công nghệ lên men+ cảm quan)	5	0	5	X				HK 7
44		Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	3	3	0	X				HK 7
		Thực hành công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	3	0	3	X				HK 7
47		Marketing ứng dụng	2	2	0	X				HK 7
46		Công nghệ sản xuất đồ uống	2	2	0	X				HK 7

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
40		Probiotic và Prebiotic trong thực phẩm	2	2	0		X			HK 6
45		Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	2	0		X			HK 6
42		Xử lý nước thải và phế phụ phẩm	2	2	0		X			HK 6
48		Mô hình hóa và mô phỏng trong công nghệ thực phẩm	3	3	0		X			HK 7
47		Marketing ứng dụng	3	3	0	X				HK 7
48		Công nghệ sản xuất đồ uống	3	3	0	X				HK 7
49		Học kỳ du học hè ngắn hạn tại Đài Loan	3	3	0		X			HK 7
Tổng			48	35	13					

4.7.2.3. Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp: 17 tín chỉ.

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
49		Thực tế vùng nguyên liệu – ngành CNTP	3	0	3	X				HK 2
50		Thực tập 1: <i>Thực tập nhập môn ngành</i>	3	0	3	X				HK 4
51		Thực tập 2: <i>Thực tập cơ sở</i>	3	0	3	X				HK 6
52		Thực tập 3: <i>Thực tập nghề nghiệp</i>	3	0	3	X				HK 8
53		Khóa luận tốt nghiệp	5	0	5					HK 8
Tổng			17		17					
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ										
54a		Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm	2	2	0					HK 8
54b		Công nghệ nấm công nghiệp	3	3	0					HK 8

4.8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO:

Học kỳ/ năm học	Học phần được bố trí giảng dạy, học tập
1,2/ I	Kiến thức giáo dục đại cương
3,4,5/ II	Kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành
6,7/ III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành
8/ IV	Khóa luận tốt nghiệp

4.8.1. Khung thời gian đào tạo

Bảng 5: Khung thời gian đào tạo

(ĐVT: tuần)

Năm học	Học		Thi		Hè	Tết	Lễ	Khai, bế giảng	Dự phòng	Thực tế	Cộng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN								
I	26	4	6	0	6	2	1	1	2	0	48	4 GDQP

II	23	7	6	0	6	2	1	0	2	1	48	
III	22	8	6	0	6	2	1	0	2	1	48	
IV				21	0	2	1	1	1	4	30	
Cộng	71	19	18	21	18	8	4	2	7	6	177	

4.8.2. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

Bảng 6: Kế hoạch giảng dạy phân theo học kỳ

HỌC KỲ 1

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
1		Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2	2	0				
2		Hóa đại cương + hóa lý + vô cơ	3	3	0				
3		An toàn phòng thí nghiệm	2	2	0				
4		Sinh học đại cương	2	2	0				
Tổng cộng			11	11	0				

HỌC KỲ 2

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
5		Nghiên cứu khoa học	3	3	0				
6		Giáo dục thể chất	2	2	0				
7		Thực hành hóa đại cương + hóa lý + vô cơ	2	0	2				
8		Hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh	2	2	0				
9		Thực tế thiên nhiên (ngành CNTP)	3	0	3				
		Tổng cộng	12	7	5				

HỌC KỲ 3

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
10		Giáo dục quốc phòng an ninh	8	5	3				
11		Thực hành hóa phân tích + hữu cơ + hóa sinh	3	0	3				
Tổng cộng			11	5	6				

HỌC KỲ 4

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
12		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2	0				
13		Công nghệ sơ chế thực phẩm	2	2	0				
14		Vi sinh vật	2	2	0				
15		Thực hành vi sinh vật	3	0	3				
16		Công nghệ chiết xuất	2	2	0				
17		An toàn thực phẩm	2	2	0				
18		Thực tập 1: Thực tập nhập môn ngành.	3	0	3				
Tổng cộng			16	10	6				

HỌC KỲ 5

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
19		Triết học Mác – Lênin	3	3	0				

20		Giáo dục thể chất	3	0	3				
21		Thực hành công nghệ chiết xuất	2	0	2				
22		Dinh dưỡng thực phẩm	2	2	0				
23		Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm (2+0)	2	2	0				
Tổng cộng			12	7	5				

HỌC KỲ 6

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
24		Phụ gia thực phẩm	3	3	0				
25		Công nghệ chế biến nông sản & xuất khẩu	3	3	0				
26		Kiểm nghiệm chất lượng nông sản	3	3	0				
27		Công nghệ bảo quản	3	3	0				
28		Thực hành chuyên ngành 1 (kiểm nghiệm+phụ gia+ bảo quản thực phẩm)	5	0	5				
29		Luật thực phẩm	2	2	0				
30		Lập và phân tích dự án	2	2	0				
31		Phân tích và đánh giá cảm quan	2	2	0				
32		Thực tập 2: Thực tập cơ sở	3	0	3				
Học phần tự chọn (2 TC)									
32		Probiotic và Prebiotic trong thực phẩm	2	2	0				
33		Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	2	2	0				
34		Xử lý nước thải và phế	2	2	0				

		<i>phụ phẩm</i>							
Tổng cộng			31	13	6				

HỌC KỲ 7

TT	Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
				LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Học phần bắt buộc									
24		Phát triển sản phẩm	3	3	0				
25		Marketing ứng dụng	2	2	0				
26		Thực phẩm chức năng	2	2	0				
27		Đóng gói và bao bì sản phẩm	2	2	0				
28		Công nghệ lên men	3	3	0				
29		Thực hành chuyên ngành 2 (phát triển sản phẩm+ Công nghệ lên men+ +cảm quan)	5	0	5				
30		Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	3	3	0				
31		Thực hành công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu	3	0	3				
Học phần tự chọn (3TC)									
30		Mô hình hóa và mô phỏng trong công nghệ thực phẩm	3	3	0				
31		Marketing ứng dụng	3	3	0				
32		Công nghệ sản xuất đồ uống	3	3	0				
33		Học kỳ du học hè ngắn hạn tại Đài Loan	3	3	0				
Tổng cộng			25	17	8				

HỌC KỲ 8

Ký hiệu HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ					
			LT	TH	Thảo luận	BT lớn	TH/ TN	Đồ án
Khóa luận tốt nghiệp								
52	Thực tập 3: Thực tập nghề nghiệp	3		3				
53	Khóa luận tốt nghiệp	5		5				
Các học phần thay thế cho khóa luận tốt nghiệp								
54a	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm	2	2					
54b	Công nghệ nấm công nghiệp	3	2	1				
Tổng cộng		8		8				

Tổng thời lượng: 120 tín chỉ

4.9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

4.9.1 Đối với cơ sở đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

4.9.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.
- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế niên chế.
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá.

4.9.3 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các thông tin trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

4.9.4 Thực tập

Sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm có thể thực tập và nghiên cứu thực tế ở các cơ quan đơn vị, ban ngành có liên quan:

- Sở Khoa học và Công nghệ (tỉnh/thành phố);
- Sở Công thương (tỉnh/thành phố);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (tỉnh/thành phố);
- Sở y tế (tỉnh/thành phố);
- Chi cục an toàn VSTP (tỉnh/thành phố);
- Các phòng: Công thương, Nông nghiệp và PTNT các quận - thị - huyện;
- Các phường, thị trấn, xã;
- Các công ty tư vấn, công ty đầu tư kinh doanh, sản xuất trong các lĩnh vực liên quan đến ngành thực phẩm, lương thực, nước giải khát, thực phẩm chức năng;
- Các Viện, Trường Đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu trong nước như:

- + Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm.
- + Đại học Nông Lâm Tp.Hồ Chí Minh
- + Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh.
- + Trung tâm Công nghệ sinh học Tp.Hồ Chí Minh.
- + Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh.

4.10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.10.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (21 Tín chỉ)

4.10.1.1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin
2. Số tín chỉ: 5 (5, 0)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:
 - Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Chương trình bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
6. Tài liệu học tập chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, 2009.

4.10.1.2. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Số tín chỉ: 3 (3, 0)
3. Trình độ: năm thứ ba
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:
 - Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Chương trình giới thiệu khái lược về đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc

Mỹ xâm lược (1945 - 1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.

6. Tài liệu học tập chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009.

4.10.1.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ hai

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18-09-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chương trình môn học giới thiệu khái quát về cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và đạo đức.

6. Tài liệu học tập chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2009.

4.10.1.4. TƯ DUY BIỆN LUẬN ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Tư duy biện luận ứng dụng

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết: không

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần gồm có các nội dung cơ bản như:

- Nhận biết được thế nào là tư duy biện luận
- Hiểu các thành tố và thuộc tính của tư duy biện luận
- Vận dụng, thực hiện tư duy biện luận trong giải quyết tình huống đưa ra
- Phân chia, khái quát hóa các tố chất của tư duy biện luận
- Đánh giá, tranh luận, chứng minh một vấn đề để phát huy tư duy biện luận

6. Tài liệu học tập chính:

Dương Thị Hoàng Oanh (2015), *Tư duy biện luận ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

4.10.1.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần gồm có 04 phần với 12 chương gồm những nội dung cơ bản như:

- Phần thứ 1: đại cương về nhà nước và pháp luật, gồm những khái niệm và lý luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Phần thứ 2: đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm các lĩnh vực: pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự, pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, pháp luật đất đai và môi trường.
- Phần thứ 3: đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế.
- Phần thứ tư: đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

6. Tài liệu học tập chính:

Giáo trình "Pháp luật Đại cương", Bộ giáo dục và đào tạo– NXB Đại học sư phạm, 2015.

4.10.1.6. TƯ DUY SÁNG TẠO VÀ NCKH

1. Tên học phần: Tư duy sáng tạo và nghiên cứu khoa học

2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết: Tư duy biện luận

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Trong học phần này, bạn sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.

Học phần này sẽ cung cấp cho bạn những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng sáng tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.

6. Tài liệu học tập chính:

Nhiều tác giả, 2012, *Nhập môn Tư duy sáng tạo và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Tri Thức và Trung tâm phát triển khoa học và công nghệ trẻ.

4.10.1.7. HÓA ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Hóa đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn Hoá Đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương cần thiết về cấu tạo chất (cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học...) được xây dựng dựa trên lý thuyết cơ học lượng tử hiện đại, và về các qui luật diễn ra của các quá trình hóa học (động lực, chiều, mức độ, tốc độ, cơ chế, các điều kiện xảy ra...) trên cơ sở các lý thuyết nhiệt động học.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Đình Soa, *Hóa đại cương, tập 1 và 2*, Trường Đại học Bách khoa TP.HCM, 1989.

4.10.1.8. DÂN TỘC HỌC

1. Tên học phần: Dân tộc học
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về Dân tộc học như khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và lịch sử phát triển của ngành Dân tộc học của Việt Nam cũng như trên thế giới; tộc người và đặc trưng tộc người; về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam: đặc điểm phân bố và các đặc trưng văn hoá tộc người ở Việt Nam; chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ đó có thể vận dụng vào việc nghiên cứu các vấn đề văn hoá và văn hoá tộc người.

6. Tài liệu học tập chính:
 - Lê Sỹ Giáo, *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, 1997.
 - Đặng Nghiêm Vạn, *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, 1998.

4.10.1.9. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ hai
4. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý; các khái niệm cơ bản về tâm lý học: tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các hoạt động tâm lý cơ bản. Vận dụng kiến thức Tâm lý học vào cuộc sống và học tập.

6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP Hà Nội, 2003.

4.10.1.10. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Xã hội học đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung môn học bao gồm những khái niệm và kiến thức cơ bản về xã hội học như quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, cá nhân và xã hội - quá trình xã hội hoá và một số trường phái xã hội học; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản; Phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng trong xã hội học.

6. Tài liệu học tập chính:
- Nguyễn Hữu Khiển – Cb, *Giáo trình Xã hội học đại cương*, Đào tạo đại học hành chính, Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2008.
 - Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học*, Đại học quốc gia Hà Nội, 2008.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 1
2. Số tín chỉ:
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:
- Nguyễn Kim Minh, *Giáo trình điền kinh*, NXB. Đại học Sư phạm, 2003.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 2
2. Số tín chỉ:
3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Nội dung ban hành kèm theo QĐ số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Kim Minh, Hồ Đắc Sơn, *Giáo trình bóng chuyền*, NXB. Đại học Sư phạm, 2003.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng

2. Số tín chỉ:

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tài liệu học tập chính:

- Đào Mạnh hiệp và ctg, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

- Nguyễn tiến Hải và ctg, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

4.10.2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (50 Tín chỉ)

4.10.2.1. NHẬP MÔN NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Nhập môn ngành công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Trình độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nhập môn ngành được thiết kế để trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về ngành công nghệ thực phẩm. Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về ngành công nghệ thực phẩm, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp tương lai của mình.

Học phần này giúp cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Xuân Hiền (2005), *Chế biến thực phẩm đại cương*. Trường đại học An Giang.

4.10.2.2. VẬT LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Vật lý đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết : không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần lý B1:
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ học như: chuyển động của chất điểm; mối liên hệ giữa lực và chuyển động; công và năng lượng; chuyển động quay của vật rắn; chuyển động của chất khí; chuyển động dao động và những kiến thức cơ sở về thuyết tương đối hẹp.
 - Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của nhiệt động lực học; thuyết động học phân tử khí; trạng thái rắn của vật chất và sự chuyển pha.
 - Nắm vững các kiến thức trên, sinh viên có thể hiểu được các quy luật chuyển động của các vật thường gặp trong kỹ thuật và trong cuộc sống hàng ngày, có thể hiểu được sự vận động của các nguyên tử, phân tử cấu tạo nên các vật và tính chất nhiệt của chúng.
6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Thị Bé Bảy, *Vật lý đại cương (Cơ – nhiệt)*, ĐHBK TP.HCM, 2003.

VẬT LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG B2

4. Điều kiện tiên quyết: Vật lý đại cương B1
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần B2
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điện trường, từ trường; tương tác điện, tương tác từ; các hiện tượng cảm ứng điện từ; chuyển động của các hạt tích điện trong điện trường và trong từ trường; chuyển động dao động và sóng điện từ; các hiện tượng đặc trưng của quá trình sóng như giao thoa, nhiễu xạ ánh sáng; các hiện tượng hấp thụ, tán sắc và phân cực ánh sáng; một số khái niệm cơ bản về cấu trúc nguyên tử và hạt nhân.
 - Nắm vững các kiến thức trên sinh viên có thể hiểu được các quy luật của các hiện tượng điện, từ, quang; bước đầu hiểu được mối quan hệ giữa chuyển động của các hạt thành phần cấu tạo nên vật và các tính chất vĩ mô của chúng.
6. Tài liệu học tập chính:
 - Nguyễn Văn Ánh, Hoàng Văn Việt, *Giáo trình vật lý đại cương*, NXB. Đại học Sư phạm, 2004.
 - Lương Duyên Bình, *Vật lý đại cương, Tập 1*, NXB. Giáo dục, 1994.
 - Lương Duyên Bình, Ngô Phú An, Lê Băng Sương, Nguyễn Hữu Tăng, *Vật lý đại cương, Tập 2*, NXB. Giáo dục, 2003.

4.10.2.3. TOÁN CAO CẤP

1. Tên học phần: Toán cao cấp
2. Số tín chỉ: 2 (1, 1)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết: không
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần toán A 1:
 - Trang bị những kiến thức về chuỗi số, chuỗi lũy thừa và chuỗi Fourier: sự hội tụ và phân kỳ của một chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi đan dấu, chuỗi lũy thừa, chuỗi Fourier.
 - Phương trình vi phân thường: phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai, hệ phương trình vi phân tuyến tính cấp một với hệ số hằng số.
 - Phương trình đạo hàm riêng: phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp một, cấp hai, phương pháp giải phương trình truyền sóng.
6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán cao cấp A1 (Tập 2)*, NXB Giáo Dục, 2007.

TOÁN CAO CẤP A2

4. Điều kiện tiên quyết: Toán A1
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần toán A 2:
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để tính vi phân và tích phân của hàm số với nội dung chính bao gồm :
 - Phép tính vi phân của hàm số: hàm số một biến số, hàm liên tục, đạo hàm và vi phân của hàm một biến số, đạo hàm của hàm hợp và hàm ngược, ứng dụng vi phân để tính gần đúng, đạo hàm và vi phân cấp cao, hàm nhiều biến, đạo hàm riêng cấp một và cấp cao của hàm nhiều biến, cực trị của hàm hai biến, phương trình tiếp tuyến và phương trình mặt phẳng tiếp xúc.
 - Phép tính tích phân của hàm số: nguyên hàm và tích phân xác định, tính tích phân xác định, tích phân suy rộng với cận vô hạn, tính tích phân hai lớp và ba lớp, tích phân mặt và cách tính, các công thức : Green, Stokes, Gauss, Ostrogradski.
6. Tài liệu học tập chính: Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán cao cấp A 2 (Tập 1)*, NXB Giáo Dục, 2007.

4.10.2.4. SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Sinh học đại cương
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ nhất
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết về sinh học để giúp sinh viên học tập các học phần về thiên nhiên. Nội dung chủ yếu của học phần gồm: các kiến thức về tế bào và cơ sở di truyền học, sinh học thực vật, sinh học động vật, nguồn gốc sự sống và các giới sinh vật, quan hệ sinh vật với môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Như Hiền, *Sinh học đại cương*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

4.10.2.5. SINH HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Sinh hóa học đại cương

2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

3. Trình độ: năm thứ nhất

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Môn học nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức về thành phần cơ bản của cơ thể sống (sinh vật), những biến đổi thành phần trong quá trình sống của sinh vật (chuyển hóa các chất trong thành phần cơ thể sống), ứng dụng những chuyển hóa này trong các quá trình sản xuất thực tế, vận dụng vào các quá trình có liên quan đến Sinh học và Công nghệ Sinh học: SX các sản phẩm mới có tính ưu việt hơn, điều khiển các quá trình SX theo hướng có lợi nhất, sáng tạo ra những quy trình mới có ứng dụng vi sinh vật trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trong xử lý môi trường

6. Tài liệu học tập chính:

- Giáo trình: “Sinh hóa học đại cương” của ThS. Vương Lợi.
- Đồng Thị Thanh Thu. Sinh hóa cơ bản phần I, Nxb ĐHKH tự nhiên, TPHCM (2000).
- Hà Ái Quốc, Nguyễn Đình Huyền, Đồng thị Thanh Thu (HĐ), Sinh hóa cơ bản phần II, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM (2000).
- Trương Thanh Cảnh, Sinh hóa môi trường, Nxb KH & KT (2009).

4.10.2.6. CÔNG NGHỆ ENZYME - PROTEIN

1. Tên học phần: Công nghệ enzyme - protein

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 1

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học nghiên cứu các nội dung chính như sau:

- Thành phần, tính chất, cơ chế hoạt động của enzyme.
- Phân loại enzyme.
- Các phương pháp tinh chế enzyme.
- Ứng dụng của enzyme trong đời sống.

6. Tài liệu học tập:

- Nguyễn Đức Lượng, Cao Cường, Nguyễn Anh Tuyết...2004. *Công nghệ enzym*, NXB Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Thị Trân Châu, Phan Tuấn Nghĩa, 2007. *Công nghệ sinh học, Tập ba: Enzyme và ứng dụng*, NXB Giáo Dục.

4.10.2.7. VI SINH VẬT HỌC

1. Tên học phần: Vi sinh vật học
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học cung cấp các kiến thức về các nhóm vi sinh vật, cách phân biệt, đặc điểm của từng nhóm. Ngoài ra môn học cũng trình bày các kiến thức về sinh lý, di truyền của vi sinh vật. Đồng thời, môn học còn cung cấp các kiến thức để ứng dụng các kiến thức về vi sinh vật trong thực tế.

6. Tài liệu học tập chính:

- Nguyễn Thành Đạt, Mai Thị Hằng, 2007. *Vi sinh học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
- Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyên, Phạm Văn Ty, 1997. *Vi sinh vật học*, NXB Giáo dục.
- Bruce Alberts, Dennis Bray, Julian Lewis, Martinkaff, Keith Roberts, James D. Watson, 2005. *Molecular Biology of the cell*, Garland Publishing Inc, New York.

4.10.2.8. VI SINH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Vi sinh thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ vi sinh vật trong thực phẩm, ứng dụng của hệ vi sinh vật có lợi và các phương pháp ức chế hệ vi sinh vật có hại cho thực phẩm.

Đây là môn học cơ sở ngành giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức của những môn học chuyên ngành cũng như giúp sinh viên vững vàng ứng dụng trong nghề nghiệp sau này.

Ứng dụng hợp lý và điều khiển các quá trình của vi sinh vật xảy ra trong công nghệ chế biến thực phẩm. Học phần này cũng cung cấp các kiến thức về ngộ độc thực phẩm bao gồm nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng tránh.

6. Tài liệu học tập chính:

- [1]. Bài giảng Vi sinh thực phẩm do giảng viên phụ trách biên soạn.

[2]. Nguyễn Thành Đạt 2012: "Cơ sở sinh học vi sinh vật" Tập I và tập II, nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.

4.10.2.9. HÓA HỌC THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Hóa học thực phẩm
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Trình độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến nước, hoạt độ của nước và vai trò của chúng đối với cấu trúc, chất lượng thực phẩm. Vai trò của protein, glucid, lipid, và một số thành phần khác trong thực phẩm. Các tính chất công nghệ của một số hợp phần thực phẩm quan trọng, các phương pháp biến hình lý, hoá để cải biến cấu hình của các hợp phần nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Lê Ngọc Tú (2003), Hóa học thực phẩm, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

4.10.2.10. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: VSAT Thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Trình độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về vệ sinh thực phẩm, an toàn thực phẩm và ngộ độc thực phẩm do việc sử dụng các chất hóa học, thuốc kháng sinh và các chất cấm trong sản xuất thực phẩm hiện nay. Ngoài ra còn giúp sinh viên nắm được các yêu cầu và biện pháp vệ sinh chủ yếu áp dụng trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Hữu Hòa, Phạm Diệu Thùy (2017), *Bài giảng Vệ sinh An toàn Thực Phẩm*, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.

4.10.2.11. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Giới thiệu cho học viên các khái niệm và công cụ nghiên cứu khoa học cơ bản như Chuẩn bị đề cương nghiên cứu, Thiết kế và thực hiện nghiên cứu, Cách thành lập bảng hỏi, Phương pháp thu thập số liệu, Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu, Phân tích và phát biểu thành lời những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu, cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu, ...và các kỹ năng liên quan nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nghiên cứu.

- Hướng dẫn cho sinh viên sử dụng một số công cụ lập kế hoạch nghiên cứu, thống kê và phân tích số liệu (Excel hoặc Origin). Môn học này được giảng dạy vào Học kỳ 1 và kéo dài 6 tuần lễ gồm 1 bài giảng và các bài tập thực hành hàng tuần. Các bài tập sau đó được trình bày và thảo luận trước lớp.

6. Tài liệu học tập chính:

Vũ Cao Đàm (2008). *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học*. NXB Giáo Dục.

4.10.2.12. DINH DƯỠNG THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Dinh dưỡng thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh thực phẩm

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (2003), Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người. Việt Nam. NXB Y học Hà Nội

[2] Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn Thực phẩm. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Dinh dưỡng và An toàn Thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

4.10.2.13. QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ TRONG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về các quá trình thủy lực, khí nén và các quá trình cơ học, truyền khối xảy ra trong công nghệ thực phẩm, ứng dụng và vận hành các hệ thống thiết bị phục vụ cho quá trình xử lý thực phẩm một cách hợp lý, đồng thời làm nền tảng cho việc thực hiện các đề án môn học, đề án khóa luận tốt

nghiệp.

Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về quá trình thủy lực, khí nén và các quá trình cơ học, truyền khối, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của mình.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Tân Dũng, Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong công nghệ hóa học và thực phẩm, phần 1, phần 3. NXB ĐHQG TpHCM, năm 2013.

4.10.2.14. ĐỒ ÁN QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ TRONG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Đồ án quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (0, 1)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Hệ thống hóa phương pháp tính toán các quá trình, thiết bị trong cơ học, truyền khối, truyền nhiệt ứng dụng trong công nghệ thực phẩm.
- Tính toán thiết kế được các thiết bị cơ học, truyền nhiệt, truyền khối
- Thực hiện được bản vẽ sơ đồ quy trình công nghệ, cấu tạo thiết bị chính ứng dụng trong công nghệ thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang, *Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá học và thực phẩm*, tập 3: truyền khối, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2009.

[2] Phạm Văn Bôn, Nguyễn Đình Thọ. *Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 5: quá trình và thiết bị truyền nhiệt: quyển 1: truyền nhiệt ổn định*, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2006.

4.10.2.15. TRUYỀN NHIỆT TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Truyền nhiệt trong chế biến thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Quá trình và thiết bị

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

- Các kiến thức cơ bản về quá trình truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm: dẫn nhiệt, đối lưu nhiệt, bức xạ nhiệt, quá trình cô đặc, quá trình lạnh...
- Tính toán các quá trình trao đổi nhiệt, cô đặc, quá trình lạnh.

- Nguyên lý hoạt động, cấu tạo, nguyên tắc vận hành các thiết bị chính trong các quá trình: trao đổi nhiệt, cô đặc, quá trình lạnh.

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Giải thích nguyên lý các quá trình trao đổi nhiệt, cấu tạo của các loại thiết bị trao đổi nhiệt và ứng dụng của chúng trong công nghệ thực phẩm
- Tính toán thiết kế được các thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị cô đặc, thiết bị lạnh....

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Phạm Văn Bôn, Nguyễn Đình Thọ. Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 5: quá trình và thiết bị truyền nhiệt: quyển 1: truyền nhiệt ổn định, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2006.

4.10.2.16. TRUYỀN KHỐI TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Truyền khối trong chế biến thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết: Quá trình và thiết bị

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý thuyết và tính toán các quá trình và thiết bị trao đổi chất giữa hai pha. Nắm được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số thiết bị liên quan đến quá trình truyền khối trong công nghiệp. Phân kỹ năng tính toán sinh viên được rèn luyện thông qua bài tập.

Học phần bao gồm 8 chương lớn trình bày những khái niệm chung về các quá trình truyền khối, về các quá trình và thiết bị hấp thụ, chưng cất, trích ly, kết tinh và sấy.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang, Các quá trình và thiết bị công nghệ hoá học và thực phẩm, tập 3: truyền khối, Nxb Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh, 2009.

4.10.2.17. ĐỘC TỔ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Độc tố thực phẩm

2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

3. Tiến độ: năm thứ 2

4. Điều kiện tiên quyết:

5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất và các loại độc tố trong thực phẩm, cơ chế hấp thụ, phân bố, tàng trữ, chuyển hóa sinh học và đào thải chất độc ra khỏi cơ thể sống; tác dụng độc và phương pháp xác định độc tính của chất độc; các phương pháp định tính và định lượng chất độc có trong nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Dương Thanh Liêm - *Độc chất học và vệ sinh an toàn nông sản thực phẩm* – Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2010.

[2] Lê Ngọc Tú - *Độc tố học và An toàn Thực phẩm* - Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2006.

4.10.2.18. LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Luật an toàn thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiên độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về thực phẩm, chất lượng thực phẩm, luật và các pháp lệnh, quy định trong sản xuất và chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn các quy trình và thủ tục để đăng ký tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm, công bố các tiêu chuẩn thực phẩm, các quy định về ghi nhãn hàng hóa, giấy chứng nhận đạt vệ sinh an toàn thực phẩm, các quy định về nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm.

Trang bị cho người học các kiến thức về luật cho các nhóm thực phẩm như luật trong thực phẩm chức năng

Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về luật của châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc,...

Giúp người học biết và hiểu về một số quy định cụ thể liên quan đến xuất và nhập thực phẩm ví dụ như quy trình xuất 1 lô hàng thủy sản vào Mỹ.

6. Tài liệu học tập chính:

Luật số 55/2010/ QH 2012, Luật an toàn thực phẩm.

4.10.2.19. THIẾT KẾ BAO BÌ THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thiết kế bao bì thực phẩm
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiên độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bao bì thực phẩm như vai trò và chức năng của bao bì trong bảo quản và chế biến thực phẩm, tính chất của các loại vật liệu dùng làm bao bì thực phẩm, các phương pháp đóng gói và ứng dụng chúng đối với một số loại sản phẩm. Nội dung chính của học phần gồm: Học phần “Bao bì thực phẩm” gồm có 6 chương tập trung vào các nội dung chính: Giới thiệu về bao bì thực phẩm; Chức năng của bao bì thực phẩm; Cấu tạo, phân loại bao bì thực phẩm; Nhãn hiệu thực phẩm; Mã số mã vạch; cấu tạo và

yêu cầu kỹ thuật của các loại bao bì dùng trong công nghệ thực phẩm; Công nghệ bao gói bao bì thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Đổng Thị Anh Đào (2008), *Kỹ thuật bao bì thực phẩm*. NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

4.10.2.20. THỰC HÀNH HÓA HỌC THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thực hành hóa học thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm các nội dung sau: các thí nghiệm về tính chất và phương pháp định lượng các thành phần dinh dưỡng và thành phần chức năng trong nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm như glucid, lipid, protein, enzyme, vitamin, khoáng.

Giới thiệu về cách sử dụng các phương pháp phân tích quang phổ hiện đại như UV-Vis, IR, ... để tiến hành phân tích cấu trúc hóa học của các hợp chất hữu cơ.

Kiến thức về tác động của hóa học hữu cơ đối với xã hội và môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Lê Ngọc Tú (2003), *Hóa học thực phẩm*, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

4.10.2.21. THỰC HÀNH SINH HÓA HỌC

1. Tên học phần: Thực hành sinh hóa học
2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh Hóa học đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản làm việc trong các phòng thí nghiệm Sinh hóa, bao gồm: các quy tắc an toàn phòng thí nghiệm, các thao tác sử dụng các thiết bị thí nghiệm thông dụng và các máy móc phân tích hiện đại.

Sinh viên có khả năng thực hiện các phương pháp kiểm tra định lượng một số chỉ tiêu sinh hóa cơ bản, bố trí các thí nghiệm về ứng dụng sinh hóa cơ bản trong thực tế sản xuất.

Học phần thực hành này giúp sinh viên làm quen với thao tác phòng thí nghiệm, củng cố thêm kiến thức cho các nội dung lý thuyết, giúp sinh viên yêu thích thêm ngành học và hình thành những ý tưởng nghiên cứu sau này.

6. Tài liệu học tập chính:

4.10.2.22. THỰC HÀNH VI SINH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Thực hành vi sinh thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: vi sinh thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi sinh vật như đặc điểm về hình thái, cấu tạo, dinh dưỡng, quá trình sinh trưởng, phát triển, hoạt động sống cũng như vai trò quan trọng của vi sinh vật đối với các quá trình chuyển hóa cơ bản của các chất trong thiên nhiên nói chung và trong thực phẩm nói riêng. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ vi sinh vật trong thực phẩm, ứng dụng của hệ vi sinh vật có lợi và các phương pháp ức chế hệ vi sinh vật có hại cho thực phẩm.

Đây là môn học cơ sở ngành giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức của những môn học chuyên ngành cũng như giúp sinh viên vững vàng ứng dụng trong nghề nghiệp sau này. Ứng dụng hợp lý và điều khiển các quá trình của vi sinh vật xảy ra trong công nghệ chế biến thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Linh Thuốc, 2006, *Phương pháp phân tích vi sinh vật trong nước, thực phẩm và môi trường*, NXBGD.

4.10.2.23. SINH HÓA ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Sinh hóa ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh hóa đại cương, thực hành sinh hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở hóa học, sinh học của các quá trình lên men, ứng dụng vi sinh và các chất có hoạt tính sinh học vào lãnh vực thực phẩm, xử lý môi trường, chăn nuôi và các lãnh vực sản xuất công nghiệp khác.

Học phần cũng giúp định hướng cho người học việc sử dụng enzyme và các chế phẩm sinh học để giải quyết các vấn đề của cuộc sống và các quá trình sản xuất công nghiệp, để có thể cải tiến công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các nguy cơ ô nhiễm môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

Đồng Thị Thanh Thu (2003), *Sinh hóa ứng dụng*, NXB. Đại học Quốc Gia TP. HCM.

4.10.2.24. THỰC HÀNH SINH HÓA ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Thực hành Sinh hóa ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (0, 2)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Sinh hóa ứng dụng
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản làm việc trong các phòng thí nghiệm Sinh hóa, bao gồm: các quy tắc an toàn phòng thí nghiệm, các thao tác sử dụng các thiết bị thí nghiệm thông dụng và các máy móc phân tích hiện đại.

Sinh viên có khả năng thực hiện các phương pháp kiểm tra định lượng một số chỉ tiêu sinh hóa cơ bản trong nông sản và thực phẩm, bố trí các thí nghiệm về ứng dụng sinh hóa trong thực tế sản xuất.

Học phần thực hành này giúp sinh viên làm quen với thao tác phòng thí nghiệm, củng cố thêm kiến thức cho các nội dung lý thuyết, giúp sinh viên yêu thích thêm ngành học và hình thành những ý tưởng nghiên cứu sau này.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Ngọc Hùng (2018), *Bài giảng thực hành sinh hóa ứng dụng*, Trường Đại Học Thủ Dầu Một, tài liệu lưu hành nội bộ.

4.10.3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (32 Tín chỉ)

4.10.3.1. PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ VÀ BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM

1. Tên học phần: Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên tắc khi bố trí một thí nghiệm, cung cấp thông tin cho người học với nhiều cách bố trí thí nghiệm và nhiều cách thống kê xử lý số liệu để đánh giá, nhận xét số liệu theo giả thiết đã đặt ra. Phương pháp nghiên cứu và thu thập số liệu, xác định được các dạng số liệu để chọn cách thống kê, cách bố trí thí nghiệm, kiểm định giả thuyết, phân tích phương sai và xếp hạng các trung bình, lập phương trình hồi quy. Bên cạnh đó, môn học rèn luyện rèn luyện kỹ năng phân tích kết quả thống kê vào báo cáo khoa học. Bồi dưỡng ý thức và trách nhiệm khi tiến hành phân tích số liệu một cách trung thực.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Văn Đức (2002). *Phương pháp kiểm tra thống kê sinh học*. NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

4.10.3.2. CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

1. Tên học phần: Công nghệ sau thu hoạch
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Công nghệ sau thu hoạch là phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các biến đổi sinh lý và hóa sinh trong nông sản sau thu hoạch; những rối loạn sinh lý, sự thiệt hại do vi sinh vật, mầm bệnh và các nhân tố khác dẫn đến sự mất mát chất lượng sản phẩm; nguyên lý và các phương pháp bảo quản, chế biến nông sản; quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Lê Văn Tân (chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Lệ Hằng, Quấn Lê Hà (2008), “Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả”, NXB Khoa học và Kỹ thuật

[2] Hà Văn Thuyết, Cao Hoàng Lan, Nguyễn Thị Hạnh(2013), ”Công nghệ rau quả” , NXB Bách Khoa Hà Nội.

4.10.3.3. PHỤ GIA THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Phụ gia thực phẩm
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về phụ gia được sử dụng trong công nghệ thực phẩm để sau khi hoàn thành môn học, người học có thể lựa chọn được các loại phụ gia phù hợp với từng loại nguyên liệu và sản phẩm thông qua tìm hiểu về đặc điểm và tính chất của chúng.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Phú Đức (Chủ biên), Lê Thị Hồng Ánh. 2017, *Giáo trình Phụ gia thực phẩm*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

4.10.3.4. CÔNG NGHỆ KIỂM NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Công nghệ kiểm nghiệm và phân tích thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cách thức lấy mẫu; Nguyên tắc, cách thức tiến hành và xử lý kết quả của các phương pháp phân tích thành phần hóa học và chỉ tiêu vi sinh có trong thực phẩm. Ứng dụng những kiến thức về phân tích thực phẩm trong kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. Giúp cho sinh viên có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến thực phẩm. Đồng thời nâng cao kỹ năng về công nghệ phân tích thực phẩm giúp ích cho sinh viên hội nhập kinh tế quốc tế về an toàn thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Hà Duyên Tư (chủ biên), *Phân tích hóa học thực phẩm*, NXB khoa học và kỹ thuật, 2009.

[2]. Trần Linh Thuộc, *Phương pháp phân tích vi sinh vật trong nước, thực phẩm và môi trường*, NXB giáo dục, 2002.

4.10.3.5. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

1. Tên học phần: Công nghệ sản xuất đồ uống
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về phương pháp phân loại các loại thức uống trên thị trường, tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thức uống hiện nay; tính chất, vai trò của các loại nguyên liệu sử dụng trong công nghệ sản xuất thức uống; quy trình công nghệ sản xuất các loại thức uống không cồn (nước uống đóng chai, nước giải khát pha chế, nước rau quả) và thức uống có cồn (bia, rượu...) và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm thức uống.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Bùi Ái, 2013. *Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM.

[2] Hoàng Đình Hòa, 2002. *Công nghệ sản xuất malt và bia*. NXB khoa học và kỹ thuật.

[3] Lê Văn Việt Mẫn, 2006. *Công nghệ sản xuất thức uống pha chế*, tập 2. Nhà xuất bản Đại học quốc gia, 2010.

4.10.3.6. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN RAU QUẢ

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến rau quả
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học tìm hiểu các thành phần hóa học của rau quả, các thành phần chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình chế biến và dinh dưỡng, sự biến đổi các thành phần hóa học trong quá trình chế biến và bảo quản, các phương pháp bảo quản rau quả tươi. Môn học còn bao gồm nội dung tìm hiểu các đặc điểm, tính chất và các chỉ tiêu của nguyên liệu chế biến sản phẩm rau quả cũng như nguyên tắc, phương pháp chế biến, quy trình sản xuất các loại đồ hộp rau quả, các loại thiết bị và nguyên tắc hoạt động thiết bị ứng dụng trong sản xuất các sản phẩm rau quả đóng hộp.

6. Tài liệu học tập chính:

Nguyễn Mạnh Khải, Nguyễn Thị Bích Thủy, Đinh Sơn Quang. 2005. *Giáo trình bảo quản nông sản*. Nhà xuất bản Giáo dục.

4.10.3.7. PROBIOTIC VÀ PREBIOTIC TRONG THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Probiotic và Prebiotic trong thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật đại cương
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về probiotic, prebiotic (khái niệm, phân lập, nuôi cấy, môi trường dinh dưỡng,...). Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp các kiến thức về mối tương tác giữa vi sinh vật đường ruột với cơ thể người. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được và giải thích được nguyên nhân tại sao vi sinh vật đường ruột tác động đến hệ miễn dịch ở người.

Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về probiotic như: kỹ thuật nuôi cấy, sản xuất probiotic, prebiotic trong tự nhiên và trong công nghiệp; ứng dụng của probiotic trong thực phẩm chức năng, trong thủy sản, chăn nuôi, và môi trường.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Văn Duy (chủ biên), Lê Đình Đức, Nguyễn Thị Kim Cúc, Phạm Thu Thủy, Lê Phương Chung)(2015). “*Giáo trình công nghệ probiotic*”, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

4.10.3.8. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN ĐIỀU, TIÊU, TRÀ, CÀ PHÊ, CA CAO

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Công nghệ chế biến và bảo quản thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học bao gồm các nội dung chính sau:

- Nguồn nguyên liệu điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao: thực trạng nguồn nguyên liệu, đặc điểm thực vật, thành phần hóa học của nguyên liệu.
- Quá trình thu hoạch, sơ chế, bảo quản tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao.
- Quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao
- Các tài liệu TCVN hiện hành về tiêu, điều, trà, cà phê, ca cao.

6. Tài liệu học tập chính:

Bài giảng môn học: “Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao” của giảng viên.

4.10.3.9. CÔNG NGHỆ NẤM ĂN VÀ NẤM DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần: Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị các kiến thức cơ bản về đặc điểm hình, cấu tạo, sinh lý và giá trị dinh dưỡng của nấm; cơ sở khoa học của việc trồng nấm; các kỹ thuật nuôi trồng một số loài nấm ăn và nấm dược liệu cũng như cách bảo quản và chế biến nấm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Lâm Dũng, 2005. Công nghệ nuôi trồng nấm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[2]. Nguyễn Hữu Đống, Đinh Xuân Linh, 2000. Nấm ăn – nấm dược liệu (Công dụng và công nghệ nuôi trồng). Nhà xuất bản Hà Nội.

4.10.3.10. THỰC HÀNH SẢN XUẤT NẤM ĂN VÀ NẤM DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần: Thực hành sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu
2. Số tín chỉ: 1 (0, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học này trang bị các kiến thức cơ bản về kỹ thuật nuôi trồng nấm, đặc biệt là nấm Bào ngư và nấm Linh chi. Bên cạnh đó, môn học rèn luyện kỹ năng thực hiện các thao tác như phân lập, nhân giống, vào bịch phôi, chăm sóc và thu hái nấm, giúp sinh viên tiếp cận với thực tế sản xuất.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Lâm Dũng, 2005. Công nghệ nuôi trồng nấm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[2]. Nguyễn Hữu Đống, Đinh Xuân Linh, 2000. Nấm ăn – nấm dược liệu (Công dụng và công nghệ nuôi trồng). Nhà xuất bản Hà Nội.

4.10.3.11. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỊT VÀ THỦY SẢN

1. Tên học phần: Công nghệ chế biến thịt và Thủy sản
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên liệu dùng trong thực phẩm và các phương pháp để chế biến thịt và thủy sản. Cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng để hiểu về thực phẩm và công nghệ chế biến thịt và thủy sản, đồng thời tiến hành các hoạt động quản lý chất lượng thực phẩm trong nhà máy chế biến. Môn học này sẽ giúp người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thịt, cá trong dinh dưỡng và chế biến thực phẩm, trong sản xuất công nghiệp.

Giúp cho sinh viên có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến thực phẩm. Đồng thời nâng cao kiến thức về công nghệ chế biến thịt và thủy sản sẽ giúp ích cho sinh viên hội nhập kinh tế quốc và có chiến lược về chế biến và xuất nhập khẩu sản phẩm thịt, tôm, cá khi xây dựng và hoạch định công nghệ thực phẩm tại các nhà máy chế biến thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Lê Văn Việt Mẫn và cộng sự, (2010), *Công nghệ chế biến thực phẩm*, NXB Đại học quốc gia Tp.HCM.

4.10.3.12. XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ PHÉ PHỤ PHẨM

1. Tên học phần: Xử lý nước thải và phế phụ phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa thực phẩm, Vi sinh thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Xử lý nước thải và phế phụ phẩm là môn học đề cập đến bản chất và tính chất của phế phụ phẩm cho ra từ quá trình hoạt động sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp thực phẩm. Từ đó đưa ra hướng giải quyết làm giảm lượng chất thải, tận dụng nguồn phế phụ phẩm cho các quá trình sản xuất các sản phẩm hữu ích phục vụ đời sống con người, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường, tăng thêm thu nhập, hướng tới quá trình sản xuất bền vững. Môn học cung cấp cho sinh viên những phương pháp, quy trình công nghệ chủ yếu để xử lý nước thải và phế phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp.

6. Tài liệu học tập chính:

Nicholas P. Cheremisinoff (2003), *“Handbook of solid waste management and waste minimization technologies”*, Amsterdam, The Netherlands: Butterworth-Heinemann.

4.10.3.13. MARKETING ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: Marketing ứng dụng
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Marketing ứng dụng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối và hoạt động tuyên truyền cổ động để thỏa mãn tốt nhu cầu người tiêu dùng. Nội dung chính của môn học tập trung giới thiệu những khái niệm cơ bản về hoạt động marketing, các quan điểm marketing hiện đại, phân loại khách hàng để tìm ra thị trường mục tiêu của mình, tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng trong từng thị trường và vấn đề Marketing quốc tế.

6. Tài liệu học tập chính:

Trần Minh Đạo (chủ biên), 2012. *Giáo trình Marketing căn bản*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

4.10.3.14. CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN LẠNH THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Công nghệ bảo quản lạnh thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức cơ bản về công nghệ chế biến và bảo quản lạnh thực phẩm, ứng dụng và vận hành các hệ thống thiết bị hệ thống lạnh phục vụ cho quá trình sản xuất một cách hợp lý, đồng thời làm nền tảng cho việc thực hiện các đồ án môn học, đồ án khóa luận tốt nghiệp

Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học chuyên sâu về công nghệ chế biến và bảo quản lạnh thực phẩm, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của mình.

6. Tài liệu học tập chính:

Bài giảng môn học: “Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cà phê, ca cao” của giảng viên.

4.10.3.15. KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN

1. Tên học phần: Kiểm nghiệm chất lượng nông sản
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Kiểm nghiệm chất lượng nông sản là một phần của quản lý chất lượng, tập trung vào việc thực hiện các yêu cầu chất lượng. Nội dung môn học sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kiểm soát chất lượng cũng có nghĩa là: “Những hoạt động và kỹ thuật mang tính tác nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu chất lượng”. Kiểm nghiệm chất lượng bao gồm những hoạt động và kỹ thuật mang tính tác nghiệp nhằm đồng thời theo dõi một quá trình và loại trừ những nguyên nhân của hoạt động không thỏa mãn ở mọi giai đoạn của vòng chất lượng để đạt hiệu quả kinh tế và an toàn vệ sinh nông sản phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

Đỗ Thị Bích Thuý. 2009. *Bài giảng quản lý chất lượng nông sản*. Trường Đại học Nông lâm Huế.

4.10.3.16. LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN

1. Tên học phần: Lập và phân tích dự án
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học được thiết kế thành 4 chương chính. Trong đó chương 1 đề cập đến các yêu cầu cần phải có và các cách thu thập thông tin để hình thành lên một bản dự án. Trong chương 2 sẽ bàn về các kỹ thuật phân tích tài chính của dự án. Chương 3 tập trung nghiên cứu các vấn đề rủi ro của dự án. Chương 4 giới thiệu về các vấn đề trong phân tích kinh tế và xã hội.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Thị Hồng Hạnh và Nguyễn Thu Huyền, 2013. *Giáo trình Lập và phân tích dự án*. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.10.3.17. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CẢM QUAN

1. Tên học phần: Phân tích và đánh giá cảm quan
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiên độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: Hóa học thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần trang bị những kiến thức căn bản về phương pháp khoa học, được sử dụng để gọi lên, đo đạc, phân tích và giải thích cảm giác đối với các sản phẩm, được nhận biết thông qua các giác quan: thị giác, khứu giác, xúc giác, vị giác và thính giác.

Nội dung kiến thức được trình bày trong các chương: phương pháp luận về đánh giá cảm quan; giải phẫu sinh lý học các cơ quan cảm giác (cơ bản); phép thử phân biệt; phép thử mô tả; phép thử thị hiếu.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Hoàng Dũng (biên dịch) (2007), “*Đánh giá cảm quan thực phẩm: Nguyên tắc và thực hành*”, NXB Đại học Quốc gia.

[2] Hà Duyên Tư (2006), ”*Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm*”, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.

4.10.3.18. THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

1. Tên học phần: Thực phẩm chức năng
2. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết: : Hóa đại cương, Sinh hóa học đại cương, Hóa học thực phẩm, Vi sinh thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về định nghĩa và các qui định về thực phẩm chức năng. Tình hình sản xuất thực phẩm chức năng trên thế giới và Việt Nam. Các thành phần có tính đặc hiệu tạo nên tính chất chức năng của thực phẩm. Nguyên nhân gây bệnh đối với cơ thể người. Nguyên lý và khả năng phát triển một thực phẩm chức năng.

6. Tài liệu học tập chính:

[1] Đồng Thị Anh Đào (2017), Bài giảng về thực phẩm chức năng, ĐH Bách Khoa Tp.HCM

[2] Glenn R. Gibson và Christine M. Williams (2000), *Functional foods: concept to product*, CRC Press

4.10.4. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ (14 Tín chỉ)

4.10.4.1. THỰC TẾ THIÊN NHIÊN (NGÀNH CNTP)

1. Tên học phần: Thực tập 1
2. Số tín chỉ: 3 (0, 3)
3. Tiến độ: năm thứ 1
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần Thực tập nghiên cứu thiên nhiên giới thiệu cho sinh viên những kiến thức thực tế về Thực vật học, Động vật học, Sinh thái học,... thông qua việc tổ chức tham quan các kiểu hệ sinh thái tự nhiên khác nhau, các mô hình nông nghiệp sinh thái và cơ sở sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Nguyễn Văn Khang (1998), *Thực tập nghiên cứu thiên nhiên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

4.10.4.2. THỰC TẬP 1

1. Tên học phần: Thực tập 1
2. Số tín chỉ: 3 (0, 3)
3. Tiến độ: năm thứ 2
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Học phần này giúp sinh viên tiếp cận với quy trình sản xuất, chế biến một số loại thực phẩm trong thực tế. Nắm được các nội quy cơ bản trong các cơ sở, xí nghiệp chế biến thực phẩm. Song song đó, môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp trong công sở, nhà máy, xây dựng kế hoạch làm việc; kỹ năng xử lý số liệu; tổng hợp, viết và trình bày báo cáo kết quả. Thông qua đó, sinh viên rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp và tích lũy kinh nghiệm thực tế. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch, thực hiện một hoạt động sản xuất nông nghiệp hoặc một nghiên cứu đơn giản, giúp sinh viên phát triển một số năng lực bản thân.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Trần Ngọc Hùng, 2017, *Tài liệu hướng dẫn thực tập cơ sở*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

4.10.4.3. THỰC TẬP 2

1. Tên học phần: Thực tập 2
2. Số tín chỉ: 3 (0, 3)
3. Tiến độ: năm thứ 3
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng: Xây dựng kế hoạch thực tập, kỹ năng thực hiện công việc cụ thể. Thu thập và xử lý số liệu, tổng hợp, viết và trình bày báo cáo kết quả thông qua quá trình khảo sát thực tế sản xuất.

Thông qua đó, sinh viên có định hướng đúng về nghề nghiệp, phục vụ cho việc chủ động học tập, nghiên cứu tiếp theo.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Vũ Cao Đàm, 2005. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2005, 178 trang.

4.10.4.4. QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG TRONG CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

1. Tên học phần: Quản lý sản xuất và chất lượng trong chế biến lương thực, thực phẩm
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 4
4. Điều kiện tiên quyết: Vi sinh thực phẩm, Vệ sinh an toàn thực phẩm, Độc tố thực phẩm
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Môn học trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản cần thiết về quản lý sản xuất và chất lượng trong chế biến lương thực thực phẩm, các phương pháp kiểm tra đánh giá và quản lý chất lượng thực phẩm, các kiến thức về vệ sinh và an toàn trong thực phẩm, chương trình sản xuất theo HACCP, SSOP và ISO.

Môn học cũng trang bị cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có kỹ năng đánh giá chất lượng về vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm trong các nhà máy thực phẩm.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Hà Duyên Tư (2006), *Quản lý chất lượng thực phẩm*, Nxb KH & KT Hà Nội.

4.10.4.5. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

1. Tên học phần: Phát triển sản phẩm mới
2. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
3. Tiến độ: năm thứ 4
4. Điều kiện tiên quyết:
5. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Trang bị những kiến thức căn bản về mối quan hệ trong tiến trình phát triển sản phẩm như tính khoa học, kỹ thuật, quản lý nghiên cứu, quản lý thương mại, sản xuất, tiếp thị. Cung cấp cho sinh viên cơ sở phát triển ý tưởng và phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất thực tế các sản phẩm. Ngoài ra, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: chiến lược kinh doanh liên quan đến phát triển sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, cách quản lý quy trình phát triển sản phẩm và cải tiến quy trình liên tục nhằm đưa đến sự thành công trong phát triển sản phẩm mới.

6. Tài liệu học tập chính:

[1]. Lê Anh Cường, 2005, *Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*, NXB Lao động – xã hội.

Phụ lục II – Thầy xem lại luôn phần này nha.

Phần 3. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

3.1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

3.1.1. Giảng viên cơ hữu

Mẫu 1. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành Công nghệ thực phẩm

S T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Liên Thương, 1981, Giám đốc Viện Phát triển ứng dụng Giám đốc chương trình CNTP		TS, Hàn Quốc, 2012	Công nghệ sinh học	Dinh dưỡng thực phẩm/2 Nhập môn ngành CNTP/3 Thực phẩm chức năng
2	Nguyễn Thanh Bình, 1975, Trưởng khoa KHTN	PGS, VN, 2017	TS, Nhật, 2010	Công nghệ sinh học	Tư duy sáng tạo và NCKH/2 Tư duy biện luận ứng dụng
3	Nguyễn Thị Kim Ngân, Phó trưởng khoa KHTN		TS, Pháp, 2010	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học/2
4	Nguyễn Thị Liên Thương, GD Trung tâm thực nghiệp và chuyển giao KHCN		TS, Hàn Quốc, 2011	Công nghệ sinh học	
5	Ngô Đại Hùng, 1983, Giảng viên		TS, Hàn Quốc, 2013	Hóa sinh	Sinh hóa học đại cương/3 Sinh hóa ứng dụng/2
6	Nguyễn Thị Kim Chung, 1980, GV		TS, Nga, 2009	Vật lý	Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm/2

7	Phạm Đình Dũ, 1982, Trưởng Bộ môn		TS, 2013	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm/2
8	Nguyễn Thị Bích Trâm, 1980, Giảng viên		TS, VN, 2016	Hóa hữu cơ	Truyền nhiệt trong chế biến thực phẩm/2
9	Đặng Đình Khôi, 1977, Giảng viên		TS, 2010	Công nghệ hóa học	Thực hành hoá đại cương/1
10	Vương Lợi, 1980, Giảng viên		NCS, ThS, VN, 2007	Sinh học	Dinh dưỡng thực phẩm/2
11	Nguyễn Bằng Phi, 1984, Giảng viên		NCS, ThS, Pháp,	Công nghệ sinh học	Vệ sinh an toàn thực phẩm/2
					Thiết kế bao bì thực phẩm/2
12	Nguyễn Bá Tư, 1982, Giảng viên		NCS, ThS, 2008	Sinh học	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản/2
13	Nguyễn Thị Ngọc Nhi, 1982, Giảng viên		NCS, ThS, VN, 2009	Động vật học	Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu/2
					Thực hành sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu/1
14	Hò Bích Liên, 1980, Giảng viên		NCS, ThS, VN, 2007	Nông nghiệp	Xử lý nước thải và phế phụ phẩm/2
					Công nghệ bảo quản lạnh thực phẩm/2
15	Nguyễn Anh Dũng, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2010	Vi sinh vật học	Vi sinh vật học/2
					Probiotic và Probiotic trong thực phẩm
16	Phạm Thị Mỹ Trâm, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2012	Công nghệ sinh học	Công nghệ chế biến điều, tiêu, trà, cafe, cacao/2

17	Mai Thị Ngọc Lan Thanh, 1983, Giảng viên		ThS, Pháp, 2011	CNSH về Gen, tế bào, phát triển và tiến hóa	Phụ gia thực phẩm/2
					Độc tố thực phẩm/2
18	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1977, Phó trưởng bộ môn		ThS, VN, 2008	Sinh học	Công nghệ kiểm nghiệm và phân tích thực phẩm/2
19	Đặng Trung Thành, 1976, GV		ThS, VN, 2008	Nông nghiệp	Công nghệ sau thu hoạch/2
					Luật an toàn thực phẩm/2
20	Lê Thị Huỳnh Như, 1980, GV		ThS, VN, 2008	Hóa học	Thực hành hóa thực phẩm/2
21	Nguyễn Thành Được, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2011	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Đồ án quá trình và thiết bị trong công nghệ thực phẩm/1
22	Lưu Huỳnh Vạn Long, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2011	Hóa hữu cơ	Truyền khối trong chế biến thực phẩm/2
23	Võ Thị Thanh Nhân, 1988, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Sinh học thực nghiệm	Thực hành vi sinh thực phẩm/2
					Thực hành sinh hóa ứng dụng/2
24	Đỗ Quang Thắng, 1985, GV		ThS, VN, 2010	Công nghệ Hóa học và Vật liệu	Thực hành sinh hóa học đại cương/2
25	Thủy Châu Tờ, 1979, Giảng viên		ThS, VN, 2005	Hóa học phân tích	Phân tích và đánh giá cảm quan/3
26	Phạm Thị Hồng, 1986, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Hóa học	Quản lý sản xuất và chất lượng trong chế biến lương thực, thực phẩm/2

27	Trần Thanh Hùng, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2010	Thực vật học	Thực phẩm chức năng/3
28	Ngô Thanh Liêm, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Công nghệ chế biến rau quả/3
29	Nguyễn Thị Lợi, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Hóa phân tích	Phát triển sản phẩm mới/3
30	Nguyễn Thị Liên, 1986, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Công nghệ sinh học	Sinh học đại cương/2
31	Phan Văn Thuận, 1983, Giảng viên		ThS, VN, 2008	Sinh học thực nghiệm	Vì sinh thực phẩm/2
32	Lê Thị Thu Huệ, 1979, Giảng viên		ThS, VN, 2009	Sinh học động vật	Maketing ứng dụng/2
33	Võ Thị Kim Thư, 1988, Giảng viên		ThS, VN, 2016	Hóa hữu cơ	Thực tế thiên nhiên ngành CNTP/3
34	Đào Minh Trung, 1980, Giảng viên		NCS, ThS, VN, 2008	Công nghệ môi trường	Công nghệ sản xuất đồ uống/3
35	Trần Ngọc Hùng, 1984, Giảng viên		ThS, VN, 2010	Hóa sinh	Công nghệ enzyme- protein
36	Phan Văn Huân, 1966, Giảng viên		ThS, VN, 2002	Quang học	Lập và phân tích dự án/2
37	Trần Minh Tiến, 1985, GV		ThS. VN, 2011	Vật lý nguyên tử	Thực tập 1: Thực tập nhập môn ngành/3
38	Nguyễn Thanh Tùng, 1970, GV		ThS, VN, 2005	Vật lý Quang học	Kiểm nghiệm chất lượng nông sản/3
39	Bùi Trung Hưng, 1957, Giảng viên	Phó giáo sư, 2015	TS, VN, 2003	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin/5

40	Nguyễn Văn Linh, 1978, Giảng viên		ThS, VN, 2011	Triết học	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN/3
41	Lương Thị Hải Thảo, 1962, Trưởng khoa LLCT		ThS, VN, 2006	Triết học	Tư tưởng HCM/2
42	Nguyễn Thị Hồng Trang, 1987, Phó trưởng bộ môn Luật HC		ThS, VN, 2013	Luật học	Pháp luật đại cương/2
43	Lại Văn Năm, 1959, Phó trưởng khoa Xã hội học		ThS, VN, 2010	Xã hội học	Xã hội học đại cương/2
44	Bùi Thị Huệ, 1973, Giảng viên		TS, VN, 2011	Lịch sử	Dân tộc học/2
45	Trịnh Phương Thảo, 1983, Giảng viên		ThS, VN, 2009	Tâm lý học	Tâm lý học đại cương/2
46	Võ Viết Trí, 1966, Trưởng khoa KHTN		TS, VN, 2015	Toán học	Toán cao cấp/2
47	Mai Văn Dũng, 1979, Trưởng bộ môn Vật lý		ThS, VN, 2006	Vật lý	Vật lý đại cương/2
48	Hồ Trung Tính, 1985, Giảng viên		ThS, VN, 2013	Hóa phân tích	Thực tập 2: Thực tập cơ sở/3
49	Dương Thị Ánh Tuyết, 1986, GV		ThS, VN, 2011	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa đại cương/2
50	Lê Thị Phơ, 1984, GV		ThS, VN, 2010	Hóa phân tích	Thực tập 3: Thực tập nghề nghiệp/3
51	Vũ Xuân Phương, 1980, Trưởng bộ môn GDTC		ThS, VN, 2010	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1
52	Bùi Đặng Hồng Nhung, 1984, Giảng viên		ThS, Trung Quốc, 2014	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2

53	Chiêu Văn Bạt, 1967, Trưởng bộ môn GDQP		ThS, Trung Quốc, 2010	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)
----	---	--	--------------------------------	----------------------	-----------------------------------

Mẫu 2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành đào tạo

S T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghệ	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	TS, Đặng Hoài Tâm 1981, GD. Công ty MHD Pharma		TS, Đức, 2012	Công nghệ Hóa	Công nghệ chiết xuất
					Marketing ứng dụng

3.1.2. Kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu (Phụ lục III Thông tư 08)

Mẫu 2: Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành Sinh học ứng dụng

STT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
1	Nguyễn Thị Liên Thương, 1981	TS, Công nghệ sinh học, 2012	Quản lý chung	
2	Lê Hữu Thương, 1975	ThS, Lâm Nghiệp, 2006	PTN Khoa học MT	Hóa phân tích
3	Lê Văn Khánh, 1990	CN. Cao học, Khoa học MT, 2013	PTN Công nghệ	Công nghệ xử lý vi sinh
4	Lê Thị Thu Huệ	ThS, Sinh học động vật, 2009	PTN Y sinh học ứng dụng (PTN sinh học cũ)	Vi sinh động vật
5	Phan Văn Thuận	ThS, Sinh học thực nghiệm, 2008	PTN Ứng dụng sinh học nông nghiệp chất lượng	Nuôi cấy mô

STT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
			cao(PTN sinh học cũ)	

3.2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

+ Về quy mô đất: Tổng diện tích đất: 64,36 ha

+ Về cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo: 30.867,2m²

Trong đó:

1. Diện tích giảng đường/phòng học: 18.784,2m² (với 136 phòng học, 13 phòng bộ môn), các phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, hệ thống âm thanh, chiếu sáng, hệ thống wifi phủ sóng trong toàn trường,...

2. Phòng Thư viện: 992m² (gồm 01 kho sách, 01 phòng đọc, 01 phòng đọc giảng viên).

3. Phòng thí nghiệm: 4,654m² (gồm 21 phòng)

4. Nhà xưởng thực hành: 3.102,68m²

3.2.1. Phòng học và trang thiết bị

3.2.1.1 Phòng học:

- 137 phòng học
- 14 giảng đường
- 02 hội trường
- 05 phòng hội thảo
- Khu hiệu bộ, văn phòng 4 tầng
- Khu làm việc của các khoa

3.2.1.2 Phòng thí nghiệm, thực nghiệm:

- 10 phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh với đầy đủ các thiết bị dạy, học
- 01 phòng nhạc với 02 đàn Piano, 60 đàn ghita và 25 đàn Organ
- 05 phòng dạy tin học: 300 chỗ ngồi
- 05 phòng thực hành: Điện-điện tử; Môi trường; Kiến trúc (02 phòng); Xây dựng.

3.2.1.3 Phòng thực hành máy và Internet:

- 05 phòng máy vi tính với 222 máy
- Chi tiết phòng máy và đường truyền Internet như sau:
 - + Tổng số phòng máy 05 phòng
 - + Tổng số máy vi tính: 222 máy
 - + Cấu trúc mỗi máy: Đa số có cấu hình DUAL CORE-E5500, RAM 1GB, Card mạng, màn hình, bàn phím...
 - + Tất cả đều nối mạng cục bộ

- + Đường truyền Interne Lease LINE 4Mb/s kết nối Internet cho các phòng máy tính
- + Đường truyền Nadsl 14Mb/s kết nối cho các phòng, khoa và cho hệ thống Internet không dây trong toàn trường hỗ trợ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên,...

3.2.2. Các phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy giai đoạn chuyên ngành

(1). Tỉnh Bình Dương đã đầu tư 63.176.595.000 VNĐ xây dựng trong năm với các phòng thí nghiệm sau:

- Phòng phân tích môi trường: 1.641.960.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm tin học môi trường: 2.515.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật điện - điện tử: 587.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật đo: 435.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm kỹ thuật số và vi điều khiển: 1.237.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm máy điện: 580.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điện tử công suất: 1.080.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điện tử viễn thông: 2.372.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm điều khiển tự động: 926.000.000 VNĐ
- Phòng thí nghiệm PLC: 1.072.000.000 VNĐ
- Phòng máy chủ và hạ tầng mạng cho Khoa CNTT: 1.262.740.000 VNĐ
- Phòng thực hành Mạng máy tính: 1.445.505.000 VNĐ
- Phòng thực hành Hệ thống thông tin: 1.129.820.000 VNĐ

(2). Gói thầu xây lắp: đã hoàn thành, với giá trị là 1.339.840.108 đồng

(3). Gói thiết bị:

- Thiết bị khoa Kiến trúc : 140.910.000 đ
- Thiết bị khoa Xây dựng : 1.797.976.972 đ
- Thiết bị khoa Điện-điện tử : 1.030.960.700 đ
- Thiết bị khoa Môi trường : 3.221.975.944 đ

(4). Các chi phí khác : 1.445.909.276 đ

(5). Ngoài ra trường còn hợp tác với Viện khoa học thủy lợi miền Nam để các giảng viên, sinh viên của trường được nghiên cứu, thực hành, thí nghiệm tại phòng Thí nghiệm của Viện tại huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.2.2.1 Công trình: Tăng cường thiết bị thí nghiệm thực hành cơ bản và chuyên đề các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh, Môi trường.

Tổng giá trị đầu tư : 8.269.195.190 đ

(1). Gói thầu xây lắp: đã hoàn thành, với giá trị là 668.255.390 đồng

(2). Gói thiết bị:

- Thiết bị môn Hóa học : 1.246.545.000 đ

- Thiết bị môn Sinh học : 2.782.197.400 đ
- Thiết bị môn Vật lý : 1.887.188.000 đ
- Thiết bị môn Môi trường : 386.500.000 đ
- (3). Các chi phí khác : 1.298.509.400 đ

3.2.2.2 Thiết bị dạy học

- Màn hình: 66; Projecte: 79
- Micro không dây, âm ly, loa: 42 bộ

3.2.3. Trung tâm Thông tin Thư viện

Trung tâm Thông tin Thư viện được thành lập trên cơ sở nâng cấp Thư viện Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương cũ. Được sự đầu tư ban đầu của UBND tỉnh theo dự án Tin học hóa hoạt động Thư viện, tổng đầu tư 2,8 tỷ đồng và hàng năm được đầu tư bổ sung thường các đầu sách và thiết bị mới.

Hiện nay Trung tâm Thông tin Thư viện sử dụng phần mềm LIBO16.0 để quản lý và phục vụ bạn đọc tra cứu. Công tác biên mục và mượn trả được tin học hóa. Tất cả tài liệu được đưa lên trang OPAC thuận lợi cho bạn đọc tra cứu các thông tin thư mục

Tổng diện tích thư viện: 992m²

Trong đó diện tích sử dụng chính: 564m²

- Gồm:
- Kho sách: 144m²
 - Phòng đọc sinh viên: 240m²
 - Phòng đọc giảng viên: 120m²
 - Phòng làm nghiệp vụ: 62m²

Cơ sở 2 đang xây dựng tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Tổng diện tích khu đất cơ sở 2 đang xây dựng khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Với quy mô từng dự án cụ thể như sau:

* **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m²
- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng

* **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh

* **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

Mẫu 3. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

S T T	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học

	<i>ngoại ngữ, phòng máy tính...)</i>					
1	Phòng học 50 chỗ ngồi	5	500	Projector	1	Phục vụ các môn học chuyên ngành
2	Giảng đường 150 chỗ ngồi	2	600	Dàn âm thanh	1	Phục vụ các môn học đại cương
				Projector	1	
3	Giảng đường 300 chỗ ngồi	1	600	Projector	1	
				Dàn âm thanh	1	
4	Phòng thí nghiệm vật lý	1		Đầy đủ thiết bị thí nghiệm vật lý đại cương. Mới bổ sung thiết bị thí nghiệm trị giá 2 tỷ đồng		Vật lý đại cương B1, B2
5	Phòng thí nghiệm hóa học	1		Đầy đủ thiết bị thí nghiệm hóa đại cương. Mới bổ sung thiết bị thí nghiệm trị giá 1,3 tỷ đồng		Hóa đại cương, thực hành hóa đại cương
6	Phòng thí nghiệm sinh học	1		Đầy đủ thiết bị thí nghiệm sinh học đại cương. Mới bổ sung thiết bị thí nghiệm trị giá 2,8 tỷ đồng		Thực hành kỹ thuật vi sinh
7	Phòng thí nghiệm sinh học môi trường (gồm một dãy các phòng thí nghiệm thuộc khoa Tài nguyên môi trường)	3				Nuôi cấy mô, tế bào, Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu, Vi sinh vật học, Hóa phân tích,...

Mẫu 4. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
A	Phòng thí nghiệm SHMT và nấm dược liệu	90	Bếp gia nhiệt hồng ngoại nhiệt độ cao	1	Nuôi cấy mô tế bào
			Kính hiển vi	1	Nuôi cấy mô tế bào
			Máy lắc ngang	1	Vi sinh vật học công nghiệp
			Máy lắc sàng/D0407/B, Controls	1	Vi sinh vật học công nghiệp
			Máy ly tâm lạnh Universal 320R	1	Vi sinh vật học công nghiệp, kỹ thuật vi sinh
			Nồi hấp diệt khuẩn	1	Kiểm nghiệm chất lượng
			Thiết bị đo độ ẩm/625, Testo	1	Kiểm nghiệm chất lượng
			Thiết bị lấy mẫu phiêu sinh vật/ Wisconsin, Wilco	2	Nuôi cấy mô, Công nghệ enzyme-protein
			Thiết bị phá mẫu vi sóng/Anton Paar	1	Hóa phân tích
			Tủ cấy vi sinh	1	Nuôi cấy
			Tủ lạnh/Panasonic	1	Nuôi cấy, Công nghệ enzyme-protein
			Tủ ủ mẫu/AL654, Aqualytic	1	Nuôi cấy, Công nghệ enzyme-protein
B	Phòng thí nghiệm Công nghệ MT	90	Đĩa Secchi đo độ trong	1	Xử lý chất thải
			Giá kẹp bình tam giác 100ml	23	Hóa phân tích, vi sinh vật học, kỹ thuật vi sinh,...
			Giá kẹp bình tam giác 250ml	11	Hóa phân tích
			Máy đo chất rắn lơ lửng/ AL250, Aqualytic	1	Xử lý chất thải

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Xử lý chất thải
			Máy đo hàm lượng dầu trong nước/OCMA350, Horiba	1	Công nghệ xử lý chất thải
			Máy đo DO/MW600, Minwaukee	2	Hóa phân tích, vi sinh vật học công nghiệp,...
			Máy phân tích nước đa chỉ tiêu	1	Công nghệ xử lý chất thải
			Thiết bị lấy mẫu nước ngầm /220234, Ben Meadows	1	Công nghệ xử lý chất thải
			Tủ sấy 250 ⁰ C/ Ecocell L111, MMM	1	Vi sinh vật học công nghiệp, Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu,...
C	Phòng thí nghiệm Khoa học Môi trường	90	Bếp chung cách thủy/WNB 14, Memmert	1	Kỹ thuật vi sinh, hóa sinh học
			Bơm hút chân không	1 bộ	Hóa phân tích
			Máy cất nước một lần/WSC/4S, Hamilton	1	Hóa phân tích, Vi sinh, nuôi cấy mô tế bào
			Dụng cụ lấy mẫu nước kiểu ngang/1120-G42, Wildco	1	Hóa phân tích
			Máy đo pH cầm tay/Sension ⁺ , Hach	1	Kỹ thuật chế biến rau củ quả
			Thiết bị đo độ sâu mực nước/WL16, Global Water	1	Hóa phân tích
			Bộ đo BOD 6 chỗ/AL606, Aqualytic	1	Hóa phân tích
			Máy đo COD/AL250, Aqualytic	1	Hóa phân tích
			Bộ phá mẫu xác định COD, TOC... /DRB 200	1	Hóa phân tích

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
			Cân kỹ thuật/CPA3202S, Sartorius	1	Vi sinh, nuôi cấy mô tế bào...
			Cân phân tích/PA214C, Ohaus	1	Vi sinh, nuôi cấy mô tế bào, chế biến,...
			Gầu lấy mẫu bùn/trầm tích	1 bộ	Thực tập 2
			Hệ thống lọc hút chân không	1	Vi sinh
			Hệ thống xác định đạm tự động/Buchi - Thiết bị chưng cất đạm Kjeldahl/K355 - Thiết bị phá hủy mẫu/K425 - Thiết bị hút hơi độc/B414	1	Hóa phân tích, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, xử lý chất thải
			Lò nung điện tử/LE14/11-B150, Nabertherm	1	Hóa phân tích, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, xử lý chất thải
			Máy đo pH để bàn/MW100, Minwaukee	4	Hóa phân tích, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, xử lý chất thải
			Máy khuấy từ có gia nhiệt/ C-MAG HS4, IKA	1	Kỹ thuật vi sinh
			Máy quang phổ hấp thụ phân tử/V-630, Jasco (kèm theo máy tính để bàn LG và Máy in ML – 1670, Samsung)	1	Vi sinh công nghiệp, hóa phân tích, kỹ thuật vi sinh

Mẫu 5. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

S T T	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
-------------	----------------	-------------	--------------	--------------	--------	------------------------------

1	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>	PGS.TS. Nguyễn Việt Thông	Chính trị Quốc gia-sự thật	2011	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
2	<i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	Chính trị Quốc gia	2012	5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
3	<i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	Phạm Ngọc Anh	Chính trị Quốc gia-Sự thật	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	<i>Giáo trình pháp luật đại cương: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Luật</i>	Mai Hồng Quỳ (chủ biên)	Đại học Sư phạm	2015	20	Pháp luật Đại cương
5	<i>Giáo trình xã hội học đại cương</i>	ThS. Tạ minh	Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh	2007	3	Xã hội học đại cương
6	<i>Dân tộc học đại cương</i>	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng	Giáo dục	2009	10	Dân tộc học
7	<i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>	GS. TS. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), TS. Nguyễn Văn Lũy, TS. Đinh Văn Vang	Đại học sư phạm	2013	10	Tâm lý học đại cương
8	<i>Essential English for students of science</i>	Trần Thị Nga	Giáo dục	2005	2	Anh văn căn bản 1
9	<i>Toán cao cấp A1. Phần đại số tuyến tính: Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm</i>	Nguyễn Duy Thuận	Giáo dục	2001	1	<i>Toán cao cấp A1, A2</i>
10	<i>Vật lý đại cương tập 1, Cơ-Nhiệt-Điện-Đao động-Sóng</i>	Cao Long Vân	Giáo dục	2008	10	Vật lý đại cương B1
11	<i>Vật lý đại cương tập 2, Điện-Đao động-Sóng:</i>	Lương Duyên	Giáo dục Việt Nam	2010	10	Vật lý đại cương B2

	<i>Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp</i>	Bình, Du Trí Công, Nguyễn Hữu Hồ				
12	<i>Sinh học đại cương tập 1, Sinh học phân tử - tế bào</i>	Hoàng Đức Cự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	2	Sinh học đại cương
13	<i>Sinh học (Biology tập 1)</i>	W. D. Phillips, T. J. Chilton; Nguyễn Bá, Nguyễn Mộng Hùng, Hoàng Đức Cự và những người khác (dịch).	Giáo dục Việt Nam	2009	10	
14	<i>Sinh học đại cương: Sinh học thực vật, Sinh học động vật</i>	PGS. TS. Nguyễn Đình Giàu.	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2000	10	
15	<i>Hóa học đại cương: Dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành Hóa</i>	Lâm Ngọc Thềm (Chủ biên), Bùi Duy Cam	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	15	Hóa đại cương
16	<i>Thí nghiệm hóa vô cơ: Thí nghiệm hoá đại cương-vô cơ 2</i>	Bộ môn hóa vô cơ-Trường đại học bách khoa-Đại học Quốc gia TP.HCM	Đại học Quốc gia TP.HCM	2008	10	Thực hành hóa học
17	<i>Giáo trình thực tập hoá đại cương B-Tái bản lần thứ hai-có sửa chữa</i>	Võ Duy Thanh, Võ Văn Bé	Đại học Quốc gia TP.HCM	2008	10	
18	<i>Giáo trình Môi trường và con người</i>	Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan	Giáo dục Việt Nam	2014	10	Môi trường và con người
19	<i>Giáo trình điện kinh</i>	Nguyễn Kim Minh	NXB. Đại học Sư phạm	2004	38	Giáo dục thể chất 1
20	<i>Giáo trình bóng chuyền</i>	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	1	Giáo dục thể chất 2
21	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	Đào Huy Hiệp và công sự	Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng

22	<i>Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh. Tập 2: Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng-Tái bản lần thứ ba</i>	Nguyễn Tiến Hải và cộng sự	Giáo dục Việt Nam	2011	1001	
23	<i>Hóa sinh học: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm</i>	Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thy Thu	ĐHSP	2005	44	Sinh hóa học đại cương
24	<i>Hóa sinh nông nghiệp</i>	Nguyễn Thị Hiền	ĐHSP	2003	7	
25	<i>Nhập môn Công Nghệ Sinh Học</i>	Phạm Thành Hồ	Giáo Dục	2005	3	Nhập môn Công nghệ thực phẩm
26	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	ĐHSP 2005	48	
27	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thùy Dương	Giáo Dục	2008	5	Sinh học phân tử
28	<i>Vì sinh vật học</i>	Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyền, Phạm Văn Ty	Giáo dục	2009	10	Vi sinh vật học
29	<i>Giáo trình sinh lí thực vật</i>	Hoàng Minh Tuấn	ĐHSP	2004	49	Sinh lý thực vật
30	<i>Sinh lý học thực vật</i>	PGS. Nguyễn Bá Lộc	ĐH Huế	2011		
31	<i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Nguyễn Như Khanh	ĐHSP	2007	49	
32	<i>Giáo trình sinh lí học thực vật</i>	Hoàng Minh Tấn	ĐHSP	2003	6	
36	<i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học</i>	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2011	9	Phương pháp nghiên cứu khoa học
37	<i>Mô hình hóa môi trường</i>	Bùi Tá Long	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh	2014	5	Phương pháp thống kê và bố trí thí nghiệm
38	<i>Biology:concepts and applications</i>	Cecie Starr, Christine A. Evers, Lisa Starr	Thomson	2008	1	Anh văn chuyên ngành 1
39	<i>Từ điển Sinh học phổ thông</i>	Lê Đình Lương (chủ biên), Nguyễn Bá, Thái Trần Bái...	2001	Giáo dục	2	Anh văn chuyên ngành 2

40	<i>Bảo vệ thực vật</i>	Hà Huy Niên	ĐHSP	2005	50	Bệnh học cây trồng
42	<i>Giáo trình Miễn Dịch Học</i>	Huỳnh Đình Chiến	Đại học Huế	2006	3	Miễn dịch học đại cương
43	<i>Miễn dịch học cơ sở</i>	Đỗ Ngọc Liên	ĐHQGHN	2008	10	
44	<i>Virus học</i>	Phạm Văn Ty	Giáo dục	2007	3	Virus
45	<i>Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp: Dành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học kỹ thuật và dạy nghề</i>	PGS. TS. Nguyễn Xuân Thành (chủ biên), TS. Nguyễn Bá Hiền, GV. Vũ Thị Hoàn	Giáo dục	2007	5	Vi sinh học công nghiệp
46	<i>Giáo trình vi sinh học</i>	Nguyễn Thành Đạt	ĐHSP	2007	48	
47	<i>Công nghệ sinh học, tập ba, Enzyme và ứng dụng: Dành cho sinh viên ĐH, CĐ chuyên và không chuyên ngành CNSH, giáo viên và học sinh THPT</i>	GS. TSKH. Phạm Thị Trân Châu, PGS. TS. Phan Tuấn Nghĩa	Giáo dục Việt Nam	2009	5	Công nghệ protein-enzyme
48	<i>Giáo trình enzyme</i>	Đỗ Quý Hai, Trần Thanh Phong	Đại học Huế	2008	3	
49	<i>Hóa phân tích, tập 2</i>	Phùng Thế Đồng, Trần Thị Trúc Thanh, Phan Thanh Dũng, Nguyễn Hữu Lạc Thủy	Giáo dục Việt Nam	2009	3	Hóa phân tích
50	<i>Sinh học phân tử</i>	Hồ Huỳnh Thùy Dương	Giáo dục		3	Kỹ thuật di truyền 1, 2
51	<i>Sinh học phân tử</i>	Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ, Hà Thị Minh Thi	Đại học Huế	2007	3	Kỹ thuật di truyền 1, 2
52	<i>Hình thái - giải phẫu học thực vật</i>	Hoàng Thị Sản	ĐHSP	2004	49	Thực tập cơ sở 1 (trồng trọt)
53	<i>Giáo trình tập tính học động vật</i>	Lê Vũ Khôi, Lê Nguyên Ngật	Giáo dục Việt Nam	2012	10	Thực tập cơ sở 2 (chăn nuôi)

54	<i>Tự học nghề trồng nấm</i>	Nguyễn Lân Dũng	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2006	3	Công nghệ nấm ăn và nấm dược liệu
55	<i>Ứng dụng tin học trong sinh học</i>	Chu Văn Mẫn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	3	Sinh tin học
56	<i>Công nghệ chuyển gen ở động-thực vật</i>	Trần Quốc Dung, Nguyễn Hoàng Lộc, Trần Thị Lệ	Đại học Huế	2010	3	Công nghệ tế bào động vật ứng dụng
57	<i>Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	Nguyễn Quang Thạch	ĐHSP	2005	48	Công nghệ cấy truyền phôi động vật
58	<i>Nuôi cấy mô tế bào thực vật và ứng dụng</i>	Nguyễn Đức Thành	Nông nghiệp Hà Nội	2000	3	Nuôi cấy mô thực vật
59	<i>Bài giảng công nghệ sau thu hoạch.</i>	Hồ Bích Liên		2012	3	Công nghệ sau thu hoạch
60	<i>Điện tử y sinh học</i>	Huỳnh Thu, Hồ Trung Mỹ	Đại học Quốc gia TP.HCM	2005	10	Cơ sở vật lý y sinh học
61	<i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật xử lý chất thải</i>	Lê Gia Hy	Quốc gia Việt Nam	2010	5	Công nghệ sản xuất phân sinh học và phân hữu cơ
62	<i>Thức ăn và dinh dưỡng động vật</i>	Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc, Dương Duy Đồng	Nông nghiệp TP HCM	2006	5	Thức ăn và dinh dưỡng động vật
63	<i>Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải</i>	Lê Hoàng Việt, Nguyễn Võ Châu Ngân	Đại học Cần Thơ	2014	5	Công nghệ xử lý chất thải
64	<i>Vi sinh vật học nông nghiệp</i>	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP	2004	49	Probiotic trong nông nghiệp

Mẫu 6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

S T T	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
-------------	------------------------------	-------------	------------------------------------	--------	------------------------------

1	<i>Động vật học có xương sống</i>	Trần Kiên	ĐHSP, 2005	47	Sinh học đại cương, Sinh lý người và động vật, Bệnh lý học động vật
2	<i>Hình thái giải phẫu học thực vật</i>	Hoàng Thị Sản	ĐHSP, 2003	4	Sinh lý thực vật, Bệnh học cây trồng
3	<i>Động vật học không xương sống</i>	Thái Trần Bái	ĐHSP, 2005	46	Sinh học đại cương, Sinh lý người và động vật, Bệnh lý học động vật
4	<i>Phân loại học thực vật</i>	Hoàng Thị Sản	ĐHSP, 2005	48	Sinh học đại cương, sinh lý thực vật, bệnh học cây trồng
5	<i>Sinh thái học nông nghiệp</i>	Trần Đức Viên	ĐHSP, 2004	50	Công nghệ sau thu hoạch, kỹ thuật sản xuất rau an toàn
6	<i>Sinh thái học nông nghiệp</i>	Trần Đức Viên	ĐHSP, 2003	6	
7	<i>Sinh thái học nông nghiệp</i>	Trần Đức Viên	ĐHSP, 2007	1	
8	<i>Vi sinh vật học nông nghiệp</i>	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP, 2003	6	Vi sinh vật học, Công nghệ sản xuất phân sinh học và phân hữu cơ, Công nghệ sau thu hoạch, Kỹ thuật sản xuất rau an toàn, Kiểm nghiệm chất lượng nông sản
9	<i>Hóa sinh học: Giáo trình Cao đẳng Sư phạm</i>	Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thy Thu	ĐHSP, 2005	44	Sinh hóa học đại cương, Công nghệ enzyme-protein
10	<i>Hóa sinh nông nghiệp</i>	Nguyễn Thị Hiền	ĐHSP, 2003	7	Sinh hóa học đại cương, Công nghệ enzyme-protein,

					Kiểm nghiệm chất lượng nông sản
11	<i>Thực hành động vật có xương sống</i>	PGS. TS Trần Hồng Việt, PGS. TS Nguyễn Hữu Dực, PGS. TS Lê Nguyên Ngật	Đại học Sư phạm, 2004	1	Bệnh lý học động vật
12	<i>Sinh lí học thần kinh. Tập II, Sinh lí hoạt động thần kinh cao cấp</i>	GS. TSKH Tạ Thúy Lan	Đại học Sư phạm, 2004	6	Bệnh lý học động vật
13	<i>Một số vấn đề về sinh lý sinh dục và sinh sản</i>	Tạ Thúy Lan, Võ Văn Toàn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002	15	
14	<i>Các nhà sinh học nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới: Tủ sách phát minh</i>	Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Phương Nga	Giáo dục, 2009	5	Sinh học đại cương
15	<i>Biology</i>	Sylvia S. Mader	McGraw- Hill Higher Education, 2010	3	Sinh học đại cương, anh văn chuyên ngành
16	<i>Ecology: Concepts & Applications</i>	Manuel C. Molles Jr	Mc Graw Hill Higher Education, 2008	5	
17	<i>Vertebrates: comparative anatomy, function, evolution</i>	Kenneth V. Kardong	McGraw- Hill Higher Education, 2009	2	
18	<i>Biology : the unity and diversity of life</i>	Cecie Starr, Ralph Taggart	Brooks/Col e. 2001	1	
19	<i>Biology : the unity and diversity of life</i>	Cecie Starr, Ralph Taggart	Brooks/Col e, 2006	1	
20	<i>Biology : concepts and investigations</i>	Mariëlle Hoefnagels	McGraw- Hill Higher Education, 2009	1	
21	<i>Từ điển sinh học Anh - Việt và Việt - Anh</i>	Phạm Song (ch.nhiệm)	Khoa học và Kỹ thuật, 2000	2	Anh văn chuyên ngành
22	<i>Từ điển thực vật học Pháp - Việt = Dictionnaire rancais-</i>	Lê Khả Kế (ch.b); Võ Văn	Khoa học và Kỹ thuật, 1978	1	

	<i>Vietnamien de botanique</i>	Chi, Vũ Đình Tuấn			
23	<i>Từ điển Anh - Việt Khoa học tự nhiên. T. 4, Sinh học</i>	Nguyễn Văn Mậu (ch.b); Mai Đình Yên, Lê Đình Lương...[và nh.ng.khác]	Giáo dục, 2008	5	
24	<i>Từ điển Sinh học : Dùng cho học sinh, sinh viên</i>	Nguyễn Duy Minh (ch.b), Nguyễn Văn Mã, Đinh Thị Kim Nhung...[và nh.ng.khác]	Giáo dục Việt Nam, 2009	3	
25	<i>Biology: the dynamic science</i>	Peter J. Russell, Stephen L. Wolfe, Paul E. Hertz,...(et al.)	Thomson, 2008	1	Anh văn chuyên ngành
26	<i>Biological science</i>	Scott Freeman	Pearson/Benjamin Cummings, 2007	2	
27	<i>Gen vị kỷ</i>	Richard Dawkins; Dương Ngọc Cường, Hồ Tú Cường (dịch)	Tri thức, 2012	3	
28	<i>Thực hành lí sinh học</i>	Nguyễn Thị Kim Ngân, Nguyễn Văn An	Đại học sư phạm, 2007	11	Cơ sở vật lý y sinh
29	<i>Dây rừng và chim thú ở cao nguyên Vân Hòa tỉnh Phú Yên</i>	Trần Sĩ Huệ	Văn hóa dân tộc, 2011	2	Tiến hóa và đa dạng sinh học
30	<i>Sinh quyển và các khu dự trữ sinh quyển</i>	Nguyễn Hoàng Trí	Đại học Sư phạm, 2011	6	
31	<i>Sách đỏ Việt Nam. P. 1, Động vật = Vietnam red data book. Part I: Animals</i>	Nhiều tác giả	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007	1	
32	<i>Sách đỏ Việt Nam. P. 2, Thực vật = Vietnam red data book. Part II: Plants</i>	Nhiều tác giả	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007	1	
33	<i>Danh lục đỏ Việt Nam = Vietnam red list</i>	Nhiều tác giả	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007	1	

34	<i>Đa dạng sinh học đất ngập nước : Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước vân long (vanlong wetland nature reserve)</i>	Nguyễn Lâm Hùng Sơn (chủ biên), Trần Văn Ba, Nguyễn Hữu Dực và [nh. ng. khác]	Đại học sư phạm, 2011	5	
35	<i>Nguồn gốc loài người</i>	Nguyễn Xuân Viêt	Đại học sư phạm. 2012	6	
36	<i>Nguồn gốc các loài : qua con đường chọn lọc tự nhiên hay sự bảo tồn những nòi ưu thế trong đấu tranh sinh tồn</i>	Charles Darwin; Trần Bá Tín (dịch); Bùi Văn Nam Sơn (giới thiệu); Nguyễn Duy Long (thẩm định thuật ngữ)	Tri thức, 2012	3	Tiến hóa và đa dạng sinh học
37	<i>Tri thức khách quan - Một cách tiếp cận dưới góc độ tiến hóa</i>	Karl R. Popper; Chu Lan Đình (dịch); Bùi Văn Nam Sơn (hiệu đính)	Tri thức, 2013	5	
38	<i>Câu hỏi và bài tập vi sinh học</i>	Nguyễn Thành Đạt	Đại học sư phạm, 2012	5	
39	<i>Thực hành vi sinh vật học</i>	Mai Thị Hằng, Đinh Thị Kim Nhung, Vương Trọng Hào	Đại học Sư phạm, 2011	5	Vi sinh vật học
40	<i>Cơ sở sinh học vi sinh vật. Tập II</i>	Nguyễn Thành Đạt	Đại học sư phạm, 2011	5	
41	<i>Cơ sở sinh học vi sinh vật. Tập I</i>	Nguyễn Thành Đạt	Đại học sư phạm, 2011	5	
42	<i>Thực hành tế bào học</i>	Thái Duy Ninh (chủ biên), Phạm Gia Ngân	Đại học sư phạm, 2010	5	Tế bào học
43	<i>Động vật học không xương sống : Giáo trình dùng cho trường đại học sư phạm</i>	Thái Trần Bái	Giáo dục Việt Nam, 2012	10	Bệnh lý học động vật
44	<i>Thực hành động vật không xương sống</i>	Đỗ Văn Nhượng	Đại học Sư phạm, 2010	10	
45	<i>Giáo trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học</i>	Nguyễn Văn Phước	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2014	5	Công nghệ xử lý chất thải

Phụ lục III – Thầy xem lại luôn phần này nha.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 201..
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

- Tên ngành đào tạo: **CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**
- Mã số: **7540101**
- Tên cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Phần 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

- Trường Đại học Thủ Dầu Một thành lập theo Quyết định số 900/QĐ -TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ của Trường: Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0650. 3822.518 Fax: 0650.3837.150

- Website: <http://tdmu.edu.vn>

- Loại hình trường: Công lập

- Tổng số giảng viên, cán bộ viên chức của Trường tính đến 10/3/2017 là: 732 người. Số giảng viên là 632 người, về chức danh và trình độ đào tạo cụ thể như sau: PGS-TS: 16, TS: 114, ThS: 502 (109).

Từ khi được thành lập đến nay Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở cả 03 bậc: thạc sỹ, đại học và cao đẳng. Với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học, hoàn chỉnh chương trình đại học, cao đẳng và các khóa học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp chuyên đề ngắn hạn.

Hòa chung với công tác đào tạo nguồn nhân lực với cả nước, Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế, cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiếp cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực.

*** Về các chuyên ngành đào tạo:**

Tính đến năm học 2017-2018, Trường Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành cao học, 30 ngành đào tạo trình độ đại học. Trong đó, các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học cụ thể là:

+ Khối ngành khoa học quản lý: Quản lý công nghiệp; Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đất đai; Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý Nhà nước.

+ Khối ngành tự nhiên: Khoa học môi trường; Sinh học ứng dụng, Toán học, Lý học, Hóa học.

+ Khối ngành kỹ thuật: Kỹ thuật xây dựng; Kiến trúc; Kỹ thuật Điện; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin.

+ Khối ngành xã hội nhân văn: Luật; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Công tác xã hội, Văn học, Địa lý học.

+ Khối kinh tế: Tài chính – ngân hàng; Kế toán; Quản trị kinh doanh.

+ Khối ngành sư phạm: Giáo dục học; Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Ngôn ngữ học; Lịch sử.

*** Về tổ chức bộ máy đào tạo:**

1. Chủ tịch hội đồng trường: 01 người

2. Ban giám hiệu: 04 người

2. Đảng bộ: 183

3. Khoa: 11 khoa (bao gồm các Khoa: Kinh Tế, Kiến trúc – Xây dựng, Kỹ thuật – Công nghệ; Khoa học Tự nhiên; Hành chính - Luật; Công tác xã hội; Ngoại ngữ; Lịch sử; Ngữ văn; Sư phạm; Khoa học Quản lý.

4. Trung tâm – viện: 10 trung tâm, bao gồm: Trung tâm Tuyển sinh, Thị trường Lao động, Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, Giáo dục thường xuyên, Thông tin – Thư viện, GDTC – ANQP, Lý luận chính trị, Nghiên cứu Thực nghiệm, Phát triển công tác xã hội và 02 Viện gồm: Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ, Viện phát triển chiến lược.

*** Về nghiên cứu khoa học:**

- Hạ tầng khoa học công nghệ đảm bảo cho học tập và nghiên cứu

Hiện nay, Trường đã mạnh dạn đầu tư các máy móc hiện đại, phục vụ cho thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và môi trường. Điển hình là: Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) trị giá hơn 1,6 tỷ đồng; Máy quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier (638 triệu đồng); Máy quang phổ hấp thụ UV-vis/NIR (470 triệu đồng);...

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học

Thông qua Đề án NCKH về miền Đông Nam Bộ, Trường hiện đang là đầu mối liên kết các nhà khoa học của vùng, của cả nước; các cơ sở, đơn vị nghiên cứu như: các Sở khoa học Công nghệ các tỉnh thành Đông Nam Bộ, các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Quỹ phát triển công nghệ Quốc gia Nafoted, các Trường Đại học,... để thực hiện các đề tài NCKH gắn liền với miền Đông Nam Bộ và phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của vùng và đặc biệt là cho tỉnh Bình Dương.

Tổ chức thành công các Hội thảo Quốc gia: “Chiến thắng Điện Biên Phủ - Những vấn đề lịch sử”, “20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn” (năm 2014); các Hội thảo Quốc tế: “Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng”(năm 2013); “Việt Nam – 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập” (năm 2015) với sự tham gia của các học giả nổi tiếng của Việt Nam và thế giới như: GS.TSKH. Vũ Minh Giang (Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam), GS. Tsuboi (Đại học Waseda, Nhật Bản), GS. Thayer (Học viện Quốc phòng Úc)...

Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường từ chỗ chỉ đạt tỉ lệ 18,41% (2010) đã tăng lên 74,06% (2015). Sinh viên nghiên cứu khoa học từ 3,64% (2013) đã tăng lên 10,59% (2015). Đây là những con số đáng khích lệ và cho thấy bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào nghiên cứu khoa học mạnh mẽ trong tập thể trường Đại học Thủ Dầu Một. Đặc biệt, năm 2014, một đề tài khoa học của sinh viên đã đạt giải ba cuộc thi tài năng khoa học trẻ do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức (tên đề tài: “Tổng hợp và nghiên cứu hoạt tính sinh học vật liệu y sinh Hydroxyapatite từ vỏ trứng”). Theo Luật ngân sách nhà nước, hàng năm Trường đều dành 2% tổng ngân sách của Trường cho hoạt động khoa học công nghệ (khoảng trên 2 tỷ đồng/năm). Ngoài ra, kinh phí nghiên cứu khoa học còn được bố trí thêm từ nguồn vốn tự có của Trường cùng các hoạt động liên doanh, liên kết khác

Số bài báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong nước: 914; Số bài báo nước ngoài: 99; Số báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế: 98; Hoàn thành 15 giáo trình,...

Trong giai đoạn từ khi bắt đầu thành lập trường Đại học Thủ Dầu Một đến nay, Trường đã thực hiện:

- 01 cấp Nhà nước 2013 – 2015 do Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia NAFOSTED tài trợ: “Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP”.

- 07 cấp tỉnh và 238 cấp trường.

Hiện trường đang quan tâm, tập trung nghiên cứu các đề tài liên quan mật thiết đến Bình Dương và vùng Đông Nam Bộ là:

- Sự bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất giải pháp kiểm soát hiệu quả;

- Dân nghèo Bình Dương, Đông Nam Bộ - Thực trạng và các giải pháp giảm nghèo mang tính bền vững;

- Chiến lược phát triển bền vững không gian đô thị Bình Dương trong quan hệ tổng thể miền Đông Nam Bộ - Tầm nhìn 2020-2030;

- Nghiên cứu xử lý protein trong latex cao su tự nhiên đạt chuẩn quốc tế bằng polysaccharide;

- Nuôi cấy nấm Đông Trùng Hạ Thảo trong phòng thí nghiệm (Sản phẩm “Đông trùng hạ thảo” do nhóm giảng viên khoa Tài nguyên Môi trường nghiên cứu đã vinh dự nhận giấy chứng nhận và cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy – Dịch vụ hoàn hảo – Nhân hiệu ưa dùng 2015” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế).

- Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một hoạt động hiệu quả và có uy tín. Từ 2011 xuất bản định kỳ 06 số/năm, đăng tải các bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên, sinh viên trong và ngoài Trường. Hội đồng chức danh giáo sư cấp Nhà nước đã dùng Tạp

chỉ để tính điểm trong phong hàm PGS, GS ở các lĩnh vực Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học và Tâm lý học. Tạp chí đã xuất bản được 21 số, đăng tải 242 bài báo khoa học có chất lượng.

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, Ban Biên dịch bước đầu triển khai kế hoạch hoạt động góp phần làm cho hoạt động khoa học của Trường thêm phong phú, đa dạng.

- Kết quả hoạt động KHCN năm 2018:

+ Chủ trì 02 đề tài cấp Quốc gia, gồm: 01 đề tài do Bộ KH&CN cấp kinh phí, 01 đề tài do Nafosted tài trợ; 04 đề tài cấp tỉnh, trong đó 03 đề tài của Bình Dương và 01 đề tài của Bình Thuận; 115 đề tài cấp cơ sở (trong đó, có 22 đề tài đã nghiệm thu, 40 đề tài đã ký hợp đồng thực hiện, 21 đề tài đã duyệt đề cương, 32 đề tài chưa duyệt đề cương). Hiện đang tổ chức lấy ý kiến chuyên gia để ban hành danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2018 với 54 đề tài và 24 tài liệu giảng dạy.

+ Phối hợp tổ chức thành công 03 hội thảo khoa học Quốc tế và 02 hội thảo Quốc gia: (1) Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng ASEAN, (2) Khoa học Xã hội và Nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, (3) Kết nối với Việt Nam lần thứ 9 – Đối thoại liên ngành; (4) Vai trò của công tác quản trị địa phương đối với sự phát triển bền vững của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, (5) 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968 - 2018) - Giá trị lý luận và thực tiễn.

+ Các đơn vị đã chủ động hình thành 26 nhóm nghiên cứu (khoa Kỹ thuật - Công nghệ 03, khoa Khoa học Tự nhiên 07, khoa Hành chính – Luật 04, khoa Sử 03, khoa Ngoại ngữ 03, khoa Ngữ văn 02, khoa Khoa học Quản lý) 02, khoa Sư phạm 02).

+ Nghiên cứu khoa học trong sinh viên: Sinh viên đã thực hiện 288 đề tài. Các em đạt 02 giải ba, 02 khuyến khích cuộc thi "Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2017 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đạt Top 10 tác phẩm xuất sắc vòng chung kết Cuộc thi "Biến đổi khí hậu cuộc sống" năm 2017 do Tạp chí điện tử Môi trường và Cuộc sống tổ chức.

*** Về đội ngũ cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị:** Tính đến 10/3/2017 là: 732 người. Số giảng viên là 632 người, về chức danh và trình độ đào tạo cụ thể như sau: PGS-TS: 16, TS: 114, ThS: 502 (109).

*** Về tình hình hợp tác quốc tế:**

Từ năm 2013 đến 2017, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Điển hình: học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt” lần thứ 3 (Trường Đại học Nghĩa Thu, thành phố Cao Hùng); tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ Thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Hiện nay Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam tham gia tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia TP HCM và Đại học Duy Tân,...

Hoạt động quan hệ quốc tế của Nhà trường tiếp tục mở rộng. Trường đã tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungseong, Viện Trao đổi Văn hóa Quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại sứ quán Australia tại Hà Nội,... để tìm hiểu trao đổi, mở rộng quan hệ hợp tác; ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn ngữ, trao đổi Chương trình đào tạo và giảng viên; ký biên bản ghi nhớ hợp tác

với Học viên Kinh tế Kỹ thuật Bình Đông – Đài Loan để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ.

Hiện Trường đang cùng với Đại học Kyungsung thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn – Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Hiện Trường đang đào tạo 25 sinh viên Lào, theo học các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng và Công nghệ thông tin.

*** Về cơ sở vật chất của Nhà trường:**

+ Về quy mô đất: Tổng diện tích đất: 64,36 ha

+ Về cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo: 30.867,2m²

Trong đó:

1. Diện tích giảng đường/phòng học: 18.784,2m² (với 136 phòng học, 13 phòng bộ môn), các phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, hệ thống âm thanh, chiếu sáng, hệ thống wifi phủ sóng trong toàn trường,...

2. Phòng Thư viện: 992m² (gồm 01 kho sách, 01 phòng đọc, 01 phòng đọc giảng viên).

3. Phòng thí nghiệm: 4,654m² (gồm 21 phòng)

4. Nhà xưởng thực hành: 3.102,68m²

*** Về công tác quản trị đại học**

Trường thực hiện mô hình quản trị trường Đại học 02 cấp: cấp Trường và cấp Khoa; phân cấp quản lý và phân quyền tự chủ cho các khoa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý có nhiều chuyển biến tích cực. Bộ máy được sắp xếp hợp lý với 14 khoa, 18 phòng, ban chức năng và 08 trung tâm. Đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình để giải quyết công việc. Đã xây dựng cơ chế phối hợp giữa các phòng, ban, khoa; cơ chế kiểm tra, giám sát.

Trang thông tin điện tử của Trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, là kênh thông tin chủ lực đẩy mạnh truyền thông cho Nhà trường, tạo dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh.

*** Về công tác đảm bảo chất lượng**

Hiện nay, Nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của Trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: từ đăng ký môn học đến nhập điểm, xem thời khóa biểu,...

Từ năm học 2014-2015, triển khai thực hiện đề xướng CDIO để phát triển chất lượng đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Đây được xem là hướng cải tiến mới mà Đại học Quốc gia Tp. HCM và các Đại học thành viên đang tích cực áp dụng.

CDIO là kim chỉ nam hướng dẫn công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục và hiệu quả. Đảm bảo vững chắc từng bước đạt được các tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam, khu vực (AUN) và thế giới như chiến lược đặt ra.

Năm 2014, hoàn thành đánh giá trong. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành đánh giá trong và được xếp hạng thứ 196 trên tổng số 345 trường Đại học tại Việt Nam.

Tháng 11/2017, Trường đã đạt chuẩn chất lượng giáo quốc gia.

Tháng 12/2017, Trường là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách và điều phối việc cải tiến nội dung, chất lượng chương trình theo CDIO của toàn Trường. Mục tiêu là để chương trình đào tạo được cải tiến không ngừng và chất lượng đào tạo luôn luôn được nâng lên.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Ngô Đại Hùng

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 20/02/1983

4. **Nơi sinh:** Bạc Liêu

5. **Nguyên quán:** Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: bộ môn Sinh học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: khoa Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Tiến Sĩ

Năm đạt học vị: 2013, Hàn Quốc

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:** Chuyên viên nghiên cứu

10. **Chức vụ:** Trưởng bộ môn

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06, Trần Văn Ôn, phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	41/40/7/3 đường Cầu Xây, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Điện thoại/ fax		0126.221.8429
3	Email	hungnd@tdmu.edu.vn	hungdaingo83@yahoo.com hungdaingo83@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh văn		x			x			x			x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 01/03/2013 đến 31/03/2015	Trung Tâm Nghiên Cứu Quá Trình Sinh Học Biển, Đại học Quốc Gia Pukyong, Busan, Hàn Quốc (Marine Bioprocess Research Center of the Marine Biotechnology Program funded by the Ministry of Oceans and Fisheries, Republic of Korea)	Chuyên viên nghiên cứu
Từ 01/04/2015 đến 31/10/2016	Khoa Tài nguyên Môi trường, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06, Trần Văn Ôn, phường Phú Hoà, Thành Phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên
Từ 01/11/2016 đến 30/08/2017	Khoa Công nghệ sinh học, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06, Trần Văn Ôn, phường Phú Hoà, Thành Phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên, Trưởng bộ môn CNSH Y sinh
Từ 01/09/2017 đến nay	Khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06, Trần Văn Ôn, phường Phú Hoà, Thành Phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên, Trưởng bộ môn Sinh học

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2001-2005	Đại học Mở, TP. HCM	Công nghệ sinh học	Lên men rượu vang từ sori và chuối
Thạc sĩ	09/2008- 08/2010	Đại học Quốc Gia Pukyong, Busan, Hàn Quốc	Sinh hóa (Khoa Hóa)	Inhibition of radical-mediated oxidation of cellular biomolecules and NF- κ B expression by gallic acid conjugated chitooligosaccharides with molecular weight 3-5 kDa (Ức chế quá trình oxi hóa do các gốc tự do của các phân tử sinh học tế bào và biểu hiện NF- κ B bởi axit gallic liên kết với chitooligosaccharides có phân tử

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

				lượng 3-5 kDa)
Tiến sỹ	09/2010- 02/2013	Đại học Quốc Gia Pukyong, Busan, Hàn Quốc	Sinh hóa (Khoa Hóa)	Activation of endothelial nitric oxide synthase by peptides isolated from skin gelatin of skate (<i>Okamejei kenojei</i>) protects against vasoconstriction in cardiovascular diseases (Hoạt hóa nitric oxide synthase tế bào nội mô bằng các peptide thu nhận từ gelatin da cá đuối <i>Okamejei kenojei</i> phòng chống việc co mạch trong các bệnh tim mạch)

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ Bồi dưỡng nghề nghiệp vụ sư phạm (Loại giỏi)	10/06/2017- 30/07/2017	Học viện Quản lý giáo dục	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường Đại học, Cao đẳng
Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	08/05/2018	Trung tâm Phát triển CNTT – Trường ĐH CNTT – ĐHQG.HCM	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
Chứng chỉ ISW	2016	Đại học Thủ Dầu Một	Kỹ năng giảng dạy tích cực “Instruction Skills Workshop”
Chứng chỉ FDW	2017	Đại học Thủ Dầu Một	Phát triển Điều Phối Viên “Facilitator Development Workshop”

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Y dược, thực phẩm chức năng
- Chuyên ngành: Sinh hóa, sinh học phân tử, công nghệ sinh học

16.2 Hướng nghiên cứu:

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

1. Những chất có hoạt tính sinh học (peptide hoạt tính, chitosan, chitooligomers, các dẫn xuất của chúng và các chất khác tách chiết từ nhiều nguồn khác nhau) ứng dụng trong các ngành thực phẩm chức năng, y dược như hoạt tính kháng oxy hóa, kháng viêm, chống tăng huyết áp....
2. Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học trên tế bào, động vật và người.
3. Tận dụng các chất thải thủy sản, nông nghiệp để tạo ra các chất hoạt tính được.
4. Kỹ thuật sinh học phân tử và sinh học tế bào: nuôi tế bào, kỹ thuật PCR, Western blot, immunoblotting, Flow cytometry, cell imaging and ELISA.
5. Kỹ thuật tách chiết và tinh sạch protein: thủy phân bằng enzyme, sắc ký protein (fast protein liquid chromatography-FPLC Anion/Cation and size exclusion), sắc ký lỏng cao áp (high performance liquid chromatography-HPLC Normal/Reverse phase).

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu khả năng ức chế matrix metalloproteinase và thu dọn các gốc tự do của một số dẫn xuất chitooligosaccharides trên hệ thống tế bào (106-NN.02-2014.87)	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	06/2016-06/2018		Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Đã nghiệm thu	
2	Cơ chế bảo vệ của hợp chất phenolic từ trái Sim (<i>Rhodomyrtus tomentosa</i>) chống lại phản ứng dị ứng và xơ vữa động mạch thông qua con đường tín hiệu thụ thể IgE và histamine, định hướng ứng dụng trong dược phẩm	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	4/2017-04/2020		Thư ký đề tài, Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Đang thực hiện	
3	Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây Hồng sim (<i>Rhodomyrtus tomentosa</i>) và Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i>) tại VQG Phú Quốc	Sở Khoa Học và Công Nghệ tỉnh Kiên Giang	6/2017-12/2018		Thư ký đề tài	Đang thực hiện	

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

4	Nghiên cứu khả năng kháng viêm và thu dọn các gốc tự do của dẫn xuất chitooligosaccharides trên hệ thống tế bào	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	1/2016 - 12/2016	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Đã nghiệm thu	
5	Khảo sát hoạt tính kháng viêm và chống dị ứng của hợp chất seanol từ tảo nâu <i>Ecklonia stolonifera</i>	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	1/2017- 12/2017	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Đã nghiệm thu	

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Handbook of Marine Microalgae: Biotechnology Advances Chapter 19: Nutritional and pharmaceutical properties of microalgal Spirulina (299-308)	Elsevier Inc, UK	2015	TS Vo, Dai-Hung Ngo , SK Kim		ISBN-13: 978-0128007761, 299-308
2	Marine Proteins and Peptides: Biological Activities & Applications Chapter 26: Biological activities of marine bioactive peptides	Wiley-Blackwell	2013	Dai-Hung Ngo , TS Vo, & SK Kim		9781118375082
3	Chitin and Chitosan Derivatives: Advances in Drug Discovery and Developments Role of chitosan and its derivatives in cardiovascular health	CRC Press	2013	Dai-Hung Ngo , SK Kim		978-1466566286

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

4	<u>Marine Biomaterials: Characterization, Isolation and Applications</u> Chapter 16: Health benefits of sulfated polysaccharides from marine algae	CRC Press	2013	SK Kim, <u>Dai-Hung Ngo</u> , TS Vo, DN Ngo		978-1466505643
5	<u>Marine Biomaterials: Characterization, Isolation and Applications</u> Chapter 24: Marine biomaterials for antiallergic therapeutics	CRC Press	2013	SK Kim, TS Vo, <u>Dai-Hung Ngo</u>	Dai-Hung Ngo	978-1466505643
6	<u>Marine Biomaterials: Characterization, Isolation and Applications</u> Chapter 37: Industry perspectives of marine derived proteins as biomaterials	CRC Press	2013	SK Kim, <u>Dai-Hung Ngo</u> , TS Vo, BM Ryu	Dai-Hung Ngo	978-1466505643
7	<u>Marine Nutraceuticals: Prospects and Perspectives</u> Chapter 22: Antioxidant effects of marine food-derived functional ingredients	CRC Press	2013	SK Kim, <u>Dai-Hung Ngo</u> , TS Vo	Dai-Hung Ngo	978-1466513518
8	<u>Marine Nutraceuticals: Prospects and Perspectives</u> Chapter 11: Fucoidan: a potential ingredient of marine nutraceuticals	CRC Press	2013	SK Kim, TS Vo, <u>Dai-Hung Ngo</u>	Dai-Hung Ngo	978-1466513518
9	<u>Advances in Food and Nutrition Research</u> Chapter 16: Marine fish-derived bioactive peptides as potential antihypertensive agents	Volume 65	2012	SK Kim, <u>Dai-Hung Ngo</u> , TS Vo	Dai-Hung Ngo	Volume 65, 2012, Pages 249-260
10	<u>Marine Pharmacognosy: Trends and Applications</u> Chapter 8: The Immunomodulatory Effect of Marine Algae on Allergic Response	CRC Press	2012	SK Kim, TS Vo, <u>Dai-Hung Ngo</u>		ISBN 9781439892299, pages 101-104,
11	<u>Marine Pharmacognosy: Trends and Applications</u> Chapter 9: Pharmacological effects of marine-derived bioactive peptides	CRC Press	2012	SK Kim, <u>Dai-Hung Ngo</u> , TS Vo, DN Ngo		ISBN 9781439892299, pages 107-114,
12	<u>Marine Pharmacognosy: Trends and Applications</u> Chapter 23 Marine Algae: Pharmacological Values and Anti-Inflammatory Effects	CRC Press	2012	SK Kim, TS Vo, <u>Dai-Hung Ngo</u>		ISBN 9781439892299, pages 273-277
13	<u>Advances in Food and Nutrition Research</u> Chapter 19: Potential application of marine algae as antiviral agents in medicinal foods	Elsevier	2011	SK Kim, TS Vo, <u>Dai-Hung Ngo</u>		1043-4526 Volume 64, (Pages 245-254)

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

14	Advances in Food and Nutrition Research Chapter 21: Antiallergic benefit of marine algae in medicinal foods	Elsevier	2011	SK Kim, TS Vo, Dai-Hung Ngo		1043-4526 Volume 64, (Pages 267-275)
15	Handbook of Nutraceuticals, Volume 2: Scale-Up, Processing and Automation Editor: Yashwant Vishnupant Pathak Chapter 12: Bioprocessing of marine products for nutraceuticals and functional food products	CRC Press	2011	SK Kim, I Wijesekara, Dai-Hung Ngo	Dai-Hung Ngo	978-1439823682
16	Handbook of Marine Macroalgae: Biotechnology and Applied Phycology Chapter 25: Anti-HIV Activities of Marine Macroalgae	Wiley-Blackwell	2011	TS Vo, Dai-Hung Ngo , SK Kim		ISBN: 978-0-470-97918-1, Pages 417-423

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	TS Vo, SK Kim, BM Ryu, Dai Hung Ngo , NY Yoon, LG Bach, NTN Hang, DN Ngo. The suppressive activity of Fucofuroeckol-A derived from brown algal Ecklonia stolonifera Okamura on UVB-induced mast cell degranulation. <i>Marine Drugs</i> , 2018, 16(1), 1-9	ISI (ISSN 1660-3397)	SCIE (2.0)	
2	SH Oh, BM Ryu, Dai-Hung Ngo , WS Kim, DG Kim, SK Kim. 4-hydroxybenzaldehyde-chitoooligomers suppresses H ₂ O ₂ -induced oxidative damage in microglia BV-2 cells. <i>Carbohydrate Research</i> 440-441 (2017) 32-37.	ISI	1.817	

3	TS Vo, Dai-Hung Ngo , LG Bach, DN Ngo, SK Kim. The free radical scavenging and anti-inflammatory activities of gallate-chitooligosaccharides in human lung epithelial A549 cells. <i>Process Biochemistry</i> 54 (2017) 188-194	ISI	2.529	
4	SH Oh, TS Vo, Dai-Hung Ngo , SY Kim, DN Ngo, SK Kim. Prevention of H ₂ O ₂ -induced oxidative stress in murine microglial BV-2 cells by chitin-oligomers. <i>Process Biochemistry</i> 51 (2016) 2170-2175.	ISI	2.529	
5	Dai-Hung Ngo , TS Vo, BM Ryu, SK Kim. Angiotensin- I- converting enzyme (ACE) inhibitory peptides from Pacific cod skin gelatin using ultrafiltration membranes. <i>Process Biochemistry</i> 51 (2016) 1622-1628.	ISI	2.529	
6	Dai-Hung Ngo , TS Vo, DN Ngo, KH Kang, JY Je, HND Pham, HG Byun, SK Kim. Biological effects of chitosan and its derivatives. <i>Food Hydrocolloids</i> 51 (2015) 200-216.	ISI	4.09	
7	Dai-Hung Ngo , KH Kang, BM Ryu, TS Vo, WK Jung, HG Byun, SK Kim. Angiotensin-I converting enzyme inhibitory peptides from antihypertensive skate (<i>Okamejei kenojei</i>) skin gelatin hydrolysate in spontaneously hypertensive rats. <i>Food Chem</i> 174 (2015) 37-43.	ISI	3.39	
8	Dai-Hung Ngo , KH Kang, WK Jung, HG Byun, SK Kim. Protective effects of peptides from skate (<i>Okamejei kenojei</i>) skin gelatin against endothelial dysfunction. <i>J Funct Foods</i> 10 (2014) 243-251.	ISI	3.57	
9	Dai-Hung Ngo , BoMi Ryu and Se-Kwon Kim. Active peptides from skate (<i>Okamejei kenojei</i>) skin gelatin diminish angiotensin-I converting enzyme activity and intracellular free radical-mediated oxidation. <i>Food Chemistry</i> , 143 (2014) 246-255.	ISI	3.39	
10	Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Sulfated polysaccharides as bioactive agents from marine algae. <i>International Journal of Biological Macromolecules</i> , 62 (2013) 70-75.	ISI	2.86	
11	Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Marine bioactive peptides as potential antioxidants. <i>Current Protein and Peptide Science</i> , 14 (2013) 189-198.	ISI	3.15	
12	Dai-Hung Ngo , Dai-Nghiep Ngo, Thanh-Sang Vo, BoMi Ryu, Quang Van Ta and Se-Kwon Kim. Protective effects of aminoethyl-	ISI	4.07	

	chitoooligosaccharides against oxidative stress and inflammation in murine microglial BV-2 cells. <i>Carbohydrate Polymers</i> , 88 (2012) 743-747.			
13	Dai-Hung Ngo , Thanh-Sang Vo, Dai-Nghiep Ngo, Isuru Wijesekara and Se-Kwon Kim. Biological activities and potential health benefits of bioactive peptides derived from marine organisms. <i>International Journal of Biological Macromolecules</i> , 51 (2012) 378-383.	ISI	2.86	
14	Dai-Hung Ngo , Zhong-Ji Qian, Dai-Nghiep Ngo, Thanh-Sang Vo, Isuru Wijesekara and Se-Kwon Kim. Gallyl chitoooligosaccharides inhibit intracellular free radical-mediated oxidation. <i>Food Chemistry</i> , 128 (2011) 974-981.	ISI	3.39	
15	Dai-Hung Ngo , Zhong-Ji Qian, Thanh-Sang Vo, BoMi Ryu, Dai-Nghiep Ngo and Se-Kwon Kim. Antioxidant activity of gallate-chitoooligosaccharides in mouse macrophage RAW264.7 cells. <i>Carbohydrate Polymers</i> , 84 (2011) 1282-1288.	ISI	4.07	
16	Dai-Hung Ngo , Isuru Wijesekara, Thanh-Sang Vo, Quang Van Ta and Se-Kwon Kim. Marine food-derived functional ingredients as potential antioxidants in the food industry: An overview. <i>Food Research International</i> , 44 (2011) 523-529.	ISI	2.82	
17	Dai-Hung Ngo , BoMi Ryu, Thanh-Sang Vo, S.W.A. Himaya, Isuru Wijesekara and Se-Kwon Kim. Free radical scavenging and angiotensin-I converting enzyme inhibitory peptides from Pacific cod (<i>Gadus macrocephalus</i>) skin gelatin. <i>International Journal of Biological Macromolecules</i> , 49 (2011) 1110-1116..	ISI	2.86	
18	Dai-Hung Ngo , Zhong-Ji Qian, BoMi Ryu, Jae W. Park and Se-Kwon Kim. In vitro antioxidant activity of a peptide isolated from Nile tilapia (<i>Oreochromis niloticus</i>) scale gelatin in free radical-mediated oxidative systems. <i>Journal of Functional Foods</i> , 2 (2010) 107-117.	ISI	3.57	
19	Mai Duy Luu Trinh, Minh-Hiep Dinh, Dai-Hung Ngo , Dang-Khoa Tran, Quoc-Tuan Tran, Thanh-Sang Vo and Dai-Nghiep Ngo. Protection of 4-hydroxybenzyl-chitoooligomers against inflammatory responses in Chang liver cells. <i>International Journal of Biological Macromolecules</i> , 66 (2014) 1-6.	ISI	2.86	
20	Mai Duy Luu Trinh, Dai-Hung Ngo , Dang-Khoa Tran, Quoc-Tuan Tran, Thanh-Sang Vo, Minh-Hiep Dinh and Dai-Nghiep Ngo. Prevention of H ₂ O ₂ -	ISI	4.07	

	induced oxidative stress in Chang liver cells by 4-hydroxybenzyl-chitooligomers. <i>Carbohydrate Polymers</i> , 103 (2014) 502-509.			
21	Ratih Pangestuti, Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Fucoxanthin Ameliorates Inflammation and Oxidative Responses in Microglia. <i>Journal of Agricultural and Food Chemistry</i> , 61 (2013) 3876-3883.	ISI	2.91	
22	Isuru Wijesekara, Yong-Xin Li, Thanh-Sang Vo, Quang Van Ta, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Induction of apoptosis in human cervical carcinoma HeLa cells by neoechinulin A from marine-derived fungus <i>Microsporium</i> sp. <i>Process Biochemistry</i> , 48 (2013) 68-72.	ISI	2.52	
23	Se-Kwon Kim and Dai-Hung Ngo . The possible roles of chitosan and its derivatives in cardiovascular health: an overview. <i>Journal of Chitin and Chitosan</i> , 18 (2013) 137-143.			
24	TS Vo, Dai-Hung Ngo , KH Kang, SJ Park, SK Kim. The role of peptides derived from <i>Spirulina maxima</i> in downregulation of FcεRI-mediated allergic responses. <i>Mol Nutr Food Res</i> 58 (2014) 2226-2234.	ISI	4.60	
25	TS Vo, Dai-Hung Ngo , KH Kang, WK Jung, SK Kim The beneficial properties of marine polysaccharides in alleviation of allergic responses. <i>Mol Nutr Food Res</i> 59 (2015) 129-138.	ISI	4.60	
26	Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Potential Targets for Anti-Inflammatory and Anti-Allergic Activities of Marine Algae: An Overview. <i>Inflammation and Allergy - Drug Targets</i> , 11 (2012) 90-101.			
27	Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Marine algae as a potential pharmaceutical source for anti-allergic therapeutics. <i>Process Biochemistry</i> , 47 (2012) 386-394.	ISI	2.52	
28	Thanh-Sang Vo, Jung-Ae Kim, Dai-Hung Ngo , Chang-Suk Kong and Se-Kwon Kim. Protective effect of chitosan oligosaccharides against FcεRI-mediated RBL-2H3 mast cell activation. <i>Process Biochemistry</i> , 47 (2012) 327-330.	ISI	2.52	
29	Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo , Se-Kwon Kim. Gallic acid-grafted chitooligosaccharides suppress antigen-induced allergic reactions in RBL-2H3 mast cells. <i>European Journal of Pharmaceutical Sciences</i> ,	ISI	3.35	

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

	47 (2012) 527-533.			
30	TS Vo, Dai-Hung Ngo , QV Ta, I Wijesekara, CS Kong, SK Kim. Protective effect of chitin oligosaccharides against lipopolysaccharide-induced inflammatory response in BV-2 microglia. <i>Cell Immunol</i> 277 (2012) 14-21.	ISI	1.92	
31	BoMi Ryu, Kyong-Hwa Kang, Dai-Hung Ngo , Zhong-Ji Qian and Se-Kwon Kim. Statistical optimization of microalgae <i>Pavlova lutheri</i> cultivation conditions and its fermentation conditions by yeast, <i>Candida rugopelliculosa</i> . <i>Bioresource Technology</i> , 107 (2012) 307-313.	ISI	4.49	
32	S.W.A. Himaya, Dai-Hung Ngo , BoMi Ryu and Se-Kwon Kim. An active peptide purified from gastrointestinal enzyme hydrolysate of Pacific cod skin gelatin attenuates angiotensin-I converting enzyme (ACE) activity and cellular oxidative stress. <i>Food Chemistry</i> , 132 (2012) 1872-1882	ISI	3.39	
33	S. W. A. Himaya, BoMi Ryu, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Peptide isolated from japanese flounder skin gelatin protects against cellular oxidative damage. <i>Journal of Agricultural and Food Chemistry</i> , 60 (2012) 9112-9119.	ISI	2.91	
34	Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo , Quang Van Ta and Se-Kwon Kim. Marine organisms as a therapeutic source against herpes simplex virus infection. <i>European Journal of Pharmaceutical Sciences</i> , 44 (2011) 11-20.	ISI	3.35	
35	Thanh-Sang Vo, Dai-Hung Ngo , Jung-Ae Kim, BoMi Ryu and Se-Kwon Kim. An antihypertensive peptide from tilapia gelatin diminishes free radical formation in murine microglial cells. <i>Journal of Agricultural and Food Chemistry</i> , 59 (2011) 12193-12197.	ISI	2.91	
36	Isuru Wijesekara, Zhong-Ji Qian, BoMi Ryu, Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. Purification and identification of antihypertensive peptides from seaweed pipe fish (<i>Syngnathus schlegelii</i>) muscle protein hydrolysate. <i>Food Research International</i> , 44 (2011) 703-707.	ISI	2.82	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Ngô Dai Hung . Peptide chống tăng huyết áp tinh sạch từ gelatin vảy cá rô phi vằn. <i>Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một</i> , Số 3 (28) 2016			
2	Vo TS, Ngô Dai Hung , Le VM, Nguyen HD, Phung TTH, Ngo DN. Nutritional value and pharmacological activities of microalgal <i>Spirulina</i> : A review. <i>Tạp chí Dược liệu</i> , tập 21, số 5, trang 287 (2016).	0868-3859		
3	Vo Thanh Sang, Ngô Dai Hung , Kim SK. Protective mechanism of peptides from spirulina maxima against allergic reaction via IgE receptor signaling pathway. <i>Tạp chí Công nghệ Sinh học Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i> , 2016			

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Vo TS, Ngô Dai Hung , Ngo DN, Le PU, Kim SK. Anti-allergic activities of peptides derived from microalgal <i>Spirulina maxima</i> in rat mast cells. <i>International Conference On Applied Science, Engineering And Technology (ASET 2017)</i> , Manipal Institute of Technology(MIT), Manipal University, Manipal, Karnataka, India- Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam.	ISBN: 978-93-5279-058-6		
2	Vo TS, Ngô Dai Hung , Ngo DN, Dinh TB, Huynh BK. Marine fucoidan and phlorotannins as natural bioactive ingredients for anti-allergic therapeutics. <i>International Conference On Applied Science, Engineering And Technology (ASET 2017)</i> , Manipal Institute of Technology (MIT), Manipal University, Manipal, Karnataka, India- Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam.	ISBN: 978-93-5279-058-6		
3	Dai-Hung Ngo and Se-Kwon Kim. <i>In Vitro</i> Anti-oxidative Activity of Gallate-chitooligosaccharides. The 9th Asia-Pacific Chitin & Chitosan Symposium, 2011 Aug 3-6 Nha Trang, Khanh Hoa, VietNam			

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

4	Dai-Hung Ngo, Bo Mi Ryu, Se-Kwon Kim. Free radical scavenging and angiotensin-I converting enzyme inhibitory peptides from Pacific cod (<i>Gadus macrocephalus</i>) skin gelatin. International symposium and annual meeting, Korea, 2011.10.			
5	Dai-Hung Ngo, Zhong-Ji Qian, BoMi Ryu, Se-Kwon Kim. Gallyl chitooligosaccharides inhibit intracellular free radical-mediated oxidation. International symposium and annual meeting, 2010.10, 375-376			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Ngô Đại Hùng - Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Y sinh - Một số kết quả và định hướng phát triển tại Hội Thảo “Vai trò trí thức với xu hướng phát triển công nghệ sinh học trong sản xuất và phục vụ đời sống tại Vĩnh Long” do Hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Long phối hợp Trường Đại học Thủ Dầu Một và Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính tổ chức. Thời gian: 30/11/2017 Nơi tổ chức: Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính Vĩnh Long			Cấp liên trường

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1	Cán bộ, Giảng viên trẻ có thành tích Nghiên cứu khoa học tiêu biểu, xuất sắc	Cán bộ, Giảng viên trẻ có thành tích Nghiên cứu khoa học tiêu biểu, xuất sắc giai đoạn 2016-2018	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2018
2	Nghiên cứu khoa học xuất sắc tỉnh Bình Dương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học	Bảng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương	2016-2017
3	Nghiên cứu khoa học xuất sắc tỉnh Bình Dương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học	Bảng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương	2015-2016

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

4	Nghiên cứu khoa học xuất sắc tỉnh Bình Dương	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học	Bảng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương	2014-2015
---	--	---	---	-----------

2. Bảng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

Bình Dương, ngày tháng năm 20

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Ngô Đại Hùng



LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: THUY CHÂU TỜ

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 25/03/1979

4. Nơi sinh: Quảng Nam

5. Nguyên quán: Quảng Nam

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn: Hóa học

Khoa: Khoa học Tự nhiên

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2004

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu: Giảng viên

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0914.478275
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	totc@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		✓			✓			✓		✓		

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
8/2001 – 9/2003	Trung tâm Phân tích – Đại học Huế	Nghiên cứu viên
10/2003 – 9/2011	Khoa Hóa học – Trường Đại học Khoa học Huế	Giảng viên Trưởng phòng thí nghiệm Trợ lý nghiên cứu khoa học
10/2011 – 7/2015	Khoa Môi trường – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên Phó trưởng khoa (6/2012 - 7/2015)
8/2015 – nay	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	9/1997 – 6/2001	Đại học Khoa học Huế	Hóa phân tích	Xác định dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo trong một số loài cá ở vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế
Thạc sĩ	10/2002 – 12/2004	Đại học Huế	Hóa phân tích	Phân tích và đánh giá chất lượng nước dựa vào chỉ số chất lượng nước (WQI): Áp dụng cho một số sông quan trọng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Chứng chỉ về GIS	11/2003	ICZM Huế	
Chứng chỉ “Phương pháp giảng dạy tích cực”	10/2014	Trường Đại học Thủ Dầu Một	
Tập huấn quốc tế “Chất thải rắn – nguồn năng lượng tiềm năng”	9/2013	Viện Tài nguyên Môi trường – Đại học Huế	
Đào tạo Tiền tiến sĩ	3 – 6/2015	Trung tâm đào tạo Tiền tiến sĩ – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1. Lĩnh vực chuyên môn:**

Lĩnh vực: Hóa học phân tích và phân tích môi trường

Chuyên ngành: Hóa phân tích

16.2. Hướng nghiên cứu:

1. Phát triển phương pháp phân tích và đánh giá dư lượng các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo (OCPs) và polyclobiphenyl (PCBs) trong các đối tượng sinh hóa và môi trường (đất, trầm tích, nước, sinh vật và sữa người).

2. Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường nước và trầm tích; thiết lập và áp dụng chỉ số chất lượng nước (WQI) trong đánh giá, phân loại và phân vùng chất lượng nước mặt.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu thiết lập và áp dụng chỉ số chất lượng nước (WQI) cho sông Thị Tính phục vụ quản lý nguồn nước	Đại học Thủ Dầu Một	2014 – 2015	88,864	Chủ nhiệm	12/2015	Tốt
2	Xây dựng quy trình phân tích và áp dụng để đánh giá dư lượng nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một	2014 – 2015	56,371	Tham gia	2016	Tốt
3	Nghiên cứu xác định dư lượng các hợp chất cơ clo khó phân hủy trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí	Đại học Huế	2011 – 2012	60	Chủ nhiệm	9/2013	Khá
4	Nghiên cứu xác định đồng thời một số ion vô cơ trong nước bằng phương pháp sắc ký ion	Đại học Khoa học Huế	2010	20	Chủ nhiệm	3/2011	Tốt
5	Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	2010		Tham gia	11/2010	
6	Nghiên cứu phát triển phương pháp von-ampe hòa tan phân tích lượng vết cadimi và chì trong một số mẫu môi trường	Bộ GD&ĐT	2007 – 2008		Tham gia	2/2009	Khá
7	Đánh giá môi trường đầm phá Tam Giang – Cầu Hai	Hợp tác quốc tế (ADB tài trợ)	2007		Tham gia	12/2007	
8	Đánh giá chất lượng nước và trầm tích đầm phá	Hợp tác quốc tế (FAO tài trợ)	2006 – 2007		Tham gia	9/2007	

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
	Tam Giang – Cầu Hai	trợ)					
9	Quản lý nguồn nước ở các xã Cam Thành và Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Hợp tác quốc tế (ABD tài trợ)	2006		Tham gia	11/2006	
10	Nghiên cứu điều chỉnh mô hình chỉ số chất lượng nước (WQI) của Bhargava để áp dụng cho một số sông bị nhiễm mặn ở khu vực Bình - Trị - Thiên	Đại học Khoa học Huế	2006	10	Chủ nhiệm	1/2007	Tốt
11	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt trên cơ sở chỉ số chất lượng nước (WQI) ở một số vùng trọng điểm của tỉnh Quảng Trị phục vụ quản lý nguồn nước và phát triển bền vững	Tỉnh Quảng Trị	2004 – 2005		Tham gia	12/2005	
12	Điều tra các nguồn phát thải dioxin và furan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	2002		Tham gia	10/2003	
13	Đánh giá chất lượng nước sông Hương và đầm phá Thừa Thiên Huế	Hợp tác quốc tế (Pháp tài trợ)	1998 – 2003		Tham gia	12/2003	
14	Quan trắc chất lượng nước và đa dạng sinh học vùng ven biển Thừa Thiên Huế	Hợp tác quốc tế (Hà Lan tài trợ)	2002 – 2003		Tham gia	11/2003	
15	Nghiên cứu đánh giá hệ sinh thái và môi trường vùng hạ lưu sông Kiến Giang phục vụ phát triển bền vững	Tỉnh Quảng Bình	2001 – 2002		Tham gia	9/2002	

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
-----------	--	------------------------------	-----------------------	--------------------	--	---

--	--	--	--	--	--	--

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án
1	Nguyen Van Hop, Vu Thi Kim Loan, <u>Thuy Chau To</u> , Oganochlorine pesticides and polychlorinated biphenyls in human breast milk: case study in the suburbs of Hue city, Vietnam, <i>International Journal of Science, Technology and Society</i> , 3(4), pp. 81-85, 2015.	ISSN 2330-7412, không thuộc ISI		

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	<u>Thùy Châu Tờ</u> , Hồ Sỹ Thắng, Phạm Đình Dũ, Tổng hợp MnO ₂ có cấu trúc nano bằng phương pháp thủy nhiệt, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 54 (5e1,2), tr. 22-26, 2016	ISSN 0866-7144		
2	Lê Thị Huỳnh Như, <u>Thùy Châu Tờ</u> , Nguyễn Thị Lợi, Xác định hàm lượng nitrat và nitrit trong một số loại rau quả ở thành phố Thủ Dầu Một, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 3(28), tr. 8-13, 2016.	ISSN 1859-4433		
3	<u>Thùy Châu Tờ</u> , Lê Thị Huỳnh Như, Đánh giá sự ô nhiễm các chất dinh dưỡng trong nước sông Thị Tính chảy qua địa bàn tỉnh Bình Dương, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 6(25), tr. 12-16, 2015.	ISSN 1859-4433		
4	<u>Thuy Chau To</u> , Do Thanh Tu, Nguyen Ngoc Dai Trang, Nguyen Van Hop, Classification and zoning of Thi Tinh river water quality based on water quality index, <i>Journal of Science and Technology</i> , 53(3A), pp. 121-126, 2015.	ISSN 0866-708X		
5	<u>Thùy Châu Tờ</u> , Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, Hoàng Trọng Sĩ, Nghiên cứu xác định các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo và polyclo biphenyl trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> ,	ISSN 1859-4433		

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
	14, tr. 52-58, 2014.			
6	Thùy Châu Tờ, Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Đăng Giảng Châu, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Trọng Sĩ, <i>Dur lượng các chất ô nhiễm hữu cơ bền vững trong sữa người ở thành phố Huế, Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Chuyên san Khoa học Tự nhiên)</i> , 87(9), tr. 57-65, 2013.	ISSN 1859-1388		
7	Nguyễn Văn Hợp, Phạm Nguyễn Anh Thi, Nguyễn Hữu Hoàng, Võ Thị Bích Vân, <i>Thùy Châu Tờ</i> , <i>Chất lượng nước và tình trạng phú dưỡng các hồ trong Kinh thành Huế, Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Chuyên san Khoa học Tự nhiên)</i> , 73(4), tr. 93-102, 2012.	ISSN 1859-1388		
8	Thùy Châu Tờ, Trần Thanh Luân, Nguyễn Đăng Giảng Châu, Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, <i>Nghiên cứu xác định đồng thời một số anion vô cơ hòa tan trong nước bằng phương pháp sắc ký ion, Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 15(3), tr. 261-266, 2010.	ISSN 0868-3224		
9	Hoang Trong Si, Nguyen Van Hop, <i>Thuy Chau To</i> , Nguyen Dang Giang Chau, Le Thi Huynh Nhu, Nguyen Thanh Gia, <i>Organochlorine pesticides and polychlorinated biphenyls in human breast milk in the suburbs of Hue city, Vietnam: preliminary result, Journal of Science, Medicine & Pharmacy Issue, Hue University</i> , 61, pp. 393-401, 2010.	ISSN 1859-1388		
10	Nguyễn Văn Hợp, Phạm Nguyễn Anh Thi, Nguyễn Mạnh Hùng, <i>Thùy Châu Tờ</i> , Nguyễn Minh Cường, <i>Đánh giá chất lượng nước sông Bồ ở tỉnh Thừa Thiên Huế dựa vào chỉ số chất lượng nước (WQI), Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Chuyên san Khoa học Tự nhiên)</i> , 24(58), tr. 77-85, 2010.	ISSN 1859-1388		
11	Nguyen Van Hop, <i>Thuy Chau To</i> , Truong Quy Tung, <i>Classification and zoning of water quality for three main rivers in Binh Tri Thien region (Central Vietnam) based on water quality index, ASEAN Journal on Science and Technology for Development</i> , 25(2), pp. 435-444, 2008.	ISSN 0217-5460		
12	Nguyen Van Hop, Hoang Thai Long, Nguyen Hai Phong, <i>Thuy Chau To</i> , Truong Quy Tung, <i>Water quality and water pollution sources of</i>	ISSN 1859-1388		

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
	Tam Giang – Cau Hai lagoon, <i>Journal of Research, Natural Science Issue, Hue University</i> , 32, pp. 57-69, 2006.			
13	Nguyễn Văn Hợp, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Hữu Nam, Đánh giá chất lượng nước sông Hương dựa vào chỉ số chất lượng nước (WQI), <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 9(2), tr. 23-32, 2004.	ISSN 0868-3224		
14	Nguyễn Văn Hợp, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Thị Nhi Phương, Hoàng Trọng Sĩ, Nguyễn Trường Khoa, Võ Văn Dũng, Nguyễn Hữu Nam, Điều tra các nguồn phát thải dioxin và furan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, <i>Tạp chí Khoa học, Đại học Huế</i> , 22, tr. 89-97, 2004.	ISSN 1859-1388		
15	Nguyễn Xuân Khoa, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Xuân Trung, Phạm Hùng Việt, Nghiên cứu xác định các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo trong một số sinh vật thủy sinh ở đầm phá Thừa Thiên Huế, <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 4(7), tr. 15-19, 2002.	ISSN 0868-3224		

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	Nguyen Van Hop, Nguyen Manh Hung, Hoang Duc Bao, <u>Thuy Chau To</u> , Selection of a water quality index suitable for the river water quality assessment in Cetral Vietnam: A case study for Huong river in Hue city, <i>The International Conference on Analytical Sciences and Life Science</i> , Vietnam, 2013			
2	Yasuko Washitani, Nam Phi Nguyen, Yukihiro Morimoto, <u>To Thuy Chau</u> , Binh Nguyen, Mai Van Tai, Factors influencing distribution of Asian clam in the Huong river in Hue city in the Central Vietnam, <i>The 3rd International Conference of the Network URban BIODiversity and Design URBIO 2012 - Urban Biodiversity and Climate Change Adaptation and Mitigation</i> , India, 2012.			
3	Nguyen Van Hop, <u>Thuy Chau To</u> , Nguyen Manh Hung, Water quality index - an efficient tool for water quality management: a case study for Huong river in Hue city, Central Vietnam, <i>Minamata International Symposium on</i>			

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
	<i>Environment and Energy Technology</i> , Japan, 2012.			
4	Harukuni Tachibana, Thuy Chau To, Nguyen Van Hop, A. Mori, K. Utosawa, Water pollution and management of Huong river, Hue, Vietnam, <i>The 8th Seminar of the Core University Program: Environmental Science & Technology for the Earth</i> , Japan, 2008.			
5	Nguyen Van Hop, <u>Thuy Chau To</u> , Tran Thi Ai My, Akihiro Kunimasa, Sonoko Ouchi, Harukuni Tachibana, Water environment and pollution of Huong river in Hue City, Central Vietnam, <i>The 7th Seminar of the Core University Program: Environmental Science & Technology Issues related to the Sustainable Development for Urban and Coastal Areas</i> , Vietnam, 2007.			
6	Akio Mori, Harukuni Tachibana, Nguyen Van Hop, <u>Thuy Chau To</u> , Hydrological survey of the Huong river in 2005, <i>The 5th Seminar of the Core University Program: Environmental Science & Technology for the Earth</i> , Vietnam, 2005.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	<u>Thủy Châu Tờ</u> , Nghiên cứu chế tạo kit thử nhanh hàn the trong thực phẩm, <i>Kỷ yếu Ngày hội Khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ II – năm 2018</i> , Trường Đại học Thủ Dầu Một, tr. 26.			
2	<u>Thủy Châu Tờ</u> , Phân loại, phân vùng chất lượng nước và đánh giá tiềm năng sử dụng chất lượng nước sông Thị Tính dựa vào chỉ số chất lượng nước, <i>Kỷ yếu Ngày hội Khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học lần thứ I – năm 2017</i> , Trường Đại học Thủ Dầu Một, tr. 41.			
3	Trương Quý Tùng, Bùi Văn Huy, <u>Thủy Châu Tờ</u> , Thái Ngọc Chiến, Đánh giá chất lượng nước và trạng thái dinh dưỡng vịnh Vân Phong tỉnh Khánh Hòa theo mô hình Vollenweider, <i>Kỷ yếu Hội thảo Môi trường đới ven bờ các tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam</i> , Huế, 2009.			

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
4	Nguyễn Văn Hợp, <u>Thủy Châu Tờ</u> , Hoàng Thái Long, Sử dụng chỉ số chất lượng nước để phân loại và phân vùng chất lượng nước sông Hương, <i>Tuyển tập công trình khoa học Hội nghị Khoa học Kỹ thuật Phân tích Hoá, Lý và Sinh học toàn quốc lần thứ 2</i> , Hà Nội, 2005.			
5	<u>Thủy Châu Tờ</u> , Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Hợp, Đánh giá khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm hữu cơ của vùng hạ lưu sông Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị, <i>Kỷ yếu Hội nghị khoa học trẻ lần thứ VI, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế</i> , 2005.			
6	Nguyễn Thị Yến Nhi, Nguyễn Quốc Dũng, <u>Thủy Châu Tờ</u> , Áp dụng chỉ số chất lượng nước của Bhargava để đánh giá chất lượng nước sông Hương, <i>Kỷ yếu Hội nghị khoa học trẻ lần thứ VI, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế</i> , 2005.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

V. THÔNG TIN KHÁC

Bình Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2018

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai


 TS. Trần Văn Trung

ThS. Thủy Châu Tờ

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: PHẠM ĐÌNH DŨ
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 10/05/1979
4. Nơi sinh: huyện Phú Vang, tỉnh TT-Huế
5. Nguyên quán: huyện Phú Vang, tỉnh TT-Huế
6. Đơn vị công tác:
Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Hóa học
Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: khoa Khoa học Tự nhiên
7. Học vị vào nhất: Tiến sĩ Năm đạt học vị: 2012
8. Chức danh khoa học:
Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận: ...
Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận: ...
9. Chức danh nghiên cứu:
10. Chức vụ: Trưởng Bộ môn Hóa học
11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Số 6, Trần Văn Ôn, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.	Hẻm 324/46A, đường Lê Hồng Phong, tổ 5, khu 4, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0979 665 444
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	pddukt@yahoo.com dupd@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu TL		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		√			√		√			√		

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 10/2002 đến 09/2005	Trường CĐSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 10/2005 đến 11/2007	Trường CĐSP Kon Tum; Trường ĐHSP - Đại học Huế	Giảng viên; Học viên cao học

Từ 12/2007 đến 05/2009	Trường CDSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 06/2009 đến 05/2012	Trường CDSP Kon Tum; Trường ĐHSP - Đại học Huế	Giảng viên; Nghiên cứu sinh
Từ 06/2012 đến 06/2013	Trường CDSP Kon Tum	Giảng viên
Từ 07/2013 đến 07/2014	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 08/2014 đến 12/2015	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên; Phó Trưởng Bộ môn Hóa học
Từ 01/2016 → nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên; Trưởng Bộ môn Hóa học

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	Từ 09/1998 đến 05/2002	Trường ĐH Quy Nhơn	SP Hóa học	
Thạc sĩ	Từ 09/2005 đến 11/2007	Trường ĐHSP, ĐH Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu rây phân tử mao quản trung bình Fe-MCM-41 và khảo sát hoạt tính xúc tác trong phản ứng oxy hóa phenol
Tiến sĩ	Từ 06/2009 đến 05/2012	Trường ĐHSP, ĐH Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu MCM-41 bằng hợp chất silan chứa nhóm amin hoặc thiol và khảo sát tính chất hấp phụ
Tiến sĩ khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Bằng cử nhân	Từ 01/2010 đến 12/2011	Trường ĐH Ngoại Ngữ, ĐH Huế	Tiếng Anh (Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học)
Giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn	22/10/2015	HORIBA Vietnam Co., Ltd at Institute of Drug Quality Control, Ho Chi Minh City	Technical Workshop on Laser Scattering Particle Size Distribution
Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học	15/12/2005	Hue-Aptech	Microsoft Windows 2000 Professional and Microsoft Windows 2000 Server
Chứng chỉ môn học sau đại học	16/10/2005	Đại học Huế	Triết học (Thuộc chương trình NCS, Cao học)
Giấy chứng nhận	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Lý luận dạy học Đại học

hoàn thành môn học			(Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)
Giấy chứng nhận hoàn thành môn học	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Nhập môn phương pháp luận của khoa học nghiên cứu (Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)
Giấy chứng nhận hoàn thành môn học	26/12/2007	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học (Theo chương trình liên kết thuộc Dự án ĐT GV THCS – Bộ GD&ĐT)

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1. Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Vật liệu xúc tác và hấp phụ
- Chuyên ngành: Hóa lý

16.2. Hướng nghiên cứu:

1. Vật liệu có cấu trúc mao quản
2. Vật liệu có kích thước nano
3. Hoạt tính hấp phụ và xúc tác của vật liệu

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41: Tổng hợp, Đặc trưng và Hoạt tính	T.NCS 09-TN-03 Khoa Hóa, Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế/ Đào tạo NCS	04/2009-12/2009		Chủ nhiệm		Tốt
2	Nghiên cứu hoạt tính xúc tác và hấp phụ của vật liệu mao quản trung bình Aminopropyl-MCM-41	T.NCS-2010-TN-13 Khoa Hóa, Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế/ Đào tạo NCS	03/2010-12/2010		Chủ nhiệm		Tốt
3	Giáo trình Hóa học đại cương (Dành cho sinh viên không chuyên Hóa)	Số hợp đồng: 295/HĐ-BSTLGD ngày 17/8/2015, Khoa KHTN, Trường ĐH Thủ Dầu Một	08/2015 - 07/2016	22.8	Chủ biên	25/8/2016	Khá
4	Nghiên cứu loại bỏ ion Pb(II) và xanh metylen trong môi trường nước bằng vật liệu thải từ quy trình khai thác bauxite	Số hợp đồng: 07/HĐ-NCKHPTCN ngày 02/02/2016, Khoa KHTN, Trường ĐH Thủ Dầu Một	02/2016 - 09/2016	50.2	Chủ nhiệm	14/10/2016	Xuất sắc

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Hoàng Bắc	Nghiên cứu biến tính, đặc trưng hóa lý và hoạt tính hấp phụ của bùn đỏ thải từ các nhà máy nhôm ở Tây Nguyên	2014	Thạc sĩ	Chính	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Dinh Quang Khieu, Bui Hai Dang Son, Vo Thi Thanh Chau, Pham Dinh Du, Nguyen Hai Phong and Nguyen Thi Diem Chau, "3-Mercaptopropyltrimethoxysilane Modified Diatomite: Preparation and Application for Voltammetric Determination of Lead (II) and Cadmium (II)", Journal of Chemistry, vol. 2017, Article ID 9560293, 10 pages, 2017. doi:10.1155/2017/9560293.	ISSN: 2090-9071 (Online)	0.996	
2	Mai Thi Thanh, Tran Vinh Thien, Vo Thi Thanh Chau, Pham Dinh Du, Nguyen Phi Hung, and Dinh Quang Khieu, "Synthesis of Iron Doped Zeolite Imidazolate Framework-8 and Its Remazol Deep Black RGB Dye Adsorption Ability", Journal of Chemistry, vol. 2017, Article ID 5045973, 18 pages, 2017. doi:10.1155/2017/5045973.	ISSN: 2090-9071 (Online)	0.996	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Phạm Đình Dũ , Võ Thị Thanh Châu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu tổng hợp vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với nguồn oxit silic được điều chế từ vỏ trấu, <i>Tạp chí Hóa học & Ứng dụng</i> , số 5 (77), tr. 47-49, (2008).	0866 – 7004		
2	Nguyễn Khoái, Nguyễn Lê Mỹ Linh, Đinh Quang Khiếu, Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu quá trình phân hủy chất hoạt động bề mặt trong tổng hợp vật liệu Fe-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học - Đại học Huế</i> , số 48, tr. 85-91, (2008).	1859 – 1388		
3	Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Phạm Đình Dũ , Functionalization of diatomite with 3-mercaptopropylmethoxysilane, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 47 (6A), pp. 354-359, (2009).	0866 – 7144		
4	Phạm Đình Dũ , Đặng Thị Quỳnh Lan, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa amino/MCM-41 bằng phương pháp ngưng tụ trực tiếp, <i>Tạp chí Hóa học & Ứng dụng</i> , số 01, tr. 19-22, (2010).	0866 – 7004		
5	Nguyễn Văn Ly, Đinh Quang Khiếu, Phạm Đình Dũ , Ngô Huy Du, Trần Tứ Hiếu, Nghiên cứu biến tính diatomite bằng 3-(triethoxysilyl)-1-propanamine và hoạt tính hấp phụ kim loại nặng, <i>Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , T. 15 (3), tr. 58-63, (2010).	0868 – 3224		
6	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Văn Ly, Đinh Quang Khiếu, A study on adsorption of Cd(II) from aqueous solution by mercaptopropyl-diatomite, <i>Journal of Science and Technology</i> , 48 (2A), pp. 31-37, (2010).	0866 – 708X		
7	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, So sánh một số cách tính tính chất xốp của vật liệu MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 48 (2A), tr. 38-45, (2010).	0866 – 708X		
8	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 bằng aminopropyl triethoxy silane, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 48 (2A), tr. 186-191, (2010).	0866 – 708X		
9	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Removal of organic template from mesoporous MCM-41, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 48 (4C), pp. 536-541, (2010).	0866 – 7144		
10	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Quá trình hấp phụ của ion Pb(II) và Cd(II) trong dung dịch nước bằng aminopropyl-MCM-41 theo một số mô hình đẳng nhiệt tuyến tính và phi tuyến, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 48 (5A), tr. 23-29, (2010).	0866 – 7144		
11	Trần Thái Hòa, Phạm Đình Dũ , Trần Minh Ngọc, Đinh Quang Khiếu, Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-aminopropyltriethoxysilan bằng phương pháp gián tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 48 (5A), tr. 87-93, (2010).	0866 – 7144		

12	Phạm Đình Du , Tran Minh Ngoc, Dinh Quang Khiêu, Tran Thai Hoa, Kinetics and thermodynamics of anion Remazol Deep Black RGB dye adsorption on aminopropyl-MCM-41, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 49 (5AB), pp. 15-21, (2011).	0866 – 7144		
13	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Thùy Phương, Trần Xuân Mậu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-mercaptopropyl trimethoxy silane (MPTMS) bằng phương pháp gián tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 574-580, (2011).	0866 – 7144		
14	Phạm Đình Dũ , Lê Trịnh Minh Phương, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Biến tính vật liệu mao quản trung bình MCM-41 bằng trietoxyvinyl silan, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 581-587, (2011).	0866 – 7144		
15	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Thùy Phương, Trần Xuân Mậu, Đinh Quang Khiếu, Trần Thái Hòa, Nghiên cứu chức năng hóa vật liệu mao quản trung bình MCM-41 với 3-mercaptopropyl trimethoxy silan bằng phương pháp trực tiếp, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 49 (5AB), tr. 588-594, (2011).	0866 – 7144		
16	Tran Thai Hoa, Phạm Đình Du , Dinh Quang Khiêu, A comparative study on the synthesis of aminopropyl functionalized MCM-41 by direct and post-synthetic grafting, <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 49 (5AB), pp. 641-646, (2011).	0866 – 7144		
17	Võ Triều Khải, Trần Thái Hoà, Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, Nghiên cứu tổng hợp nano oxit kẽm dạng que bằng phương pháp thủy nhiệt có sự hỗ trợ của cetyltrimetyl amoni bromua, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 68-73, (2012).	0866 – 708X		
18	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu động học và nhiệt động học quá trình hấp phụ phẩm nhuộm astrazon black AFDL trong dung dịch nước bằng vật liệu Vinyl-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 82-89, (2012).	0866 – 708X		
19	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu đẳng nhiệt hấp phụ quá trình hấp phụ Pb(II) và Cd(II) trong dung dịch nước bằng mercaptopropyl-MCM-41, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ</i> , 50 (3B), tr. 90-97, (2012).	0866 – 708X		
20	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu động học và nhiệt động học quá trình hấp phụ cation phẩm nhuộm astrazon black AFDL trong dung dịch nước bằng vật liệu Mercaptopropyl-MCM-41, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 51 (2AB), tr. 308-313, (2013).	0866 – 7174		
21	Hoàng Bắc, Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu đặc trưng hoá lý và tính chất nhiệt của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 51 (6ABC), tr. 459-462, (2013).	0866 – 7144		
22	Vo Thi Thanh Chau, Phạm Đình Du , Tran Thai Hoa, Dinh Quang Khiêu, Statistical analysis of determination of surface area of metal organic framework MIL-101 by BET and Langmuir isotherms, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.2 (N°4), pp. 37-45, (2013).	0866 – 7411		
23	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiếu, So sánh thống kê các mô hình đẳng nhiệt hấp phụ bằng phương pháp kiểm định cặp t, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T2. (N°4), tr. 59-66, (2013).	0866 – 7411		
24	Lê Thị Hoà, Phạm Đình Dũ , Trần Thái Hoà, Đinh Quang Khiếu, Nghiên cứu phản ứng hydroxyl hoá phenol bằng hydroperoxide trên xúc tác SnO ₂ /MCM-41, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T2. (N°4), tr.	0866 – 7411		

	102-110, (2013).			
25	Nguyễn Quốc Hòa, Lê Hồng Thẩm, Trần Phi Hùng, Trần Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Quế, Phạm Đình Dũ , Hoàng Bắc, Nghiên cứu hấp phụ metylen xanh bằng sản phẩm thải từ ngành công nghiệp nhôm-Bùn đỏ, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 1 (14), tr. 44-51, (2014).	1859 – 4433		
26	Phạm Đình Dũ , Adsorption of Methylene Blue from aqueous solution onto Lamdong red mud, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.3 (N°4), pp. 39-44, (2014).	0866 – 7411		
27	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của phương pháp xử lý đến tính chất hấp phụ của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> , Tập 30 (Số. 6S-C), tr. 765-770, (2014).	0866 – 8612		
28	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Đoàn Thị Diễm Trang, Nguyễn Đặng Thủy Tiên, Lý Ngọc Tâm, Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ Lâm Đồng trong quá trình Fenton dị thể để phân hủy xanh metylen, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 2 (21), tr. 88-94, (2015).	1859 – 4433		
29	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp vật liệu silica cấu trúc mao quản trung bình trật tự MCM-41 từ diatomite, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , T4. (N°2), tr. 101-105, (2015).	0866 – 7411		
30	Phạm Đình Dũ , Application of activated diatomite for competitive adsorption of methylene blue and rhodamine B: Thermodynamic and kinetic studies, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.4 (N°2), pp. 118-126, (2015).	0866 – 7411		
31	Phạm Đình Dũ , A kinetic study on adsorption of methyl orange from aqueous solution onto Phu Yen diatomite, <i>Journal of Catalysis and Adsorption</i> , Vol.4 (N°4B), pp. 24-29, (2015).	0866 – 7411		
32	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt hoặc axit đến tính chất và khả năng hấp phụ Pb(II) của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Tạp chí Khoa học - Đại học Huế</i> , T. 110, S. 11, tr. 55-64, (2015).	1859 – 1388		
33	Thủy Châu Tờ, Hồ Sỹ Thắng, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp MnO ₂ có cấu trúc nano bằng phương pháp thủy nhiệt, <i>Tạp chí Hóa học</i> , 54 (5e1,2), tr. 22-26, (2016).	0866 – 7144		
34	Phạm Đình Dũ , Isotherms, thermodynamics and kinetics of rhodamine B dye adsorption on natural diatomite, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 6 (31), tr. 33-40, (2016).	1859 – 4433		
35	Phạm Đình Dũ , Hồ Sỹ Thắng, Tính chất hóa lý của mangan oxide có cấu trúc nano được điều chế bằng phương pháp thủy nhiệt, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam</i> , T6. (N°1), tr. 32-36, (2017).	0866 – 7411		
36	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Tổng hợp composite mangan oxide/diatomite và ứng dụng hấp phụ ion Pb(II) trong dung dịch nước, <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam</i> , T6. (N°2), tr. 125-130, (2017).	0866 – 7411		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sân phẩm của đề	Ghi chú
----	---	--------------	-----------------	---------

			<i>tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	
1	Phạm Đình Dũ , Đinh Quang Khiêu, Tran Thai Hoa, Synthesis of organosilane functionalized MCM-41 materials and its dyes adsorption, The 3 rd International Workshop on Nanotechnology and Application (IWNA 2011), 10 th -12 th November 2011, Vung Tau, Vietnam, pp. 645-649.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Phạm Đình Dũ , Ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt hoặc axit đến tính chất và khả năng hấp phụ Pb(II) của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo Giảng dạy và nghiên cứu Hóa học</i> , 9/2014, Trường Đại học Phú Yên.			
2	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Khảo sát một số đặc trưng và tính chất hóa lý của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo khoa học lần 3</i> , 20/12/2014, Khoa Công nghệ Hóa học, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM.			
3	Phạm Đình Dũ , Nguyễn Trung Hiếu, Đoàn Thị Diễm Trang, Nguyễn Đặng Thủy Tiên, Lý Ngọc Tâm, Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ Lâm Đồng trong quá trình Fenton dị thể để phân hủy xanh metylen, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
4	Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Đình Dũ , Đặng Bảo Toàn, Phan Tuấn Hào, Phan Thị Tuyết Trinh, Nghiên cứu tổng hợp vật liệu silica cấu trúc mao quản trung bình từ diatomite Phú Yên, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
5	Phạm Đình Dũ , Chu Thị Minh Hào, Trần Thị Kim Dung, Đoàn Thị Thúy Quyên, Trương Đình Thuận, Biến tính diatomite bằng oxit mangan: Điều chế và đặc trưng, <i>Hội thảo Khoa học "Hóa học vì sự phát triển bền vững"</i> , 15/5/2015, Trường ĐH Thủ Dầu Một.			
6	Phạm Đình Dũ , Nghiên cứu tính chất hấp phụ của bùn đỏ Lâm Đồng, <i>Hội thảo Khoa học "Các nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong Hóa học"</i> , 20/5/2016, Trường ĐH Đồng Nai.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
1			
2			

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh
1			
2			

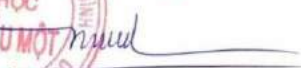
3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
1			
2			

Bình Dương, ngày 3 tháng 8 năm 2017

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai



 TS. Trần Văn Trung

Phạm Đình Dũ

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Thị Lợi
2. **Giới tính:** Nữ
3. **Ngày sinh:** 03/04/1988
4. **Nơi sinh:** Thừa Thiên Huế
5. **Nguyên quán:** Thừa Thiên Huế
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa khoa học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ.....

Năm đạt học vị: 2013

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Giáo sư Năm

Năm công nhận: Nơi công nhận:

công nhận: Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa khoa học Tự Nhiên, trường ĐH Thủ Dầu Một	174/12 phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một
2	Điện thoại/ fax	06503844028	0935293698
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	nguyenthiloi.hoak30@gmail.

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh văn B1		✓			✓			✓			✓	
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
04/20013 đến nay	Bộ môn Hoá Phân Tích, Khoa Hóa, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2006-2010	Đại học Huế	Hóa phân tích	“Xác định chì trong mẫu trầm tích bằng phương pháp von ampe hòa tan”
Thạc sĩ	2011 - 2013	Thạc sĩ	Hóa phân tích	« Nghiên cứu xác định Chì bằng phương pháp von-ampe hòa tan hấp phụ với phối tử tạo phức 2 – mercaptobenzothiazole »

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên luận án tốt nghiệp
Chứng chỉ	10/2017	ĐH Thủ Dầu Một	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học và cao đẳng

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: Hóa học

Chuyên ngành: Hóa Phân Tích

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Nghiên cứu phát triển các phương pháp phân tích điện hóa, quan trắc và đánh giá chất lượng nước

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng quy trình phân tích và áp dụng để đánh giá dư lượng nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một	2014	56,371	Tham gia	7/2016	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giã</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>T</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi Chú</i>
1	Lê Thị Huỳnh Như, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Thị Lợi (2016), Xác định một số nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một, <i>Tạp chí đại học Thủ Dầu Một</i> , số 3, Tr. 8-13.	ISSN 1859-4433		

2	Nguyễn Thị Lợi, XÁC ĐỊNH CADIMI TRONG MẪU RẮN MÔI TRƯỜNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP VONAMPE HÒA TAN , <i>Tạp chí đại học Thủ Dầu Một</i> , số 2, Tr 43-49	ISSN 1859-4433		
---	---	-------------------	--	--

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Hải Phong, Nguyễn Thị Lợi, A study on the complex of Pb(II)- 2MBT by stripping voltammetry, The 3rdanalytica Vietnam Conference 2013, ngày 17/04/2013, Phòng Hội nghị Tầng 2 Trung tâm Hội chợ - Triển lãm Sài Gòn			Đồng tác giả

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lợi, XÁC ĐỊNH CADIMI TRONG MẪU RẮN MÔI TRƯỜNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP VONAMPE HÒA TAN , <i>Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 1</i> , tháng 5/2015			
2	Nguyễn Thị Lợi, NGHIÊN CỨU PHỨC PB(II) – 2MBT BẰNG PHƯƠNG PHÁP VON-AMPE HÒA TAN, <i>Hóa học – nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng</i> , tháng 4/2014			

	Nguyễn Thị Lợi, Lê Quốc Anh, Nguyễn Thị Kim Huyền Đặng Thị Thủy Dung, Lê Trúc Hòa, NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH TINH CHẾ VÀ BIẾN TÍNH BENTONITE BÌNH THUẬN ĐỂ TẠO VẬT LIỆU CÓ KHẢ NĂNG HẤP PHỤ THUỐC NHUỘM, <i>Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 2, tháng 5/2016</i>			
	Nguyễn Thị Lợi, Bùi Thanh Nờ, Lâm Thị Nhung, Phạm Thị Kiều Ngọc, Nguyễn Thị Trúc Mai PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HÀM LƯỢNG SẮT VÀ MANGAN TRONG NƯỚC NGẦM TẠI KHU VỰC TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG, <i>Hóa học vì sự phát bền vững lần thứ 3, tháng 5/2017</i>			
	Nguyễn Thị Lợi, Nguyễn Thị Kim Huyền, Phạm Thị Vân, Trương Hoài My, Phạm Hồng Ngọc, Lê Ngọc Thùy, NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH PHOSPHAT TRONG NƯỚC MẶT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TRẮC QUANG			
	Nguyễn Thị Lợi, KHẢO SÁT HIỆU QUẢ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẠI XÍ NGHIỆP NƯỚC THẢI THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG. KỶ YẾU “Ngày Hội khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và học viên Cao học lần 2 năm 2018” ngày 15/6/2018, ĐH Thủ Dầu Một.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>T</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>T</i>	<i>Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Bình Dương, ngày... tháng... năm 20..

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. KHOA HỌC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THỦ DẦU MỘT
* TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 07/08/1979

4. **Nơi sinh:** Quảng Nam

5. **Nguyên quán:** Quảng Nam

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Tiến sĩ

Năm đạt học vị: 2016

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Số 6, Trần Văn Ôn, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương.	21D2, Khu dân cư Hiệp Thành 1, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0908 237 413
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	tramntb@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Độc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1													
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 01/2006 đến 2009		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học				
Thạc sỹ				
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
----------------------------	------------------	--------------------	-------------------------

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực:
- Chuyên ngành:

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**1. Đề tài/ dự án:**

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				



2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Trần Ngọc Hùng

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 20/02/1984

4. **Nơi sinh:** Đồng Nai

5. **Nguyên quán:** Ninh Bình

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Sinh học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học Tự nhiên, ĐH Thủ Dầu Một, số 6, Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một	
2	Điện thoại/ fax		0918 537023
3	Email		hungtngoc@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh			X			X			X	X		

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2006 đến 2011	Công ty TNHH Gia Tường, tỉnh Bình Dương	Nhân viên PTN
Từ 2011 đến nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2002 – 2006	ĐH KHTN TP. HCM	Hóa sinh	Nghiên cứu các điều kiện tối ưu hóa sản xuất α -amylase bằng <i>Bacillus subtilis</i> được phân lập từ một số chế phẩm sinh học
Thạc sỹ	2007 – 2010	ĐH KHTN TP. HCM	Hóa sinh	Nghiên cứu tạo chế phẩm protease từ <i>Bacillus subtilis</i> để sử dụng trong chế biến thức ăn gia cầm

15. Các khóa đào tạo khác:

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Triết học sau đại học	07/2008 – 09/2008	ĐH Khoa học Tự nhiên Tp. HCM	Triết học sau đại học
Anh văn sau đại học (tương đương C)	06/2008 – 08/2008	ĐH Khoa học Tự nhiên Tp. HCM	Anh văn sau đại học (tương đương C)
Lý luận dạy đại học	08/2009 – 09/2009	ĐH Khoa học Xã Hội và Nhân Văn	Lý luận dạy đại học
Kỹ thuật viên PTN Hóa sinh	08/2011	Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo Sắc ký Hải Đăng	Kỹ thuật viên PTN Hóa sinh
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên	09 - 12/2017	Trường đại học Thủ Dầu Một	Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên

Bồi dưỡng giảng viên hạng II	10 12/2017	–	Trường đại học sư phạm TP. HCM	Bồi dưỡng giảng viên hạng II
------------------------------------	---------------	---	--------------------------------------	------------------------------

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Sinh học
- Chuyên ngành: Hóa sinh

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Làm giàu và thu nhận sinh khối Vi sinh vật hữu ích
2. Nghiên cứu sản xuất các chế phẩm enzyme hỗ trợ tiêu hóa cho vật nuôi
3. Khả năng đối kháng của các vi sinh vật có ích với nấm bệnh thực vật
4. Thu nhận các hợp chất có hoạt tính sinh học từ cây thông dò.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Sử dụng các chủng nấm <i>Trichoderma</i> xử lý phân chuồng và rác thải phục vụ sản xuất thanh long an toàn	Cấp tỉnh	2011 - 2013	860	Tham gia	12/2011	Tốt
2	Nghiên cứu tạo chế phẩm từ một số chủng <i>Trichoderma</i> nhằm kiểm soát bệnh than thư do <i>Colletotrichum</i> gây ra trên cây ớt	Cấp trường	2013 - 2014	49	Chủ nhiệm	12/2014	Tốt
3	Nghiên cứu tạo chế phẩm đậm hòa tan từ trùn quế (<i>Perionyx excavatus</i>)	Cấp trường	2016 - 2017	55	Chủ nhiệm	12/2017	Khá

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Trần Ngọc Hùng, Trương Minh Tường, Nghiên cứu khả năng phòng trị một số nấm bệnh trên Thanh Long bằng <i>Trichoderma</i> , Tạp chí Khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 4 (6) 2012	1859 - 4433	Khóa luận tốt nghiệp ĐH	
2	Trần Ngọc Hùng, Lê Phi Nga, Nghiên cứu tạo chế phẩm protease từ <i>Bacillus subtilis</i> để sử dụng trong chế biến thức ăn cho gia cầm, Tạp chí Khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 3, 2013	1859 - 4433	Luận văn thạc sĩ	

3	Trần Ngọc Hùng, Phan Trọng Nhân, Hoàng Thị Xuân, Ngô Thị Lành, Nguyễn Thị Minh Thanh, <i>Sàng lọc một số chủng Trichoderma sp. đối kháng với Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên cây ớt tại Bình Dương</i> , Tạp chí Khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 1, 2014	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
4	Trần Ngọc Hùng, Phan Trọng Nhân, <i>Khảo sát một số điều kiện nhằm nâng cao khả năng tự phân của trùn quế Perionyx excavatus để bổ sung vào thức ăn cho gà thả vàng thả vườn</i> , Tạp chí Khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 5, 2014	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
5	Trần Ngọc Hùng, Trần Thị Ngọc Như, Trần thị Ngọc Loan, <i>Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng bóc vỏ của tiêu đen</i> . Tạp chí khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 6 (25), 2015.	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
6	Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Trường Nam, Vũ Thị Linh, Lê Văn Tài, Huỳnh Thị Kim Trang, Nguyễn Thanh Trúc, <i>Nghiên cứu bổ sung protease từ Bacillus subtilis vào quá trình tự phân trùn quế (Perionyx excavatus) để nâng cao hiệu quả thu nhận đạm hòa tan</i> . Tạp chí khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 2 (27), 2016.	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
7	Nguyễn Minh Hiếu, Mai thị Ngọc Lan Thanh, Trần Ngọc Hùng, <i>Đánh giá khả năng phân hủy hệ sợi của lục bình Eichhornia crassipes bằng chủng nấm Trichoderma sp.</i> , Tạp chí khoa học ĐH Thủ Dầu Một, Số 2 (27), 2016.	1859 - 4433	Khóa luận tốt nghiệp	
8	Trần Ngọc Hùng, Lê Thành Đạt, Lê Văn Thường, Nguyễn Trần Ái Nhung, Trương Thị Hường, Lư Thị Thu Thảo, <i>Nghiên cứu khả năng đối kháng của nấm Trichoderma với Phytophthora gây bệnh tiêu chết nhanh</i> . Tạp chí Khoa học ĐH Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương. Số 13, năm 2016.	8066 - 7802	Đề tài SV NCKH	
9	Nguyễn Thị Nhật Hằng, Mai thị Ngọc Lan Thanh, Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn thị Hồng Mai, <i>Eco-friendly synthesis of water-dispersible gold nanoparticles using Averrhoa carambola L.</i> Tạp chí Khoa học và công nghệ, Vol 54 – 2A, 2016	0866 – 708X	Đề tài cơ sở	

10	Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Liên Thương, <i>Nghiên cứu tạo chế phẩm từ Trichoderma kiểm soát bệnh thán thư do Colletotrichum spp. gây ra trên cây ớt (Capsicum frutescens)</i> . Tạp chí Đại học Cần Thơ, Số 45B, 2016	1859 - 2333	Đề tài cơ sở	
11	Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng, Mai thị Ngọc Lan Thanh, Trần Thị Ngọc Như, <i>Nghiên cứu thu nhận pectinase từ Aspergillus niger nuôi cấy trên môi trường bán rắn chứa cùi bưởi để nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu</i> . Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 30, 2016.	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
12	<i>Production of protease-rich digestive enzymes from Bacillus on a pilot and evaluate for effects on Ri Chickend breed</i> . Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 223, tháng 8/2017, tr. 43 – 46.		Đề tài cơ sở	
13	<i>Sản xuất dịch đậm thủy phân từ trùn quế Perionyx excavatus và thử nghiệm trên gà Tàu vàng thả vườn</i> . Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 225, tháng 10/2017, tr. 77 – 82.		Đề tài cơ sở	
14	<i>Thử nghiệm sản xuất chế phẩm men tiêu hóa giàu protease bền nhiệt từ Bacillus subtilis Ba 79</i> . Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 227, tháng 12/2017, tr. 47 – 52.		Đề tài cơ sở	
15	<i>Nghiên cứu nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu đen (Pepper nigrum L.)</i> . Tạp chí phát triển KH và CN Số 5, 2017, tr. 50 – 57.		Đề tài cơ sở	
16	<i>Phân lập và thử nghiệm khả năng xử lý nitrit trong nước rỉ rác của vi khuẩn Nitrobacter sp.</i> , Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 34, 2017, tr. 55 – 61.	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
17	<i>Tinh sạch sơ bộ enzyme amylase từ canh trường nuôi cấy bán rắn chủng Bacillus subtilis và thủy phân một số loại tinh bột</i> , Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 36, 2018.	1859 - 4433	Đề tài SV NCKH	
18	Bài báo tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một: <i>Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng bào tử Trichoderma hazianum NAD101 trong phòng trị bệnh nấm hồng do nấm Corticum salmonicolor trên cây cao su (Heavea brasinensis)</i> , Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 36, 2018.	1859 - 4433	Đề tài cơ sở	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Hội nghị KH quốc tế IFGTM 2016: Eco-friendly synthesis of water-dispersible gold nanoparticles using <i>Averrhoa carambola</i> L. Vol 54 – 2A, 2016		Đề tài cơ sở	

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Trần Ngọc Hùng, Phạm thị Ánh Hồng, Nguyễn Như Nhứt, Hội nghị Khoa học trường ĐH KHTN 2006: Nghiên cứu các điều kiện để tối ưu hóa sản xuất α -amylase bằng <i>Bacillus subtilis</i> được phân lập từ một số chế phẩm sinh học.		Khóa luận tốt nghiệp ĐH	
2	Tiêu thị Ngọc Thảo, Trần Ngọc Hùng, Trương Phước Thiên Hoàng, Hội nghị Khoa học trường ĐH KHTN 2008: Nghiên cứu thu nhận protease từ canh trường nuôi cấy <i>Bacillus subtilis</i> và ứng dụng trong thủy phân protein trùn quế.		Khóa luận tốt nghiệp ĐH	
3	Trần Ngọc Hùng, Lê Phi Nga, Hội nghị Công nghệ Enzyme trong nông nghiệp, ĐH Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh: Tạo chế phẩm protease từ vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> để sử dụng trong chế biến thức ăn gia cầm.		Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ	
4	Trương Minh Tường, Trần Ngọc Hùng, Diễn đàn Khuyến Nông @ Nông Nghiệp lần thứ 14/2011: Nghiên cứu kiểm soát nấm bệnh thối trái và thối dây thanh long tại Chợ Gạo (Tiền Giang) bằng <i>Trichoderma</i> .		Khóa luận tốt nghiệp ĐH	
5	Trần Ngọc Hùng, Hội nghị Khoa học trường ĐH KHTN 2014: Nghiên cứu tạo chế phẩm từ <i>Trichoderma</i> kiểm soát bệnh thán thư do <i>Colletotrichum</i> spp. gây ra trên cây ớt (<i>Capsicum frutescens</i>).		Đề tài cơ sở	
6	Nguyễn Anh Dũng, Mai thị Ngọc Lan Thanh, Trần Ngọc Hùng, Hội nghị khoa học cấp Quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, tháng 05/2016: Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng bào tử		Đề tài cơ sở	

	<i>Trichoderma hazianum</i> NAD101 trong phòng trị bệnh nấm hồng do nấm <i>Corticium salmonicolor</i> trên cây cao su (<i>Heavea brasinensis</i>).			
7	<i>Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng, Mai thị Ngọc Lan Thanh, Trần thị Ngọc Như</i> , Hội nghị toàn quốc Sinh viên và Cán bộ trẻ nghiên cứu Khoa học, Trường ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh: Nghiên cứu thu nhận pectinase từ <i>Aspergillus</i> nuôi cấy trên môi trường bán rắn chứa củi buri để nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.)		Khóa luận tốt nghiệp	
8	<i>Trần Ngọc Hùng</i> , Hội nghị Khoa học Trường đại học KHTN Tp. HCM lần thứ X 2016: Nghiên cứu nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu đen.			
9	<i>Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng</i> , Hội nghị Công nghệ Sinh học và Sinh học Ứng dụng Đông Nam Bộ lần thứ I: Nghiên cứu khả năng kiểm soát sinh học của một số chủng <i>Trichoderma koningii</i> với <i>Scyrtalidium</i> sp. gây bệnh đốm nâu trên cành thanh long.		Đề tài SV NCKH	
10	<i>Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Anh Dũng</i> , Hội nghị Công nghệ Sinh học và Sinh học Ứng dụng Đông Nam Bộ lần thứ I: Vai trò của vi sinh vật trong quá trình xử lý nước thải đô thị			
11	<i>Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Trường Nam</i> , Hội nghị Công nghệ Sinh học và Sinh học Ứng dụng Đông Nam Bộ lần thứ I: Tận dụng phế liệu của quy trình chế biến cà phê theo phương pháp urot để nuôi cấy một số chủng vi sinh thu nhận enzyme pectinase.		Khóa luận tốt nghiệp	
12	<i>Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Quỳnh Như, Nguyễn Thị Thanh Hiền, Lê Thị Tuyết Mai</i> , Hội nghị nghiên cứu khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và học viên cao học trường Đại học Thủ Dầu Một, lần thứ I 2017: Sàng lọc và đánh giá khả năng sinh phytase của <i>Bacillus</i> sp. trên môi trường bán rắn.		Đề tài SV NCKH	
13	<i>Trần Ngọc Hùng, Hồ Thị Oanh</i> , Hội nghị nghiên cứu khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và học viên cao học trường Đại học Thủ Dầu Một, lần thứ I 2017: Đánh giá một số chỉ tiêu trong quá trình ủ hoai vò cà phê bằng chế phẩm E.M sản xuất tại trường Đại học Thủ Dầu Một và thử nghiệm trồng rau hữu cơ.		Đề tài SV NCKH	
14	Hội nghị các nhà KH trẻ toàn quốc trong lĩnh vực KHTN và CN lần thứ 4: <i>Evaluating the humic acid</i>		Khóa luận tốt nghiệp	



	<i>content in the process of composting coffee husks by E.M product and supply for the coffee plant.</i> Kỷ yếu hội nghị.			
15	Hội nghị KH quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam 2018: <i>Khảo sát khả năng sử dụng Trichoderma sp. để kiểm soát nấm Scytalidium sp. gây bệnh đốm nâu trên cây thanh long.</i> Kỷ yếu hội nghị, tr. 936 – 943.		Đề tài SV NCKH	
16	Hội nghị KH quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam 2018: <i>Tinh sạch sơ bộ enzyme amylase từ canh trường nuôi cấy bán rắn chủng Bacillus subtilis và thủy phân một số loại tinh bột.</i> Kỷ yếu hội nghị, tr. 1187 – 1195.		Đề tài SV NCKH	
17	Hội nghị nghiên cứu khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và học viên cao học trường Đại học Thủ Dầu Một, lần thứ II 2018: <i>Thử nghiệm tạo chế phẩm tan huyết khối từ vi khuẩn Bacillus sp. nhằm hỗ trợ kiểm soát bệnh đột quỵ.</i> Kỷ yếu hội nghị		Đề tài SV NCKH	
18	Hội nghị sinh viên NCKH trường đại học Thủ Dầu Một 2018, <i>Sàng lọc và đánh giá khả năng làm tan huyết khối của một số chủng Bacillus subtilis.</i> Kỷ yếu hội nghị.		Đề tài SV NCKH	

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1	Giải thưởng cán bộ trẻ có thành tích NCKH tiêu biểu 2016 - 2018		Trường Đại học Thủ Dầu Một	2018

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai
 (Họ tên và chữ ký)

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH

2. Giới tính: NAM

3. Ngày sinh: 01-04-1975

4. Nơi sinh: TP. HỒ CHÍ MINH

5. Nguyên quán: TP. HỒ CHÍ MINH

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Công nghệ cao trong Nông Nghiệp

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

7. Học vị cao nhất: TIẾN SĨ

Năm đạt học vị: 2009

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

X

Năm công nhận: 2016

Nơi công nhận: Hội Đồng Chức
danh GS nhà nước- Việt Nam

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu: PGS- Giảng viên

10. Chức vụ hiện tại: trưởng khoa Công nghệ sinh học Đại học Thủ Dầu Một, chủ tịch hội đồng khoa

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP.TDM, Bình Dương	8/3 đường số 10 F.16, Quận Gò Vấp Tp.HCM
2	Điện thoại/ fax		0902.95.38.39
3	Email		binhnckh@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	X			X			X			X		
2	Tiếng Nhật		X			X			X			X	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
1998 - 2003	Khoa Chăn nuôi Thú y – ĐH Nông Lâm TP.HCM	Giảng viên
2003 - 2004	Thực tập sinh tại Viện Sinh học Riken – Nhật Bản	
2003 - 2009	Sinh viên Cao học và Nghiên cứu sinh Trường Đại học Kobe, Nhật Bản	
T1/2009-T3/2009	Học chuyên môn tại Bệnh viện điều trị hiếm muộn Namba - IVF Clinic Osaka – Nhật Bản	
2009 – 2014	Giảng viên Đại học Nông Lâm Tp.HCM	
2014- 2016	Khoa Tài nguyên Môi trường – Đại học Thủ Dầu Một	- Chủ tịch Hội đồng khoa Tài Nguyên Môi trường trường Đại học Thủ Dầu Một - Trưởng Bộ môn sinh học, Khoa Tài Nguyên Môi Trường Đại học Thủ Dầu Một - Trưởng khoa Tài nguyên Môi Trường Đại học Thủ Dầu Một
2016- nay	Khoa Công nghệ sinh học- Đại học Thủ Dầu Một	Trưởng Khoa Chủ tịch Hội đồng Khoa học Đào tạo Khoa CNSH

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1994-1998	ĐH Nông Lâm TP.HCM	Thú Y	
Thạc sỹ	2003-2006	Đại học Kobe, Nhật Bản	CN Sinh học động vật	
Tiến sỹ	2006-2009	Đại học Kobe, Nhật Bản	CN Sinh học động vật	Development of oocytes fertilized by intracytoplasmic injection (ICSI) with liquid-preserved spermatozoa

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Giáo dục đại học	2001	Trường Quản lý cán bộ- giáo dục	Chứng chỉ Giáo dục Đại học
Chứng chỉ Bồi dưỡng sau Đại học	2000	Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Chứng chỉ bồi dưỡng SDH
Chứng chỉ Xây dựng chương trình CDIO	2012	Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Chứng chỉ Xây dựng chương trình CDIO
Chứng chỉ Huấn luyện năng lực sinh học tái tạo	2015	CHLB Đức	Chứng chỉ Huấn luyện năng lực sinh học tái tạo
Chứng chỉ chương trình đào tạo theo chuẩn AUN	2015	Đại học Quốc gia TP.HCM	Chứng chỉ chương trình đào tạo theo chuẩn AUN

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Sinh học động vật- sinh học ứng dụng
- Chuyên ngành: Di truyền và chọn giống động vật – chăn nuôi

16.2 Hướng nghiên cứu:

- Ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ trong việc tạo phôi trên động vật thí nghiệm, heo, bò, chó trong phòng thí nghiệm (IVF) để cải tiến quy trình tạo phôi, nhằm tăng cường công tác

giống động vật, ứng dụng sản xuất thực tiễn, góp phần chuyển đổi cơ cấu giống và vật nuôi nông nghiệp.

- Ứng dụng các kích thích tố sinh dục tác động đến gia súc, thú hoang dã trong việc theo dõi các chỉ tiêu sinh học và nâng cao khả năng sinh sản cho thú hoang dã: heo rừng, chồn hương, dúi mốc lớn, góp phần cải thiện tăng đàn nhanh, ổn định giống và khai thác triệt để trong điều kiện bán hoang dã, nuôi nhốt.

- Ứng dụng các kỹ thuật trong công nghệ sinh sản để tạo tế bào và chuyển nhân tế bào trong việc nghiên cứu và sản xuất tế bào gốc.

- Nghiên cứu các đặc điểm sinh học, khả năng thích nghi trên thú hoang dã: chồn hương, heo rừng, dúi mốc lớn, không cát trong điều kiện nuôi nhốt trên cơ sở tác động các kỹ thuật sinh học, đề xuất quy trình chăn nuôi thú hoang dã trong điều kiện nuôi nhốt.

- Nghiên cứu các hợp chất sinh học ly trích từ thực vật, hỗ trợ công tác điều trị bệnh thủy sản, góp phần phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng sản phẩm nông nghiệp và môi trường chăn nuôi nông nghiệp.

- Nghiên cứu các chế phẩm sinh học bổ sung vào thức ăn gia súc, cải thiện môi trường trong chăn nuôi gia súc, nâng cao hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp trên cơ sở tác động công nghệ sinh học.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng mô hình nuôi chồn hương (cây vòi hương – <i>Paradoxurus hermaphrodites</i>) sinh thái tại xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	Tỉnh	2013-2015	Ba tỷ sáu đồng	Chủ nhiệm- đề tài Sở KHCN Đồng Nai	11/6 /2015	khá
2	Khả năng phát triển phôi và quy trình thu nhận phôi sau khi thụ tinh trong ống nghiệm trên chuột nhắt (<i>Mus musculus</i>) Việt Nam	Trường	3/2012-3/2013	20 (hai mươi triệu)	Chủ nhiệm- Đề tài cấp	4/20 13	khá

					trường ĐH Nông lâm		
3	Xây dựng mô hình nuôi nhốt và sản xuất dúi mốc lớn (<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851) bán công nghiệp tại trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai	Tỉnh	2013-2015	4.402.100 (bốn tỷ bốn không hai một trăm triệu)	Chủ nhiệm-đề tài Sở KHCN Đồng Nai	10/12/2015	khá
4	Xây dựng quy trình nuôi heo rừng (<i>Sus scrofa Linnaeus</i> , 1758) theo mô hình nuôi nhốt cải tiến tại xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và khảo sát bổ sung các chế phẩm sinh học vào thức ăn đến một số chỉ tiêu sinh trưởng trên heo rừng	Tỉnh	2013-2015	3 tỷ bảy trăm triệu đồng	Chủ nhiệm-đề tài Sở KHCN Đồng Nai		khá
5	Tình hình nhiễm vi sinh vật trên quầy thịt tại các lò giết mổ Tỉnh Bình Dương và đề xuất phương án khắc phục	Trường	2013	40 triệu	Chủ Nhiệm đề tài cơ sở		khá
6	ẢNH HƯỞNG CỦA HỢP CHẤT LY TRÍCH TỪ CÂY NEEM SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH THỦY SẢN ĐẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC AO NUÔI	Trường	2015-2016	120 triệu	Chủ nhiệm đề tài cấp trường ĐH Thủ Dầu Một		Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Lâm Thị Ngọc Thanh	Characterization of porcine oocytes derived from small and middle follicle and	2011	Thạc sỹ	Chính	

		classified by cresyl blue assay				
2	Ngô Thị Mai Hương	Khảo sát khả năng phát triển trứng và sự tạo thành phôi chỏ trong điều kiện phòng thí nghiệm	2011	Thạc sỹ	Chính	
3	Nguyễn Đắc Thành	Ảnh hưởng của thời gian nuôi chín noãn đến nồng độ GSH trong noãn và khả năng thu nhận phôi heo thụ tinh trong ống nghiệm	2013	Thạc sỹ	Chính	
4	Dương Huỳnh Minh Đạt	Quy trình tạo phôi bò trong ống nghiệm và ảnh hưởng của các chất bảo vệ phôi trong phương pháp đông lạnh thủy tinh hóa	2013	Thạc sỹ	Chính	
5	Trần Nguyên Bình	Sử dụng và đánh giá tinh heo	2015	Thạc sỹ	Chính	
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và hàm lượng kích dục tố trên chồn hương nuôi nhốt	2016-2019	Tiến sỹ	Chính	Chưa bảo vệ

3. Các môn học giảng dạy

Đại học: Mô phôi, Công nghệ tế bào động vật ứng dụng (tế bào gốc và dòng hóa), CNSH ứng dụng trong chăn nuôi, công nghệ chuyển cấy mô phôi động vật, Phương pháp luận NCKH, Công nghệ sinh sản, Anh văn chuyên ngành

Đại học tiên tiến, chất lượng cao: Cell biology

Cao học: Sinh học tế bào, Mô phôi và dòng hóa tế bào động vật, CNSH ứng dụng trong chăn nuôi, Phương pháp luận NCKH.

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Sinh học phôi và công nghệ cấy phôi.	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, năm 2010	2010	Đồng chủ biên		
2	Thụ tinh trong ống nghiệm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2011	2011	Đồng chủ biên		
3	Công nghệ tế bào động vật ứng dụng	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, năm 2014	2015	Chủ biên		

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	BINH Nguyen-Thanh , Nguyen van THUAN and Masashi MIYAKE. GSH concentration of in	ISI	3.174	

	<i>in vitro</i> matured pig oocytes and its relation to the fertilization rate after ICSI. The 98 th Annual Conferences of The Japanese Society of Animal Reproduction, Shizuoka Japan, Sep, J. Reprod. Fert., 51(Suppl): j55, 2005			
2	Nguyen Thanh Binh , Hiroshi Harayama and Masashi Miyake. <i>In Vitro</i> Development of Oocytes after Intra-cytoplasmic sperm Injection (ICSI) of Preserved Spermatozoa in the Pig. The 3 rd Annual Conferences of Asia Reproductive Biology Society, Ha Noi Viet Nam, 2006, Proceedings, pp142			
3	Nguyen Thanh Binh , Hiroshi Harayama and Masashi Miyake. Effects of liquid preservation of boar spermatozoa on the conditions of sperm head region and preimplantation development of the oocyte after ICSI. The 133 rd annual meeting of Kansai branch of the Japanese Society for Reproductive Medicine, Osaka Japan, 2008 (Mar). J. Jpn. Soc. Reprod. Med., 54(1, 2): 44-45, 2008a.	ISI	3.174	
4	Nguyen Thanh Binh , Hiroshi Harayama and Masashi Miyake. Effects of preserved spermatozoa on maintenance phospholipase C ζ (PLC ζ) in boar spermatozoa and their activation after Intra-cytoplasmic sperm Injection (ICSI). The 109 th Annual Conferences of Japanese Society of Animal Science. Ibaraki Japan, Proceedings pp119, 2008b			
5	Nguyen Thanh Binh , Hiroshi Harayama and Masashi Miyake. <i>In vitro</i> production of pig embryos by ICSI using liquid-preserved spermatozoa. The 4 th VietNameese Japanese Students Scientific Exchange Conference (VJSE), Kyoto University, Japan, 2008c (Nov), Proceedings, pp55			
6	Nguyen Thanh Binh , Hiroshi Harayama and Masashi Miyake. <i>In vitro</i> production of pig embryos by ICSI using liquid-preserved spermatozoa. Conferences of The Asian-Australia Association of Animal Production Societies (AAAP), Ha Noi Viet Nam, 2008d			

7	Nguyen Thanh Binh , Nguyen Van Thuan and Masashi Miyake 2009a. Effects of liquid preservation of sperm on their ability to activate oocytes and initiate preimplantational development after injection in the pig. Theriogenology 71 1440-1450	ISI	3.174	
8	Nguyen Van Thanh and Nguyen Thanh Binh . Effects of hormone therapeutics on ability of treatment of reproductive confusion in failure reproduction dairy cows at Binh Duong province, Viet Nam. Asian Reproductive Biotechnology Society. Center for Developmental Biology, Kobe Japan & The Royal University of Agriculture, Phnom Penh, Cambodia. 2009b, proceeding, pp62			
9	Kei Miyamoto, Kouhei Nagai, Naoya Kitamura, Tomoaki Nishikawa, Haruka Ikegami, Nguyen T. Binh , Satoshi Tsukamoto and Hiroshi Imai. Identification and characterization of an oocyte factor required for development of porcine nuclear transfer embryos. Cell Biology. 2011	PNAS, Proceedings of the National Academy of Sciences. CELL BIOLOGY,	ISSN 2250-1746 (ISI: Current impact factor 9.674)	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Bình và Masashi Miyake. Nồng độ GSH trong nuôi cấy tế bào trứng (IVM) và ảnh hưởng của GSH đến sự hình thành nhân và sự phát triển sớm của phôi heo sau khi tiêm tinh trùng vào bào tương trứng (ICSI). Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc lần thứ II. P.25. 2011.	
2	Ngô Thị Mai Hương, Trần Thanh Tiếng, Phan Kim Ngọc, Nguyễn Thanh Bình , Trần Thị Dân. Nuôi Thành Thục và Thụ tinh thành công trứng chó bằng phương pháp nuôi cấy hai bước. Hội nghị công nghệ	

	sinh học toàn quốc lần thứ II. P.29. 2011	
3	Trần Cẩm Tú, Nguyễn Thị Thu Giang, Lê Thành Long, Lê Phúc Chiến, Trần Thị Minh, Phan Kim Ngọc, Nguyễn Thanh Bình . Nuôi cấy và nghiên cứu khả năng tạo chuột khảm của tế bào gốc phôi chuột dòng C57BL/6. Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc lần thứ II. P.37. 2011.	
4	Nguyễn Thanh Bình và Trần Thị Cẩm Tú. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng phát triển phôi sau khi thụ tinh trên ống nghiệm của chuột nhắt (<i>Mus musculus</i>). Hội nghị Khoa học Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM - Lần VIII - Năm 2011	
5	Ngô Thị Mai Hương, Trần Thanh Tiêng, Phan Kim Ngọc, Nguyễn Thanh Bình , Trần Thị Dân. Thời gian thụ tinh cho trứng chó được nuôi thành thực bằng phương pháp nuôi cấy 2 bước. Hội nghị Khoa học Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM - Lần VIII - Năm 2011	
6	Ngô Thị Mai Hương, Trần Thanh Tiêng, Nguyễn Thanh Bình , Trần Thị Dân, Phan Kim Ngọc. Nuôi Trồng thành trứng chó nhà. Tạp chí chăn nuôi 7[148], 2011. P34-40	
7	Ngô Thị Mai Hương, Trần Thanh Tiêng, Phan Kim Ngọc, Nguyễn Thanh Bình , Trần Thị Dân. Thời gian thụ tinh cho trứng chó được nuôi thành thực bằng phương pháp nuôi cấy 2 bước. Tạp chí Thú Y tập XIX số 4, 2012. P54-59	
8	Nguyễn Thanh Bình và Trần Thị Cẩm Tú. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng phát triển phôi sau khi thụ tinh trên ống nghiệm của chuột nhắt (<i>Mus musculus</i>). Tạp chí Thú Y tập XIX số 4, 2012. P54-59	
9	Nguyễn Thanh Bình và Nguyễn Thành Hưng. So sánh đặc điểm hình thái và kiểu nhân của nhông cát <i>Liolepis guttata</i> (Cuvier, 1892) và <i>L. guentherpetersi</i> ở ven biển Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Tạp chí Thú Y tập XIX số 8, 2012. P70	
8	Nguyễn Thanh Bình và Dương Huỳnh Minh Đạt. Cải tiến quy trình tạo phôi bò trong ống nghiệm và ảnh hưởng của các chất bảo vệ phôi trong phương pháp đông lạnh thủy tinh hóa đến sự phát triển của phôi. Hội nghị khoa học công nghệ sinh học toàn quốc 2013. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ. Quyển 1, 2013. P812-P. 816	

9	Nguyễn Thanh Bình. Nồng độ GSH trong tế bào trứng khi nuôi cấy và ảnh hưởng của chúng đến tỉ lệ thụ tinh bằng phương pháp ICSI. Hội nghị khoa học công nghệ sinh học toàn quốc 2013. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ. Quyển 1, 2013. P816-P. 820	
10	Nguyễn Thanh Bình. Glutathione concentration during oocytes maturation period and its relation to the potency of male-pronuclear formation and preimplantation development after intracytoplasmic sperm injection (ICSI) in pigs. Hội nghị bệnh heo Châu Á 4	
11	Nguyễn Thanh Bình. Ảnh hưởng của kích dục tố hCG và PMSG đến thành tích sinh sản trên chồn hương trong điều kiện nuôi nhốt (Tạp chí chăn nuôi Việt nam Số 8 – 2015)	
12	Nguyen Thanh Binh. Small scale landfill leachate treatment using photocatalytic oxidation process (Tạp chí Khoa học và Công nghệ- Viện Hàn Lâm Khoa học Công Nghệ Việt Nam – 2015)	
13	Nguyễn Thanh Bình. Một số bệnh thường gặp trên chồn hương trong điều kiện nuôi nhốt và biện pháp xử lý (Tạp chí thú y Việt nam Số 8 – 2015)	
14	Nguyễn Thanh Bình. Hiệu quả bổ sung cystein vào môi trường nuôi cấy tế bào trứng đến khả năng tạo phôi bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm trên heo (Tạp chí phát triển khoa học công nghệ Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh – 2015)	
15	Nguyễn Thanh Bình. Ảnh hưởng của bảo quản tinh trùng ở nhiệt độ 4°C và 26°C theo thời gian đến tỷ lệ sản xuất phôi heo trong phòng thí nghiệm (IVF) (Tạp chí chăn nuôi số 2.2016)	
16	Nguyễn Thanh Bình. Ảnh hưởng của kích dục tố hCG và PMSG đến một số thành tích sinh sản trên chồn hương (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>) trong điều kiện nuôi nhốt (Tạp chí thú y số 8 : 12.2015)	
17	Nguyễn Thanh Bình. Ảnh hưởng của kích dục tố hCG và PMSG đến một số thành tích sinh sản trên dúi mốc lớn (<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851) trong điều kiện nuôi nhốt (Tạp chí chăn nuôi số 2.2016)	
18	Nguyễn Thanh Bình và Phí Thị Thu Hiền. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC BỔ SUNG CHẾ PHẨM SINH HỌC VEM - K VÀO THỨC ĂN ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ THÀNH PHẦN THÂN THỊT CỦA HEO RỪNG NUÔI NHỐT TẠI CẨM MỸ, ĐỒNG NAI. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi. 2016	
19	Nguyễn Thanh Bình và Nguyễn Sỹ Duyên. ANH HƯỞNG CỦA VIỆC BỔ SUNG BEO LỤC BÌNH (EICHHORNIA CRASSIPES) ĐỂ THAY THẾ THỨC ĂN XANH ĐẾN SỰ TĂNG TRỌNG CỦA ĐÀ ĐIỀU GIAI ĐOẠN 0-3 VÀ 6-12 THÁNG TUỔI. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi. 2016	
20	Nguyen Thanh Binh and Nguyen Thi Khanh Tuyen. 2016. Survey of the effects of neem leaf extract on the water quality and phytoplankton community in fishpond of freshwater catfish in BinhDuong Province. Journal of Science and Technology, Viet Nam Academy of Science and Technology,. Vol 53, P329-335	

21	Nguyen Thi Lien Thuong, Nguyen Thanh Binh, Yoo Ik-Keun. 2016. Screening of peptide receptor sequence for amitrol detection using chromatographic biopanning. Journal of Science and Technology, Viet Nam Academy of Science and Technology, Vol. 54-2A, p6-14.	
22	Nguyễn Thanh Bình, Bùi Thị Thảo và Mai Văn Hoàng. 2017. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT CÀ SẤU XIÊM (<i>Crocodylus siamensis</i>). Tạp Chí KHKT Chăn nuôi.	
23	Nguyễn Thị Thu Hiền và Nguyễn Thanh Bình. 2016. ANH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ KHẨU PHẦN THỨC ĂN ĐẾN KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ CHÔN NGUYÊN LIỆU CỦA CÂY VỎI HƯƠNG TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT. Tạp chí KHCN – Đại học Thủ Dầu Một - Số (3) 2017	
24	Trần Ngọc Hùng và Nguyễn Thanh Bình. 2017. SẢN XUẤT DỊCH ĐẠM THỦY PHẦN TỬ TRÚN QUẾ <i>Perionyx excavatus</i> VÀ THỬ NGHIỆM TRÊN GÀ TÀU VÀNG THẢ VƯỜN. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi.	
25	Nguyen Thanh Binh and Masashi Miyake. 2017. EFFECTS OF SPERM PRESERVATION AT 40C AND 260C TO PRODUCTION PIG EMBRYOS IN VITRO FERTILISATION. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi.	
26	Trần Ngọc Hùng và Nguyễn Thanh Bình. 2017. THỬ NGHIỆM SẢN XUẤT CHẾ PHẨM MEN TIÊU HÓA GIÀU PROTEASE BỀN NHIỆT TỪ <i>Bacillus subtilis</i> Ba 79. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi	
27	Tran Ngoc Hung and Nguyen Thanh Binh. 2017. PRODUCTION OF PROTEASE-RICH DIGESTIVE ENZYMES FROM BACILLUS ON A PILOT AND EVALUATED FOR EFFECTS ON RI CHICKEN BREED. Tạp Chí KHKT Chăn nuôi	
28	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thanh Bình. 2017. Một số đặc điểm sinh trưởng của cây vối hương (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) trong điều kiện nuôi nhốt. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Tập 33, Số 1S (2017) 1-7	
29	Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Phuong Thao, Nguyen Thanh Binh. 2017. STUDY ON HEMATOLOGICAL PARAMETERS OF COMMON PALM CIVETS. (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> Pallas, 1777) IN CAPTIVITY. 15(3A): 71-76, 2017. Tạp chí Công nghệ Sinh học	
30	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thanh Bình. 2017. ĐÁNH GIÁ CAM QUAN SẢN PHẨM CÀ PHÊ ROBUSTA CHÔN CỬA TRƯỞNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT. Số 3(34)-2017. Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một.	
31	Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thanh Bình. 2017. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM SINH SẢN CỦA CÂY VỎI HƯƠNG (<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> PALLAS, 1777) TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT. HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 7. TIỂU BAN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO TỒN. P694-701	
32	Trần Thanh Hùng và Nguyễn Thanh Bình. 2017. Ảnh hưởng của tinh dầu chiết xuất từ cây cúc leo đến sự phát triển và tính ngăn ăn của sâu khoang. Số 3(34)-2017, P: 62-67. Tạp chí KHCN Đại Học Thủ Dầu Một	

33	Trần Ngọc Hùng và Nguyễn Thanh Bình. Production of protease-rich digestive enzymes from Bacillus on a pilot and evaluate for effects on Ri Chickend breed. Số 4(35), P: 73-79. . Tạp chí KHCVN Đại Học Thủ Dầu Một	
34	Nguyen Thanh Binh and M.Miyake. EFFECTS OF SPERM PRESERVATION AT 40C AND 260C TO PRODUCTION PIG EMBRYOS IN VITRO FERTILISATION. Journal of animal husbandry sciences and technics ISSN: 1859-476X No 223-Aug-2017	
35	Trần Ngọc Hùng và Nguyễn Thanh Bình. Experimental production of protease-rich digestive enzymes in heat-resistant from Bacillus subtilis Ba 79. Journal of animal husbandry sciences and technics ISSN: 1859-476X No 223- Aug-2017	
36	Nguyễn Thanh Bình và Nguyễn Sỹ Duyên. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT CÁ SÁU XIÊM (Crocodylus siamensis).Tạp chí KHKT Chăn nuôi 224 Tháng 9-2017- P44-P51	
37	Nguyen Thanh Binh and M.Miyake . ABILITY OF EMBRYOS- PRODUCT BY IVF AND ICSI-METHODS ON BREEDS PIG IN BINH DUONG PROVINCE – VIETNAM. Tạp chí KHKT Chăn nuôi- ISSN: 1859-476 số 225 tháng 10-2017 p-93-p99	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nuôi cấy và nghiên cứu khả năng tạo chuột khảm của tế bào gốc phôi chuột dòng C57BL/6 (Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc lần thứ II. Viện sinh học Việt Nam – 2011)			
2	Glutathione concentration during oocytes maturation period and its relation to the potency of male-pronuclear formation and preimplantation development after intracytoplasmic sperm injection in pigs (Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc - Viện sinh học Việt Nam – 2011)			
3	Thời gian thụ tinh cho trứng chó được nuôi thành thực bằng phương pháp nuôi cấy hai bước (Kỷ yếu HNKH Trường ĐH Nông Lâm Tp. HCM – 2011)			
4	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng phát triển phôi sau khi thụ tinh trong ống nghiệm (IVF)			

	trên chuột nhắt (<i>Mus musculus</i>) (Kỹ yếu HNKH Trường ĐH Nông Lâm Tp. HCM – 2011)			
5	Affects of Glutathione Concentration to the Potency of Male-Pronuclear Formation and Preimplantational Development after Intracytoplasmic Sperm Injection in Pigs.	ICLSE, Proceeding International Conference on Life Science and Engineering, Bangkok Thailand, ISBN 978-986-5654-39-9		
6	Glutathione concentration during oocytes maturation period	Proceeding of Asian Pig Veterinary Congress, ISBN 978 604 60 0645-9		
7	In vitro production of pig embryos by ICSI using liquid-preserved spermatozoa	Proceeding Asian Australasian Association of Animal Society (AAAP), ISBN 89360399448 59		
8	Effects of sperm preservation at 4 0C and 26 0C to production pig embryos in vitro fertilization (IVF)	International Conference Proceedings of the Universal Academic Cluster International April Conference in Bangkok, 2017		

9	ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐẾN KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ CHỒN NGUYÊN LIỆU CỦA CÂY VỎI HƯƠNG (Paradoxurus hermaphroditus Pallas, 1777) TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT	Proceeding of national conference on animal and veterinary science. 2017 ISBN 978-604-60-2492-7		
10	XÁC ĐỊNH CHU KỲ ĐỘNG DỤC TRÊN THÚ DỰA VÀO ĐÁNH GIÁ HORMONE BẰNG KỸ THUẬT KHÔNG XÂM LẤN (NON-INVASIVE TECHNIQUE)	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
11	ĐÁNH GIÁ SỰ BIẾN ĐỘNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ CHỈ THỊ SINH HỌC (TÁO) TRONG HỒ NUÔI CÁ CHÉP NHẬT (Cyprinus carpio)	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
12	ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT CÁ SẤU NƯỚC NGỌT TRÊN 2 TUỔI (Crocodylus siamensis) TẠI KHU DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN XOÀI	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
13	ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NUÔI NHÓT CÁ SẤU XIÊM DƯỚI HAI TUỔI (Crocodylus siamensis)	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
14	ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG ĐIỀU NUÔI HẢ MÃ (Hippopotamus amphibious) TẠI KHU DU LỊCH VƯỜN XOÀI	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
15	ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỒ NUÔI CÁ HẢI TƯỢNG (Arapaima gigas)	Hội thảo khoa học cấp trường- Đại học Thủ Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
16	ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỒ SINH HỌC DO	Hội thảo khoa học		

	ANH HƯỞNG CỦA NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI HEO	cấp trường- Đại học Thu Dầu Một: Sinh học ứng dụng và Công nghệ sinh học khu vực Đông Nam Bộ lần 1		
17	ABILITY OF EMBRYOS- PRODUCT BY IVF AND ICSI-METHODS ON BREEDS PIG IN BINH DUONG PROVINCE – VIETNAM	International Conference Proceedings of the Universal Academic Cluster International April Conference in Bangkok, 2017		

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1	Mô hình chăn nuôi chồn hương trong điều kiện nuôi nhốt	Tỉnh Đồng Nai	2015	Mô hình nuôi nhốt chồn/ Đề tài nghiên cứu cấp tỉnh Đồng Nai
2	Mô hình chăn nuôi dúi trong điều kiện nuôi nhốt	Tỉnh Đồng Nai	2016	Mô hình nuôi nhốt dúi/ Đề tài nghiên cứu cấp tỉnh Đồng Nai
3	Mô hình chăn nuôi heo rừng trong điều kiện nuôi nhốt	Tỉnh Đồng Nai	2016	Mô hình nuôi nhốt heo rừng/ Đề tài nghiên cứu cấp tỉnh Đồng Nai
4	Đánh giá ảnh hưởng của hợp chất ly trích từ lá cây Neem đến các yếu tố sinh học trong ao nuôi	Tỉnh Bình Dương	2016	Nghiệm thu cấp trường. Mục II.4.b.2 Hướng dẫn số 21/LN-STC-SKHCHN
5	Đánh giá ảnh hưởng của hợp chất ly trích từ lá cây Neem đến bệnh trên cá	Tỉnh Bình Dương	2016	Nghiệm thu cấp trường. Mục II.4.b.2 Hướng dẫn số 21/LN-STC-SKHCHN

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>
1	2014	Hội đồng thẩm định phòng thí nghiệm tại PTN ĐH Quốc gia TP.HCM	ủy viên

2	2015	Hội đồng thẩm định dự án PTN trọng điểm Trung tâm CNSH- môi trường- Viện Khoa học Nông Nghiệp Miền Nam	ủy viên
---	------	--	---------

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>
1	2006	The Japanese Society of Animal Science since 2006	Thành viên
2	2008	The Asian-Australian Association of Animal Production Societies (AAP) since 2008	Thành viên
3	2012	Nghiên cứu viên Trung tâm nghiên cứu sức khỏe sinh sản Khoa Y- Đại học Quốc gia TP.HCM	
4	2014	Ủy viên hội y sinh tỉnh Bình Dương	
5	2015	Ủy viên Hội Môi Trường Xanh Quốc tế- IFGTM	Ủy viên
6	2014	Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐH Thủ Dầu Một	Ủy viên
7	2015	Hội đồng khoa Tài nguyên môi Trường	Chủ tịch
8	2015	Hội đồng ngành Tài nguyên Môi Trường	Chủ tịch
9	2016	Hội đồng Khoa CNSH- Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch
10	2017	Hội đồng Ngành sinh học và Công Nghệ sinh học Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch
11	2017	Hội đồng Ngành Khoa học tự nhiên Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>
	2008-2009	Viện Nghiên cứu RIKEN- Nhật Bản	Nghiên cứu dự án Lab COE- Trường ĐH Kobe Nhật Bản

VI. Các vị trí quản lý đã đảm nhiệm:

1. 2014-2016: Chủ tịch hội đồng khoa Tài Nguyên Môi Trường Đại học Thủ Dầu Một
Trưởng khoa Tài nguyên Môi Trường Đại học Thủ Dầu Một

Trưởng bộ môn sinh học Đại học Thủ Dầu Một

2. 2016- 2017: Trưởng Khoa Công nghệ sinh học- Đại học Thủ Dầu Một, chủ tịch hội đồng khoa CNSH, Chủ tịch Hội đồng Ngành sinh học và Công nghệ sinh học Đại học Thủ Dầu Một.
3. 2017- nay: chủ tịch Hội đồng khoa KHTN, trưởng khoa Khoa học tự nhiên Đại học Thủ Dầu Một

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. KHOA HỌC

TS. Trần Văn Trung

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Võ Văn Ôn

2. **Giới tính:** nam

3. **Ngày sinh:** 30 -11-1963

4. **Nơi sinh:** Bình Dương

5. **Nguyên quán:** Tân Phước Khánh – Tân Uyên – Bình Dương

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Bộ môn Vật lý

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: khoa Khoa học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** tiến sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Giáo sư Năm

Năm công nhận: Nơi công nhận:

công nhận: Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	6- Trần Văn Ôn- phường Phú Hòa- tp.Thủ Dầu Một- tỉnh Bình Dương	15/6-khu phố Khánh Hội- phường Tân phước Khánh - thị xã Tân Uyên - tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0983330749
3	Email		onvv@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh			x			x		x		x		
2	Nga											x	

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 1994 đến 2010	Trường THPT Tân Phước Khánh - Tân Uyên - Bình Dương	Giáo viên
Từ 2010.. đến nay ...	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	1982-1987	Đại học Tổng Hợp tp.HCM	Vật lý lý thuyết	Một suy nghĩ về tương tác hấp dẫn
Thạc sỹ	2002-2004	Đại học Khoa học Tự Nhiên tp.HCM	Vật lý lý thuyết	Một mô hình vectơ của trường hấp dẫn
Tiến sĩ	2004-2009	Đại học Khoa học Tự Nhiên tp.HCM	Vật lý lý thuyết	Một mô hình vectơ cho trường hấp dẫn
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Chứng chỉ	2010-2011	ĐH.TDM	Nghiệp vụ giảng dạy đại học

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: Vật lý

Chuyên ngành: Vật lý lý thuyết

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Vật lý lý thuyết và vật lý toán

2. Vật lý mô phỏng

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

0. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Giáo trình điện tử về điện và từ cho sinh viên không chuyên lý trường Đại học TDM		12 tháng	40	Chủ nhiệm	12/2013	Đạt
2	Giáo trình Vật lý đại cương A1 và A2		12 tháng		Chủ biên	10/2015	khá
3	Đề tài: Nghiên cứu các tính chất đặc biệt của lỗ đen – trắng trong mô hình vectơ cho trường hấp		12 tháng		Chủ nhiệm	6/2017	tốt

1. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chi ghi mã)
1	Phạm Lan Anh	Lỗ đen – trắng trong mô hình hấp dẫn véctơ	2012	Thạc sỹ	chính	
2	Trương Hữu Nghị	Nhiều loạn tuyến tính của vũ trụ trong mô hình hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ – đa thức	2017	Thạc sỹ	chính	
3	Nguyễn Ngọc	Các ràng buộc thực nghiệm hệ Mặt Trời lên hấp dẫn cải tiến $f(R)$ dạng hàm mũ đa thức	2017	Thạc sỹ	chính	
4	Nguyễn Hải Đăng	Lạm phát vũ trụ trong hấp dẫn cải tiến $f(R)$ dạng hàm mũ đa thức	2017	Thạc sỹ	chính	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1	Sách chuyên khảo: Một tiếp cận khác Einstein đến vấn đề hấp dẫn và vũ trụ	Đại học Huế	2017	Tác giả		
2	Giáo trình Vật lý đại cương 1	Đại học Huế	2017	Chủ biên		
3	Giáo trình Vật lý đại cương 2	Đại học Huế	2017	Chủ biên		

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Vo Van On, A vector model for gravitational field in curvature space-time/ KMITL Science Journal 8 (2008) 1-11.	ISSN. 1905-2367		
2	Vo van On, The spherically – symmetric pressure free collapse of the white – black in the vector model for gravitational field/ tạp chí Journal of Earth Science and Engineering 3 (2013) 207-212.	ISSN 2159- 581X		
3	Vo Van On – Tran Trong Nguyen, Some Scenarios of Cosmological Revolution in Polynomial – Exponential $f(R)$ Modified Theory of	ISSN: 0577-9073 thuộc SCI	0.413	
4	Vo Van On, The surface oscillation of a white – black hole in the vector model for gravitational field/ J. Ponte – Jun 2016 – Volume 72 – Issue 6(tác giả) doi: 10.21506/j.ponte.2016.6.14	ISSN:0032 -423X thuộc ISI	0.724	
5	Vo van On, Red and violet shifts of surface spectrum of white – black hole. J. Ponte – Jun 2017(chấp nhận đăng) (tác giả)	ISSN:0032 -423X thuộc ISI	0.724	
6	Vo van on – Nguyen Ngoc, Chameleon mechanism in $f(R)$ modified gravitation model of polynomial-exponential form, IOP Conf. Series: Journal of Physics: Conf. Series 1034 (2018) 012002 doi :10.1088/1742-6596/1034/1/012002 (đồng tác giả)	ISSN: 1742-6596 CPCI- S/Scopus		

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Vo Van On, A vector model for gravitational field. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG. TP.HCM / . tập 9, (4), trang 5-11/ 2006	ISSN 1859-0128		
2	Vo Van On, An approach to the Equivalence principle and the nature of inertial forces. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG. TP.HCM/ . tập 9 (5), trang 5-10 /2006	ISSN 1859-0128		
3	Vo Van On, An approach to three classical tests of the General theory of relativity in The vector model for gravitational field. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG. TP.HCM/ tập 10, (3), trang 5-11 /2007	ISSN 1859-0128		
4	Vo Van On, Einstein's equation in the Vector model for gravitational field. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG. TP.HCM/ tập 10, (6), trang 15-25/ 2007	ISSN 1859-0128		
5	Vo Van On, The energy density of the Universe in the Vector model for gravitational field. Tạp chí Communication in Physics- Viện Hàn Lâm Khoa Học Việt Nam/ vol. 9 (1), pp. 13-16 / 2007	ISSN: 0868-3166		
6	Vo Van On, A united description for dark matter and dark energy. Tạp chí Communication in Physics- Viện Hàn Lâm Khoa Học Việt Nam/ vol. 17, pp. 83-91 /2007	ISSN: 0868-3166		

7	Vo Van On, Absence of singularity in Schwarzschild metric in the vector model for gravitational Field. Tạp chí Communication in Physics- Viện Hàn Lâm Khoa Học Việt Nam/	ISSN: 0868-3166		
8	Vo Van On, Some interesting consequences from Newton 's modified expression of gravitational force in the vector model for gravitational field. Tạp chí Communication in Physics- Viện Hàn Lâm Khoa Học Việt Nam/ Vol.19, No.2,pp. 84-86/2009	ISSN: 0868-3166		
9	Võ Văn Ôn, Trường từ hấp dẫn trong mô hình hấp dẫn véctơ. Tạp chí Thủ Dầu Một/ số 2- trg 40-45/2011	ISSN: 1859-4433		
10	Võ Văn Ôn – Phạm Lan Anh, Chuyển động xuyên tâm của hạt vào lỗ đen trắng trong mô hình hấp dẫn véctơ. Tạp chí Thủ Dầu Một/ số 3- trg 16-22/ 2012	ISSN: 1859-4433.		
11	Võ Văn ôn – Trần Trọng Nguyên, Sự giãn nở tăng tốc của vũ trụ trong mô hình hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ – đa thức.Tạp chí Thủ Dầu Một/số 6- trg 3-7/ 2012	ISSN: 1859-4433.		
12	Võ Văn Ôn cùng cộng sự, Thiết kế thí nghiệm Vật lí 9 (phần điện) bằng các phần mềm Crcodile Physics 605 và Powerpoint/ số 11- trg 66-73/2013	ISSN : 1859- 4433		

13	Võ Văn Ổn – Nguyễn Thị Kim Tuyền, Khảo sát chuyển động của một vật trong trường hấp dẫn cải tiến, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 6(25), 2015, tr. 69-73	ISSN: 1859-4433		
14	Võ Văn Ổn – Trương Hữu Nghị, Nhiều loạn tuyến tính của vũ trụ trong mô hình hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ – đa thức(chấp nhận đăng trong số tháng 8/2017). Tạp chí Đại học TDM.	ISSN: 1859-4433		
15	Võ Văn Ổn- Trương Hữu Nghị, Nhiều loạn tuyến tính của vũ trụ trong mô hình hấp dẫn cải tiến $f(R)$ dạng hàm mũ đa thức, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, Số 3(34)-2017, trang : 3-14	ISSN: 1859-4433		

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	A vector model for gravitational field in curvature space-time/ báo cáo oral ở hội nghị quốc tế về vật lý và áp dụng do Lào và Thái Lan phối hợp tổ chức tại Lào / 2006			
2	Some Interesting Properties of A White Hole in The Vector Model for Gravitational Field/ proceeding của hội nghị thiên văn quốc tế “gặp gỡ Việt Nam” lần X tại Quy nhơn vào 8/2011			

3	The spherically – symmetric pressure free collapse of the white – black in the vector model for gravitational field/ Proceeding của hội nghị thiên văn và vũ trụ quốc tế tổ chức tại			
4	Combining method of teamwork and online data mining in biomedical physics teaching at Binh Duong Medical College /Proceeding của the 5th International Conference on the Development of Biomedical Engineering tổ chức tháng 7/2014 tại Đại học quốc tế- ĐHQG -			
5	Investigating electromagnetic wave absorption of metamaterials in the gigahertz frequency domain by simulation. Hội nghị quốc tế về vật liệu mới (ICAMN) tổ chức tại Đại học Bách khoa Hà Nội 8/2016			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Võ Văn Ổn, Một số hệ quả vũ trụ học của mô hình hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ đa thức, hội nghị cấp quốc gia, 7/2015, Đà Lạt			
2	Võ Văn Ổn, Bàn về cấu trúc và những vấn đề lạ, khó trong đề thi tuyển sinh đại học môn Vật lý các năm gần đây cùng một số đề xuất, hội nghị cấp trường, 4/2016, ĐH.TDM.			

3.	Võ Văn Ôn- Trương Hữu Nghị, Nhiễu loạn tuyến tính của vũ trụ trong mô hình hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ – đa thức. Hội nghị cấp trường, 5/2017, ĐH.TDM.			
4	Võ Văn Ôn- Nguyễn Ngọc, Cơ chế Tắc kè hoa trong lớp lý thuyết hấp dẫn $f(R)$ dạng hàm mũ – đa thức. Hội nghị cấp trường, 5/2017, ĐH.TDM.			
5	Vo van On – Nguyen Ngoc, Chameleon mechanism in modified gravity $f(R)$ of polynomial exponential form, hội nghị cấp quốc gia năm 8/2017			
6	Vo Van On- Nguyen Hai Dang, Cosmic inflation in modified gravity $f(R)$ of polynomial exponential form, hội nghị cấp quốc gia 8/2017			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>T</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>T</i>	<i>Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2018

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai

(Họ tên và chữ ký)



TS. Trần Văn Trung

Võ Văn Ôn

BÌNH DƯƠNG

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** CHIỀU VĂN BẠC

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 21/09/1967

4. **Nơi sinh:** Tp. Hồ Chí Minh

5. **Nguyên quán:** Tp. Hồ Chí Minh

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Giáo dục Thể chất + Bộ môn Giáo dục quốc phòng - an ninh

Trung tâm: Giáo dục thể chất & Quốc phòng an ninh

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Phó Giám đốc Trung tâm + Trưởng Bộ môn Giáo dục quốc phòng - an ninh

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trung tâm GDTC&QPAN, Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Số 453/36, tổ 1, khu 3, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
2	Điện thoại/ fax	0650.3844.029	0963775977
3	Email	ttgdtc.qpan@tdmu.edu.vn	baccv@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	CĐSP Nga - Anh		x			x			x			x	
2	Hoa (HSK4)		x			x			x			x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1989 đến 1991	Trung học cơ sở Tân Hưng, Bến Cát, Bình Dương	- Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ - Giảng dạy
Từ 1991 đến 1993	Trung học cơ sở Thanh Bình, Bình Long, Bình Phước	- Trưởng Bộ môn GDTC - Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ - Giảng dạy
Từ 1993 đến 2007	Trung học phổ thông Tân Khai, Bình Long, Bình Phước	- Trưởng Bộ môn GDTC - GDQP&AN - Chủ tịch Hội CTĐ - Giảng dạy - Thanh tra Sở GD&ĐT
Từ 2007 đến 2010	Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cánh, Hớn Quản, Bình Phước	- Trưởng Bộ môn GDTC - GDQP&AN - Chủ tịch Hội CTĐ - Giảng dạy - Thanh tra Sở GD&ĐT
Từ 2010 đến 2016	Đại học Thủ Dầu Một	- Trưởng Bộ môn GDQP&AN - Phụ trách Hành chính Khoa - Giảng dạy
Từ 2010 đến 2016	Đại học Thủ Dầu Một	- Trưởng Bộ môn GDQP&AN - Phụ trách Hành chính Khoa - Giảng dạy
Từ 2016 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một	- Phó Giám đốc Trung tâm - Trưởng Bộ môn GDQP&AN - Giảng dạy GDTC - GDQP&AN

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2005 - 2007	Đại học Sư phạm TDTT Tp. HCM	Giáo dục Thể chất	Đánh giá sự phát triển thể lực, kỹ thuật cơ bản của vận động viên đội tuyển bóng đá nam lứa tuổi 15 - 17 tỉnh Bình Phước sau 06 tháng tập luyện.
Thạc sỹ	2008 - 2010	Học viện TDTT Quảng Châu - Trung Quốc	Giáo dục Thể chất và Huấn luyện Thể dục Thể thao	Đánh giá sự phát triển thể lực vận động viên bóng bàn nam 14 - 15 tuổi đội tuyển huyện Bình Long - Tỉnh Bình Phước sau một năm tập luyện.

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Văn Bằng	1986 - 1989	Cao đẳng Sư phạm Sông Bé (Bình Dương)	Sư phạm Nga - Anh
Chứng chỉ	2003	Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	Giáo viên Giáo dục Quốc phòng
Chứng chỉ	2009	Trường Nghiệp vụ Kinh tế Đối ngoại Hà Nội	Tin học B
Chứng chỉ	2011	Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh	Phương pháp giảng dạy Đại học theo học chế tín chỉ
Chứng nhận	2011	Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Tp. HCM	Bồi dưỡng nghiệp vụ hành chính văn phòng trong nhà trường
Chứng nhận	2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bồi dưỡng giảng viên, giáo viên môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh các trường ĐH, CĐ, THCN
Chứng chỉ	2013	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM	Môn chung Sau Đại học

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Giáo dục.
- Chuyên ngành: Giáo dục học (Giáo dục Thể chất - Huấn luyện Thể dục Thể thao).

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Phương pháp Giáo dục thể chất.
2. Huấn luyện Thể dục Thể thao.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quân lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Kinh nghiệm giảng dạy	Ngành	2003	Không	Chủ	2003	B

	môn nhảy xa về kĩ thuật giậm nhảy cho học sinh lớp 10				nhiệm		
2	Một số biện pháp tổ chức giảng dạy môn nhảy cao cho học sinh lớp 11	Ngành	2004	Không	Chủ nhiệm	2004	B
3	Kinh nghiệm giảng dạy của một tiết luyện tập kĩ thuật đẩy tạ vai hướng ném lớp 10	Ngành	2005	Không	Chủ nhiệm	2005	A
4	Nghiên cứu sự phát triển tổ chất nhanh mạnh của học sinh nam lứa tuổi 16 - 17	Ngành	2006	Không	Chủ nhiệm	2006	B
5	Một số biện pháp tổ chức giảng dạy môn chạy cự li ngắn cho học sinh khối 11	Ngành	2007	Không	Chủ nhiệm	2007	A
6	Nghiên cứu xây dựng thang điểm đánh giá thành tích môn nhảy cao của học sinh nam trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cảnh - Bình Long - Bình Phước	Ngành	2008	Không	Chủ nhiệm	2008	A
7	Ứng dụng các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ ở môn nhảy xa kiểu ưỡn thân cho nam học sinh lớp 11 Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh - Tỉnh Bình Phước	Ngành	2009	Không	Chủ nhiệm	2009	B
8	Đánh giá trình độ thể lực của vận động viên Bóng bàn 14 - 15 tuổi đội tuyển huyện Bình Long - Tỉnh Bình Phước	Trường	2009	Không	Chủ nhiệm	2009	A
9	Xây dựng một số phương pháp giáo dục thể chất phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác nhằm phát triển toàn diện cho đối tượng học sinh trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Ngành	2010	Không	Chủ nhiệm	2010	A

NG
OC
MỘT
BƯỚC

10	Ứng dụng các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ ở môn nhảy xa kiểu ưỡn thân cho nữ học sinh lớp 12 Trường THPT Bến Cát - Tỉnh Bình Dương	Trường	2015	39.690.000	Chủ nhiệm	2015	B
----	--	--------	------	------------	-----------	------	---

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
1			
2			

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh
1			
2			

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
1			
2			

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



 TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Người khai

ThS. Chiêu Văn Bạc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** TRẦN TRUNG CHUNG

2. **Giới tính:** nam

3. **Ngày sinh:** 29-04-1983

4. **Nơi sinh:** Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

5. **Nguyên quán:** Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Trung tâm Lý luận Chính trị

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2015

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	G2 Phan Văn Trị, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
2	Điện thoại/ fax	06503834958	0903718793
3	Email		chungtt@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh			X			X			X			X
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2008 đến 2010	- Trường THPT Đông Du, TP. Hồ Chí Minh	Giáo viên
Từ 2011 đến nay	- Trường ĐH Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2003-2007	ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục Chính trị	Việt Nam với WTO - Thời cơ, triển vọng và thách thức
Thạc sỹ	2013 - 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và vận dụng vào đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Bình Dương hiện nay
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ	2012	ĐH KHXH & NV TP.HCM	Chứng chỉ Lý luận giảng dạy đại học
Chứng chỉ	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu
Chứng chỉ	2016	Đại học Thủ Dầu Một	Day học tích cực ISW

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Khoa học chính trị
- Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Trần Trung Chung, <i>Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo tinh thần Đại hội XII - Sự hiện thực hóa quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng</i> , Tạp chí Giáo chức Việt Nam, Số 121, tháng 5-2017, trang 04.	ISSN 1859-2902		
2	Trần Trung Chung, <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên</i> , Tạp chí Thanh niên, số 12 tháng 3-2017, trang 14.	ISSN 08866-8507		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Trần Trung Chung, <i>Một số vấn đề về phát triển kinh tế đất nước qua bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh</i> , Nghiên cứu và học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 2015, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh			
2	Trần Trung Chung, <i>Những cống hiến có tính thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người</i> , Đảm bảo quyền con người trong luật tổ tụng hình sự, 06/2016, Khoa Luật ĐH Thủ Dầu Một			
3	Trần Trung Chung, <i>"Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" - Những cống hiến của Ph.Ăngghen về lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Tư tưởng của Ăngghen về chủ nghĩa xã hội khoa học - giá trị lý luận và thực tiễn đối với Việt Nam, 11/2015, Khoa Lý luận Chính trị ĐH Thủ Dầu Một.			
4	Trần Trung Chung, <i>Nâng cao chất lượng dạy và học môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường cao đẳng, đại học hiện nay</i> , Giảng dạy và học tập bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường cao đẳng, đại học hiện nay, 5/2016, ĐH Thủ Dầu Một.			
5	Trần Trung Chung, <i>Lý luận về Nhà nước trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" và bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</i> , 6/2017, Trung tâm Lý luận Chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.			
6	Trần Trung Chung, <i>Học tập và làm theo phong cách ứng xử Hồ Chí Minh qua Chi thị 05 của Bộ Chính trị</i> , 7/2017, Trung tâm Lý luận Chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.			
7	Trần Trung Chung, <i>"Quét sạch chủ nghĩa cá nhân" - từ tác phẩm của Hồ Chí Minh đến Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , 01/2018, Trung tâm Lý luận chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.			
8	Trần Trung Chung, <i>Đấu tranh giai cấp - quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người</i> , 04/2018, Trung tâm Lý luận chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.			
9	Trần Trung Chung, <i>Phong cách quần chúng Hồ Chí Minh</i> , 05/2018, Trung tâm Lý luận chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.			
10	Trần Trung Chung, <i>Giảng dạy tư tưởng Hồ Chí</i>			

	<i>Mình theo phương thức hòa hợp tích cực ở trường Đại học Thủ Dầu Một - Thực tiễn và bài học kinh nghiệm. 06/2018, Trung tâm Lý luận chính trị, ĐH Thủ Dầu Một.</i>			
--	--	--	--	--

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 09 tháng 7 năm 2018

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

HỌ TÊN

Trần Trung Chung

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Triệu Nguyên Hùng
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 25-08-1982
4. **Nơi sinh:** Vĩnh Long
5. **Nguyên quán:** Cầu Kè - Trà Vinh
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Toán

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2008

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06, Trần Văn Ơn, Phú Hoà, TP Thủ Dầu Một, Bình dương.	406, Tân Sơn Nhì, Tân Bình, TP HCM
2	Điện thoại/ fax		0986683811
3	Email		hungtn@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		√			√			√			√	
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 06-2008 đến 02-2009	Trường Cao Đẳng Xây Dựng Miền Tây	Giảng viên
Từ 02-2009 đến 12-2009	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thực Phẩm TPHCM	Giảng viên
Từ 01-2010 đến nay	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	Từ 09-2000 đến 03-2005	Đại Học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Toán-Tin	
Thạc sỹ	Từ 03-2005 đến 04-2008	Đại Học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Lý Thuyết Xác Suất Thống Kê Toán	Quá trình khuếch tán
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Nghị quyết vụ sư phạm dành cho Giảng viên Cao đẳng Đại học	2011	Đại học sư phạm TPHCM	Nghị quyết vụ sư phạm dành cho Giảng viên Cao đẳng Đại học
Lý Luận dạy học Đại học	2012	Đại học Xã Hội Nhân Văn TPHCM	Lý Luận dạy học Đại học

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Toán Ứng Dụng

- Chuyên ngành: Lý Thuyết Xác Suất Thống Kê Toán

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Lý Thuyết Xác Suất Thống Kê Toán
2. Quá trình ngẫu nhiên

II. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Sách hướng dẫn học tập môn Xác suất thống kê			Tác giả		
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Triệu Nguyên Hùng, Điều Khiển tối ưu cho cực đại thời gian máy bay lưu trú trên không trước khi hạ cánh, Tối ưu và Tính toán Khoa học lần thứ 15, Ba vì 20- 22.4.2017, Trung tâm hỗ trợ đào tạo và phát triển đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội.			Hội thảo cấp quốc gia
2	Triệu Nguyên Hùng, Topic modeling và thuật toán LDA, NCKH cán bộ, GV trẻ 06/2018 - ĐH TDM			Hội thảo cấp trường

Bình Dương, ngày tháng năm 2018

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Triệu Nguyên Hùng

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM CHUNG

2. Giới tính: NỮ

3. Ngày sinh: 14/02/1983

4. Nơi sinh: Phú Yên

5. Nguyên quán: Phú Yên

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Bộ phận: vật lí

Khoa : Khoa Khoa học Tự Nhiên

7. Học vị cao nhất: tiến sĩNăm đạt học vị: 2012

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐
☐

Năm công nhận: Nơi công nhận:

Giáo sư Năm

công nhận: Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trường ĐH Thủ Dầu Một	
2	Điện thoại/ fax		
3	Email		Kimchung142@yahoo.c

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh ngữ B												
2	Nga ngữ D												

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ.5/2012 đến. nay.	trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên Vật lý

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2003-2007	Trường ĐH su phạm quốc gia Voronezh (Nga)	Cử nhân vật lí	Plasma trạng thái thứ 4 của vật chất
Thạc sỹ	2007-2008	Trường ĐH su phạm quốc gia Voronezh (Nga)	Phuơng pháp giảng dạy vật lí	Đánh giá hình thức thi tốt nghiệp THPT theo đề thi trắc nghiệm
Tiến sĩ	2008-2011	Trường đại học tổng hợp quốc gia Voromezh (Nga)	Quang học	Phương pháp huỳnh quang nghiên cứu sự tương tác giữa các phân tử chất nhuộm và tinh thể AgCl(I)
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên luận</i>
-----------------	------------------	--------------------	-----------------

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: vật lý, lý luận và phương pháp giảng dạy.

Chuyên ngành: quang học, phương pháp giảng dạy vật lý THCS, THPT.

16.2 Hướng nghiên cứu:

- Nghiên cứu vật liệu huỳnh quang, vật liệu nano.
- Phương pháp giảng dạy tích cực.

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>T</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
<i>T</i>	<i>Tăng hiệu suất huỳnh quang, phản huỳnh quang của chất bán dẫn AgCl(I) khi hấp phụ trên bề mặt các phân tử thuốc nhuộm và các hạt</i>	<i>08- cấp trường</i>	<i>2016-2017</i>	<i>50.969</i>	<i>Chủ nhiệm</i>	<i>26/6/2017</i>	<i>khá</i>

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
T						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

1	Nguyen Thi Kim Chung, A.N. Latyshev...Charge transfer at the adsorption of organic dye molecules on the crystal surface AgCl (I). journal "Condensed Matter And Interphases" 2011, Number 2, p 184-190.	1606-867X	0.30 6	
2	Kliev V.G. Nguyen Thi Kim Chung. Optacal properties of CdS nanocrystals prepares by the sol-gel method.). journal "Condensed Matter And Interphases" 2011, Number 4, p 515-519.	1606-867X	0.30 6	
3	Nguyen Thi Kim Chung, A.N. Latyshev. Luminescent method for research of deep electronic state. Vestnik VSU, 2011, p. 51-61.	1995-5480	0.07 5	
4	A.N. Latyshev, Nguyen Thi Kim Chung. Enhancement of anti-stokes sensitized luminescence in AgCl(I) crystals in the presence of silver nanoparticles. Journal of Applied Spectroscopy", 2011, Vol. 78, No. 6. P. 909-914	1943-3530	1.87 5	
5	Nguyen Thi Kim Chung, A.N. Latyshev,. Characteristic features of charge transfer in the interaction between sensitizer molecules and AgCl(I) molecules. 2011, Vol. 78, No. 3. p. 454-459	1943-3530	1.875 (2015)	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Sản phẩm	Ghi chú
1	1. Nguyễn Thị Kim Chung, Huỳnh Xuân Đào, Nguyễn Huyền Phương. SỰ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH CHẤT HUỖNH QUANG KHI TÍNH THỂ $AgCl(I)$ HẤP PHỤ TRÊN BỀ MẶT CÁC HẠT NANO BẠC VÀ CÁC PHÂN TỬ CHẤT NHUỘM. Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một số 1(31)-2017.	18 59 - 44 33		
2	Nguyễn Thị Kim Chung, Huỳnh Xuân Đào, Nguyễn Huyền Phương. PHẢN HUỖNH QUANG CỦA TÍNH THỂ $AgCl(I)$ KHI HẤP PHỤ TRÊN BỀ MẶT CÁC HẠT NANO BẠC. Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một số 2 (32)-2017.	18 59 - 44 33		
3	Nguyễn Thị Kim Chung. Một số yếu tố liên quan tới thực trạng bệnh sâu răng, mất răng ở đối tượng người cao tuổi tại tỉnh Đắk Lắk. Tạp chí y học Việt Nam, tháng 9, số 1 năm 2017, trang 25-30	IS SN - 18 59 - 18		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Суворова Т.И. Метод исследования глубоких состояний в широкозонных кристаллах / Т.И. Суворова, П.В. Новиков, Фан Нгок Хьюнг Каг, Игунг Тхи Ким Чунг, А.Н. Латышев // 5-я международная научно-практическая конференция «составляющие научно-технического прогресса»: материалы конференции. — Тамбов, 2009. С. 48-50.			
2	2. Суворова Т.И. метод исследования энергических состояний адсорбированных наноструктур. / Т.И. Суворова, Нгуен Тхи Ким Чунг, П.В. Новиков, М.А. Ефимова, А.Н. Латышев // Конференция «размерные эффекты в наноструктурах и проблемы нанотехнологий»: материалы конференции. — Тамбов, 2009. С. 84-86.			
3	3. Латышев А.Н. Люминесцентный метод исследования глубоких состояний люминофоров. / А.Н. Латышев, О.В. Овчинников, Т.И. Суворова, Нгуен Тхи Ким Чунг, Е.А. Егорушина // V всероссийская конференция «физико-химические процессы в конденсированных средах и на межфазных границах» (ФАГРАН-2010): материалы конференции. — Воронеж, 2010. С. 567-569			
4	4. Нгуен Тхи Ким Чунг. Люминесцентный метод исследования адсорбции/ Нгуен Тхи Ким Чунг, Е.А. Егорушина // IV международная научно-практическая конференция «Современные проблемы науки»: материалы конференции. — Тамбов, 2011. С. 45-47.			
5	5. Нгуен Тхи Ким Чунг. Перенос заряда при адсорбции молекул органических красителей на поверхности кристалла AgCl(I) / Нгуен Тхи Ким Чунг, Е.А. Егорушина, А.Н. Латышев, О.В. Овчинников, М.С. Смирнов // Конденсированные среды и межфазные границы. — 2011. Russia— Т. 13, № 2. — С 184-190.			

6	Luminescent Researches of Dye Molecules Adsorbed on Crystals AgCl (I) . 16th International Conference on Luminescence ICL'11. Poster session 1.2011.USA.			
7	. Huynh Quang Linh, Tran Van Tien, Nguyen Thi Kim Chung.. Some Medical Imaging Applications Using Irradiation of Near Infrared LED on Living Tissue. THE 7th NATIONAL CONFERENCE ON OPTICS AND SPECTROSCOPY November 26 - 29, 2012. TP. Ho Chi Minh, Vietnam			
8	Nguyen Thi Kim Chung. Renovation on teaching methods of physics subject for engineering students . THE 9th NATIONAL CONFERENCE "the development of science in the XXI century"., 2015, Ukraina P.60-65.	6827-0151		
9	Nguyen Thi Kim Chung. The basic scientific teaching methodology to stem students. International scientific conference "stem higher Education for mekong delta development. November2, 2017, Can Tho university			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi Chú</i>
<i>1</i>	Nguyễn Thị Kim Chung và nhóm sv khoa khoa học tự nhiên đại học Thủ Dầu Một. Dạy và học môn khoa học tự nhiên theo định hướng tích hợp. Hội thảo khoa học " định hướng bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học năm 2016".,2016, Viet Nam, tr. 8-17.			

2	Nguyễn Thị Kim Chung. Phân huỳnh quang của tinh thể $AgCl(I)$ khi hấp phụ trên bề mặt các hạt nano bạc. Hội thảo khoa học cấp trường “vật lý và ứng dụng” năm 2017, trường đại học Thủ Dầu Một			
3	Nguyễn Thị Kim Chung. Mô hình giáo dục STEM trong giờ học vật lý. Kỉ yếu ngày hội khoa học giảng viên trẻ trường đại học Thủ Dầu Một 2018.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>T</i>	<i>Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Bình Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai





 TS. Trần Văn Trung

Nguyễn Thị Kim Chung

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Thị Kim Ngân

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 08/01/1983

4. **Nơi sinh:** Bình Dương

5. **Nguyên quán:** Nam Định

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Toán

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Tiến sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Phó trưởng khoa kiêm trưởng bộ môn

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ		64/10 Trịnh Hoài Đức Phú Lợi Tp TDM, BD
2	Điện thoại/ fax		01693207592
3	Email	nganntk83@tdmu.edu.vn	nguyen.t.k.ngan.vn@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Pháp văn	x			x			x			x		
2	Anh văn		x			x			x		x		

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1/2014- 9/2014	Đại học Thủ Dầu Một, khoa KHTN	Giảng viên
Từ 10/2014- 3/2015	Đại học Thủ Dầu Một, khoa Sư phạm	Phó trưởng khoa
Từ 4/2015 đến 6/2018	Đại học Thủ Dầu Một, khoa KHTN	Phó trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn
Từ 7/2018 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một, khoa KHTN	Trưởng bộ môn

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2000-2004	ĐH Sư phạm TpHCM	Toán	So sánh hai phương pháp xây dựng vành thương
Thạc sĩ	2004-2006	ĐH Rennes 1 và ĐH Paris 11, Pháp	Toán	Chứng minh sơ cấp một bài toán của Merkurjev
Tiến sĩ	2006-2010	ĐH Paris 7, Pháp	Toán	Module vòng lặp và các lớp không mịn trên một không gian các lớp
Tiến sĩ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Nghị quyết vụ	10/2017	ĐH Thủ Dầu Một	Bồi dưỡng Nghị quyết vụ sư phạm

sự phạm			
Tin học căn bản	11/2017	ĐH Thủ Dầu Một	
Bồi dưỡng GV chính	12/2017	ĐH Thủ Dầu Một	Bồi dưỡng GV chính

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Toán
- Chuyên ngành: Lý thuyết số và hình học đại số

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Lý thuyết số và hình học đại số
2. Toán tính toán

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quân lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Đối đồng điều không phân nhánh cấp tổng quát và bài toán của Noether	395/ HD-NCKHP TCN	12 tháng	44,883	Chủ nhiệm	23/5/2017	Xuất sắc
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã)
----	---------------------------------------	-----------------------	----------------	-------------	-------------------------------	---

					phụ)	số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Nguyen T.K. Ngan, <i>Classes non ramifiées sur un espace classifiant</i> , C. R. Acad. Sci. Paris, Ser. I (2011), doi:10.1016/j.crma.2011.02.012.	ISSN: 1631-073X(thuộc ISI)	Impact Factor: 0.469	
2	B. Kahn, Nguyen T. K. Ngan, <i>Sur l'espace</i>	ISSN: 0021-	Impact	

	<i>classifiant d'un groupe algébrique linéaire, I</i> , J.Math.Pures Appl, 102(2014)972-1013, http://dx.doi.org/10.1016/j.matpur.2014.03.006	7824 (thuộc ISI)	Factor: 1.683	
3	B.Kahn, Nguyen T.K. Ngan, <i>Modules de cycles et classes non ramifiées sur un espace classifiant</i> , Algebraic Geometry 3 (3) (2016) 264-295, doi:10.14231/AG-2016-013	ISSN: 2214- 2584 (thuộc ISI vì là một nhánh của Compositio Mathematica)	Impact Factor *: 1.069	

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Ngân, “Module vòng lặp và các lớp không phân nhánh trên không gian các lớp”, Hội nghị Đại số- Hình học- Topo năm 2016 , 26-30/10/2016, Buôn Ma Thuột, Đak Lăk			
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 7 tháng 6 năm 2017

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: PHAN THÀNH BIÊN HÙNG

2. Giới tính: nam

3. Ngày sinh: 16-02-1987

4. Nơi sinh: Bình Dương

5. Nguyên quán: Tây Ninh.....

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Trung tâm GDTC -QPAN.....

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2014

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ:

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trung tâm GDTC –QPAN trường ĐH Thủ Dầu Một	970/33/20 khu 5 chánh nghĩa Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0916427739
3	Email	ttgdtc.qpan@tdmu.edu.vn	hungptb@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng anh b1		x			x			x			x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ...2012 đến nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2005-2009	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	Giáo dục thể chất	Thi
Thạc sỹ	2012 -2014	ĐH TDTT Thành Phố Hồ chí Minh	Khoa Học Giáo Dục	"Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển sức mạnh tốc độ cho đội tuyển bóng chuyền nam sinh viên trường Đại Học Thủy Lợi cơ sở 2"
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A	2009	ĐH Quốc Tế Hồng Bàng	Tin học ứng dụng
Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B	2009	ĐH Quốc Tế Hồng Bàng	Tin học ứng dụng
Chứng chỉ	2014	ĐH khoa học xã	

Lý luận dạy học đại học		hội nhân văn	
Chứng chỉ môn học sau đại học	2014	ĐH khoa học xã hội nhân văn	
Chứng chỉ tiếng anh b1	2014	Đại học Khoa học tự nhiên	

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Giáo dục thể chất
- Chuyên ngành: Giáo dục thể chất

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 26 tháng 06 năm 2017
Người khai

Phan Thành Biên Hùng

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ LINH

2. **Giới tính:** nữ

3. **Ngày sinh:** 13/08/1988

4. **Nơi sinh:** Kiên Giang

5. **Nguyên quán:** Kiên Giang

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Toán

Khoa: Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2013

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	37 Đường 16, phường 4, Quận 8, TP. HCM
2	Điện thoại/ fax	(0650) 3.822.518 – (0650) 3.837.150	0917899000
3	Email		ntlinh@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh B1			x			x		x			x	
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2013 đến 11/2014	Trường Đại học Nha Trang (phân hiệu tại Kiên Giang)	Giảng viên tập sự
Từ 11/2014 đến 01/2015	Trường Đại học Nha Trang (phân hiệu tại Kiên Giang)	Giảng viên
Từ 01/2015 đến 7/2015	Trường Đại học Kiên Giang	Giảng viên
Từ 8/2015 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2006-2010	Trường Đại học Cần Thơ	Sư phạm Toán	
Thạc sĩ	2011-2013	Trường Đại học Cần Thơ	Toán giải tích	Độ đo có dấu

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ triết học sau Đại học		Trường Đại học Cần Thơ	
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các trường cao đẳng đại học.	6 tháng	Trường Đại học Cần Thơ	

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: toán Giải tích
- Chuyên ngành: toán giải tích

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. KHOA HỌC**

Người khai
(Họ tên và chữ ký)



TS. Trần Văn Trung

Nguyễn Thị Linh

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 04/02/1984

4. **Nơi sinh:** Đức Thọ – Hà Tĩnh

5. **Nguyên quán:** Đức Thọ – Hà Tĩnh

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa KHTN	Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax		0905903568
3	Email		duyenpth@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Nga	x			x			x			x		
2	Tiếng Anh			x			x			x		x	

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2010 đến 2013	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn – Đà Nẵng	Giáo viên
Từ 2013 đến nay	Khoa KHTN- ĐH TDM	Giảng viên
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2004-2008	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Voronezh – LB Nga	Hóa học	Tổng hợp các pyridopyrimidines trên cơ sở 6-aminopyrimidin-4-ones
Thạc sỹ	2008-2010	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Voronezh – LB Nga	Hóa học hữu cơ	Các dẫn xuất dimethylaminomethylene của các hợp chất carbonyl trong tổng hợp các pyridopyrimidinone
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Lý luận dạy học	2013	Trường ĐHSP TPHCM	Bồi dưỡng sau Đại học

Đại học			
B2 tiếng Anh- khung châu Âu; -chứng chỉ Elteach	2016	Trường ĐHSP TpHCM	Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy bằng tiếng Anh
Nghịệp vụ sư phạm	2017	Trường ĐH Thủ Đầu Một	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Tổng hợp hữu cơ; các hợp chất thiên nhiên
- Chuyên ngành: Hóa hữu cơ

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Tổng hợp hữu cơ
2. Các hợp chất thiên nhiên

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã)

						số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	П.С. Романов, Фам Тхи Хонг Зуен, М.Ю. Крысин, Х.С. Шихалиеву, СИНТЕЗ 2-ГЕТЕРИЛ-5-АРИЛ-3,4,5,6,7,8-ГЕКСАГИДРОПИРИДО[2,3-D]ПИРИМИДИН-4,7-ДИОНОВ НА ОСНОВЕ			

	6-АМИНОПИРИМИДИН-4-ОНОВ, Научное издание: КАРБОНИЛЬНЫЕ СОЕДИНЕНИЯ В СИНТЕЗЕ ГЕТЕРОЦИКЛОВ// Сборник научных трудов/ Под редакцией профессора А.П.Кривенько. Издательство «Научная книга», 2008.			
2	Д. В. Пенина, П. С. Романов, Т. И. Степаненко, М. Ю. Крысин, М. А. Презент, Фам Тхи Хонг Зуен, А. С. Соловьев, РЕЦИКЛИЗАЦИЯ АЗЛАКТОНОВ ПРИ ВЗАИМОДЕЙСТВИИ С ЕНАМИНОКАРБОНИЛЬНЫМИ СОЕДИНЕНИЯМИ, ВЕСТНИК ВГУ, СЕРИЯ: ХИМИЯ. БИОЛОГИЯ. ФАРМАЦИЯ, 2010, № 1			
	П. С. Романов, А. С. Чувашлев, Фам Тхи Хонг Зуен, А. Б. Перепонова, М. Ю. Крысин, НОВЫЙ ПОДХОД К СИНТЕЗУ ИНДЕНОАННЕЛИРОВАННЫХ АЗАГЕТЕРОЦИКЛОВ, ВЕСТНИК ВГУ, СЕРИЯ: ХИМИЯ. БИОЛОГИЯ. ФАРМАЦИЯ, 2010, № 1. (Vietnhik VGU, Seria: Hóa học, Sinh học, Dược học, 2010, Số 1).			

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Романов П.С., Фам Тхи Хонг Зуен, Перепонова А.Б., Крысин М.Ю., <i>Новый подход к синтезу замещенных пиридопиримидинов</i> , 4-Я ВСЕРОССИЙСКАЯ С МЕЖДУНАРОДНЫМ УЧАСТИЕМ НАУЧНО-МЕТОДИЧЕСКОЙ КОНФЕРЕНЦИЯ «ФАРМОБРАЗОВАНИЕ 2010» (Hội thảo khoa học toàn Nga với sự tham gia quốc tế lần thứ 4. Năm 2010).			
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng Duyên, <i>Hướng tiếp cận mới trong tổng hợp các dị vòng nitơ khung inden</i> , Kỳ yếu Hội thảo “Hóa học vì sự phát triển bền vững” – Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2015			
2	Phạm Thị Hồng Duyên, <i>Ảnh hưởng của các hiệu ứng trong phân tử lên tính acid-base của các hợp chất hữu cơ</i> , Kỳ yếu hội thảo cấp trường “Định hướng bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học” – Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2016.			
3	Giáo trình <i>Hóa đại cương dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành Hóa</i> (Chủ biên: TS. Phạm Đình Dũ), Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2016.			
4	Phạm Thị Hồng Duyên, Nguyễn Thị Lê Nguyệt, <i>NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN HÓA HỌC, HOẠT TÍNH KHÁNG KHUẨN VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG OXY HÓA CỦA TINH DẦU LÁ MỘT SỐ LOÀI CHANH</i> , Kỳ yếu Hội thảo cấp trường: <i>Hóa học vì sự phát triển bền vững lần 4</i> , Trường ĐH TDM, 2018.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị


TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 07 tháng 07 năm 2018

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Pha ☐ m Thi ☐ Hụ ☐ ng Duyền

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** LÊ CÔNG BẰNG

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** Ngày 30 tháng 8 năm 1975

4. **Nơi sinh:** Hàm Tân- Bình Thuận

5. **Nguyên quán:** Thừa Thiên – Huế

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Giáo dục thể chất

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Trung tâm GDTC - QPAN

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2009

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trường Đại học Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, P Phú Hòa, Tp TDM-Bình Dương	36B/25 khu phố Bình Minh I, Phường Dĩ An, TX Dĩ An – Tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	0913.709.113	
3	Email	Banglec@TDMU.edu.vn	

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng anh			x			x			x			x
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1998 đến 2003	<i>Trung tâm TDTT Tỉnh Bình Dương</i>	<i>Huấn luyện viên</i>
Từ 2003 đến 2010	<i>Trường Đại Học TDTT TP.HCM</i>	<i>Giảng viên</i>
Từ 2010 đến nay	<i>Trung tâm GDTC-QPAN - Trường Đại Học Thủ Dầu Một – Bình Dương</i>	<i>Giảng Viên</i>

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1994-1998	Trường ĐH TDTT II	GDTC	Đánh giá thực trạng thể lực chung cho sinh viên khóa đại học 19 Trường ĐH TDTT II năm học 1997-1998
Thạc sỹ	2005-2009	Trường ĐH TDTT HCM	GDTC	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống các bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên sâu cự ly ngắn (100m) trường Đại học TDTT TP.HCM
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Thể dục Thể thao
- Chuyên ngành: Giáo dục Thể chất-Huấn luyện thể thao

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Giáo dục thể chất
2. Huấn luyện thể thao

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Đánh giá những sai phạm thường mắc trong học tập kỹ thuật đẩy tạ lưng hướng ném cho sinh viên trường Đại học TDTT II và đưa ra biện pháp sửa chữa		2004-2005	3	Tham gia		khá
2	Đánh giá những sai phạm thường mắc trong học tập kỹ nhảy cao lưng qua xà cho sinh viên trường Đại học TDTT II và đưa ra biện pháp sửa chữa		2007-2008		Tham gia		khá
	Nghiên cứu mức độ hải lỏng của sinh viên qua học phần Giáo Dục Thể Chất I trường học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương."		2014-2015	25.2	Chủ nhiệm	10/02/2015	khá

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Đánh giá những sai phạm thường mắc trong học tập kỹ thuật đẩy tạ lưng hướng ném cho sinh viên	Bản tin KH&CN Trường ĐHTDTT TP		

		HCM (2006)		
2	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống các bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên sâu cự ly ngắn (100m) trường Đại học TDTT TP.HCM	Tuyển tập NCKH GDTC, Y tế học đường (Bộ GDĐT 2010)		
3	Nghiên cứu mức độ hải lỏng của sinh viên qua học phần Giáo Dục Thể Chất I trường học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.”	0866-8108		
4	Thực trạng thể lực của học sinh nữ khối 10,11 và 12 Trường THPT Dĩ An, thị xã Dĩ An Tỉnh Bình Dương.	0866-8108		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Bình Dương, ngày 21 tháng 6 năm 2017

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Lê Công Bằng

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** HÀ TUẤN ANH.....
2. **Giới tính:** Nam.....
3. **Ngày sinh:** 12/01/1982
4. **Nơi sinh:** Xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.....
5. **Nguyên quán:** Xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa Học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc Sĩ Năm đạt học vị: 2007

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	86/4A, đường số 6, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, HCM
2	Điện thoại/ fax		0988081999
3	Email		hatuananhht@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		X			X			X		X		
2													

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 06/2011 đến nay	Công ty TNHH MTV DAP_VINACHEM	Kỹ sư phòng Kỹ thuật Công nghệ
Từ...đến...	Khoa Khoa học tự nhiên trường đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương	Giảng viên
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2001-2005	Trường Đại học Vinh	Hóa học	
Thạc sỹ	2005-2007	Trường Đại học Vinh	Hóa học	Tổng hợp Coban ferit (CoFe_2O_4) cấp hạt nano bằng phương pháp đồng kết tủa, nghiên cứu cấu trúc và tính chất từ của chúng. .
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Hóa học
- Chuyên ngành: Hóa học vô cơ

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Hóa vô cơ
2. Hóa vật liệu

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật liệu cao su nanocompozit trên cơ sở cao su thiên nhiên			
2	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật liệu Blend CSTN/NBR/CSE-50			

3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật liệu Blend CSTN/NBR/CSE-20			
4	Influence of the Friction Stir Welding-Traveling Speed on the Corrosion Properties of Mg-5Al Alloy Tập chí : <i>Journal of Materials Engineering and Performance</i> (thuộc danh mục ISI)			
5	Synthesis and catalytic activity evaluation of the mesoporous silica-pillared montmorillonite materials Tập chí: <i>Viet Nam Journal of Catalysis and Adsorption</i>			
6	Role of hydroxyl group in cerium hydroxycinnamate on corrosion inhibition of mild steel in 0.6 M NaCl solution Tập chí: <i>Journal of Saudi Chemical Society</i> (Thuộc danh mục ISI)			
7	An investigation of aganooerion polymorphumleaf extract as a copper working fluids' additive Tập chí: <i>Viet Nam Journal of science Technology</i>			

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 27 tháng 06 năm 2017

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Hà Tuấn Anh

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** LÊ THỊ HUỲNH NHƯ
2. **Giới tính:** Nữ
3. **Ngày sinh:** 27/01/1985
4. **Nơi sinh:** Nha Trang, Khánh Hòa
5. **Nguyên quán:** Nha Trang, Khánh Hòa
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Hóa học

Khoa: Khoa học Tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2010

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

Giáo sư ☐

Năm công nhận:

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:** Giảng viên

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	0914.052.393
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	nhulth@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		✓			✓			✓		✓		

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/2011 – nay	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	9/2003 – 6/2007	Đại học Khoa học Huế	Hóa hữu cơ	Tổng hợp và khảo sát hoạt tính của một số hệ xúc tác dị thể chứa sắt đối với phản ứng alkyl hóa theo Friedel – Crafts
Thạc sĩ	10/2008 – 12/2010	Đại học Huế	Hóa phân tích	Nghiên cứu phân tích dư lượng một số chất ô nhiễm hữu cơ bền vững trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên luận án tốt nghiệp

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1. Lĩnh vực chuyên môn:**

Lĩnh vực: Hóa học phân tích

Chuyên ngành: Hóa phân tích

16.2. Hướng nghiên cứu:

– Phát triển phương pháp phân tích và đánh giá dư lượng các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo (OCPs) và polyclobiphenyl (PCBs) trong các đối tượng sinh hóa và môi trường (đất, trầm tích, nước, sinh vật và sữa người).

– Phát triển phương pháp phân tích và đánh giá hàm lượng các chất dinh dưỡng, chất độc trong đối tượng mẫu thực phẩm.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**1. Đề tài/ dự án:**

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1	Xây dựng quy trình phân tích và áp dụng để đánh giá dư lượng nitrat, nitrit trong các loại rau ở thành phố Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một	2014	56,371	Chủ nhiệm	07/2016	Tốt
2	Nghiên cứu và thiết lập chỉ số chất lượng nước (WQI) cho sông Thị Tính phục vụ quản lý nguồn nước	Đại học Thủ Dầu Một	2014	88,864	Tham gia	12/2015	Tốt
3	Nghiên cứu xác định đồng thời một số ion vô cơ trong nước bằng phương pháp sắc ký ion	Đại học Khoa học Huế	2010	20	Tham gia	3/2011	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i>

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	Lê Thị Huỳnh Như, Thủy Châu Tờ, Nguyễn Thị Lợi (2016), Xác định hàm lượng nitrat, nitrit trong một số loại rau quả ở Thành phố Thủ Dầu Một, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , số 3, Tr. 8 – 13.	ISSN 1859-4433		
2	Thủy Châu Tờ, Lê Thị Huỳnh Như, Đánh giá sự ô nhiễm các chất dinh dưỡng trong nước sông Thị Tính chảy qua địa bàn tỉnh Bình Dương, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 25, tr. 12-16, 2015	ISSN 1859-4433		
3	Thủy Châu Tờ, Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, Hoàng Trọng Sĩ, Nghiên cứu xác định các hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo và polyclo biphenyl trong sữa người bằng phương pháp sắc ký khí, <i>Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một</i> , 14, tr. 52-58, 2014.	ISSN 1859-4433		
4	Thủy Châu Tờ, Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Đăng Giảng Châu, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Trọng Sĩ, Dư lượng các chất ô nhiễm hữu cơ bền vững trong sữa người ở thành phố Huế, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Huế (Chuyên san Khoa học Tự nhiên)</i> , 87(9), tr. 57-65, 2013.	ISSN 1859-1388		
5	Thủy Châu Tờ, Trần Thanh Luân, Nguyễn Đăng Giảng Châu, Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hợp, Nghiên cứu xác định đồng thời một số anion vô cơ hòa tan trong nước bằng phương pháp sắc ký ion, <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 15(3), tr. 261-266, 2010.	ISSN 0868-3224		
6	Hoang Trong Si, Nguyen Van Hop, Thuy Chau To, Nguyen Dang Giang Chau, Le Thi Huynh Nhu, Nguyen Thanh Gia, Organochlorine pesticides and polychlorinated biphenyls in human breast milk in the suburbs of Hue city, Vietnam: preliminary result, <i>Journal of Science, Medicine & Pharmacy Issue, Hue University</i> , 61, pp.393-401, 2010.	ISSN 1859-1388		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
----	--	--------------	----------------------------	---------

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
1	Lê Thị Huỳnh Như, Xác định hàm lượng formol trong một số loại cá biển đang lưu hành ở thành phố Thủ Dầu Một, Kỷ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 2 - 2018, Đại học Thủ Dầu Một.			
2	Lê Thị Huỳnh Như, Xây dựng quy trình phân tích nitrat, nitrit trong thực phẩm chế biến bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử UV - Vis, Kỷ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 1 - 2017, Đại học Thủ Dầu Một.			
3	Lê Thị Huỳnh Như, Xác định hàn the trong một số thực phẩm đang lưu hành ở Thành phố Thủ Dầu Một, Kỷ yếu ngày hội NCKH CB, GV, HVCH trẻ lần 1 - 2017, Đại học Thủ Dầu Một.			
4	Lê Thị Huỳnh Như, Nguyễn Văn Hân, Huỳnh Thế An, Lý Nguyễn Minh Châu, Trần Thị Thu Hiền, Nghiên cứu xác định hàm lượng nitrat và nitrit trong rau bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử UV – Vis, Hóa học vì sự phát triển bền vững lần thứ 1, 5/2015, Đại học Thủ Dầu Một.			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án(chỉ ghi mã số)

--	--	--	--	--

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 20 tháng 06 năm 2018

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai



ThS. Lê Thị Huỳnh Như

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Hồ Trung Tính
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 22/09/1984
4. **Nơi sinh:** Vĩnh Trạch – Thoại Sơn – An Giang
5. **Nguyên quán:** Vĩnh Trạch – Thoại Sơn – An Giang
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hoá học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Học Tự Nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ..... Năm đạt học vị: 2011

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☒

Giáo sư Năm ☒

Năm công nhận: Nơi công nhận:

công nhận: Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên.

11. **Liên lạc:**

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Địa chỉ		153/138 Điện Biên Phủ - Phường 15 – Quận Bình Thạnh – TP HCM
2	Điện thoại/ fax		0984203146
3	Email		tinht_h@yahoo.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

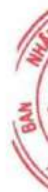
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh		x			x			x		x		
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 9/2006 đến 11/2009	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên
Từ 04/2013 đến nay	Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	9/2002 đến 9/2006	Trường ĐH An Giang	Sư phạm hoá	
Thạc sỹ	11/2009 đến 11/2011	ĐH KHTN TP HCM	Hoá Phân Tích	Khảo sát hoạt tính ức chế enzym glucosidase trên một số cây thuốc Phú Quốc
Tiến sĩ				
Tiến sỹ Khoa học				



15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: Giảng dạy

Chuyên ngành: Hoá phân tích

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Phương pháp phân tích trắc quang.
2. Thống kê trong hoá học .
3. Phương pháp giảng dạy hoá học.

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

10/11/2023

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Phan Thi Anh Dao, Ho Trung Tinh, Phenolic compounds from the stem of <i>Tetrastigma erubescens</i> Planch. (Vitaceae) and their antioxidant activity, Viet Nam Journal of Chemistry, 8/2012.			
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

AN
SON
HO
TU
A

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hồ Trung Tính, Sử dụng một số phương pháp thống kê để loại bỏ số đo lệch thô trong thực nghiệm hoá học, Hội nghị Hoá Học vì sự phát triển bền vững, Trường Đại Học Thủ Dầu Một, tháng 5/2015			
2	Ứng dụng phương pháp phân chứng để giải một số bài tập hóa học bậc trung học phổ thông, Hội thảo khoa học “ định hướng công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học năm 2016”, tháng 4/2016			
3	Nghiên cứu sự tạo phức giữa kẽm (II) với thuốc thử 4 – (2 –pyridylazo) rezorcin bằng phương pháp trắc quang			



IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày 10 tháng 07 năm 2017

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦ DẤU MỘT

TS. Trần Văn Công

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Hồ Trung Tính

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** LƯU HUỖNH VẠN LONG

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 1984

4. **Nơi sinh:** Đồng Nai

5. **Nguyên quán:** Thừa Thiên Huế

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa học tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sỹ

Năm đạt học vị: 2013

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

☐
☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học tự nhiên, trường Đại học Thủ Dầu Một	Khu phố 3, Phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503844028	0986616225
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	vanlongtdm@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng anh			x			x		x			x	
2													



13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 9/2006 đến 12/2010	Trường THPT Thanh Hòa – Bù Đốp – Bình Phước	Giáo viên
Từ 1/ 2011 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2002-2006	ĐH Sư Phạm, Tp. Hồ Chí Minh	Sư phạm Hóa học	
Thạc sĩ	2009 - 2012	ĐH Khoa học tự nhiên, Tp. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Khảo sát thành phần hóa học của cây an điền hoa nhò <i>Hedyotis tenelliflora</i> Blume họ cà phê (Rubiaceae)
NCS	2014-2017	ĐH Khoa học tự nhiên, Tp. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Khảo sát thành phần hoá học và hoạt tính sinh học của cây <i>Aegiceras floridum</i> , họ Sú (Aegicerataceae) và cây <i>Xylocarpus granatum</i> , họ Xoan (Meliaceae) mọc ở rừng ngập mặn Cần Giờ - TP. HCM
Tiến sĩ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Anh văn TOEFL ITP 450	Tháng 9/2010	ETS	Chứng chỉ Ngoại ngữ sau đại học

Tin học ứng dụng trình độ A	Tháng 3/2006	ĐH Sư Phạm, Tp. Hồ Chí Minh	Tin học văn phòng
Chứng chỉ lý luận dạy học đại học	Tháng 9/2011	Trường đại học KHXH&NV, Tp. HCM	Bồi dưỡng lý luận giảng dạy Đại học
Chứng chỉ bồi dưỡng và quản lý Phòng thí nghiệm	8/5/2012 - 6/6/2012	Trường ĐH KHTN TP.HCM	Bồi dưỡng và quản lý Phòng thí nghiệm cho cán bộ phụ trách PTN

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Hóa học
- Chuyên ngành: Hóa hữu cơ

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Phân lập các hợp chất thiên nhiên

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Khảo sát thành phần hóa học và thử nghiệm độc tính tế bào ung thư của cây sú trắng (<i>Aegiceras floridum</i>) họ Sú (<i>Aegicerataceae</i>)	Cấp Trường	12 tháng 12/2016 - 12/2017	55.408.000	Chủ nhiệm	Nghiệm thu 7/2018	
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Luu Huynh Van Long, Vo Thi Nga, Nguyen Phuc Dam, Mai Anh Hung, Tu Duc Dung, Ton That Quang, Nguyen Kim Phi Phung Three new iridoid glucoside salts from <i>Hedyotis tenelliflora</i> growing in	1934-578X (printed); 1555-9475 (online) ISI		

	Vietnam, <i>Natural Product Communications</i> , 8 (11), 1507-1508, 2013			
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyen Phuc Dam, Tu Duc Dung, <u>Luu Huynh Van Long</u> , Nguyen Kim Phi Phung, Four triterpenoids from <i>Hedyotis tenelliflora</i> Blume (Rubiaceae) growing in Vietnam, <i>Vietnamese Journal of Chemistry</i> , 48 (4B), 250 – 254, 2010	0866-7144		
2	Luu Huynh Van Long, Mi Thi Hao, Vo Thanh Giang, Nguyen Kim Phi Phung, Chemical constituents from the mangrove plant, <i>aegiceras floridum</i> , <i>Vietnamese Journal of Chemistry</i> , 55(3e), 243 – 247, 2017	0866-7144		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC**1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:**

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 13 tháng 07 năm 2018

Người khai
 (Họ tên và chữ ký)

LƯU HUỖNH VẠN LONG

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** MAI VĂN DŨNG

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** Ngày 10 tháng 08 năm 1979

4. **Nơi sinh:** Thanh Hóa

5. **Nguyên quán:** Nga Sơn, Thanh Hóa

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Vật lý

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa học tự nhiên

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2006

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Trưởng bộ môn

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Khoa học tự nhiên- Trường Đại học Thủ Dầu Một	P.Tân Định, Bến Cát, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.822.518	0984.855.192
3	Email		Maivandung79tdm@gmail.com

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh		X			X			X		X		

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 2007 đến 2009	Trường CĐSP Bình Dương	Giảng viên
Từ 2009 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trưởng bộ môn

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	2000-2004	Đại học Vinh	Sư phạm Vật lý	Nguồn gốc hình thành vũ trụ theo lý thuyết hạt cơ bản
Thạc sỹ	2004-2006	Đại học Vinh	Quang học	Lưỡng ổn định của các lớp nano kế tiếp đối với các vật liệu phi tuyến
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ phương pháp dạy đại học theo hệ thống tín chỉ bậc đại học	60 tiết	Đại học Quốc gia HCM	Phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ bậc đại học

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Vật lý
- Chuyên ngành: Vật liệu điện tử

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Quang phổ học

2. Mô phỏng cấu trúc và động học của vật liệu lỏng và vô định hình

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xây dựng giáo trình điện tử học phần Thiên văn học cho Sinh viên vật lý trường ĐH Thủ Dầu Một	Cấp trường	2011-2012	26.000.000	Chủ nhiệm	2012	khá

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Simulation Study of Microstructure of the Amorphous ZnO	Springer	2017	Đồng tác giả		

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Mai Văn Dũng, Khái niệm trọng lượng qua các bài toán vật lý phổ thông , Tạp chí khoa học đại học Thủ Dầu Một, 2(27), 2016.	ISSN: 1859-4433	Bài báo	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Dũng, Phạm Văn Trọng, Nguyễn Văn Thịnh, Mai Văn Dũng, Đinh Xuân Khoa, Vũ Ngọc Sáu, Nguyễn Huy Bằng, First Rotational Spectroscopic Observation for the $2^1\Pi$ State in NaLi , Hội nghị Vật lý lý thuyết toàn quốc, 2011, Quy Nhơn.	Kỷ yếu	Poster	

NG
OC
MỘT
SINH

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Mai Văn Dũng, Trần Thanh Dũng, <i>Sự tương tự điện- cơ và các bài toán dao động</i> - hội thảo khoa học cấp trường, 2016, trường Đại học Thủ Dầu Một	Kỹ yếu	Bài báo	
2	Trần Thanh Dũng, Mai Văn Dũng, <i>Vận dụng phương pháp nguồn tương đương vào giải bài tập mạch điện không đổi</i> - hội thảo khoa học cấp trường, 2016, trường Đại học Thủ Dầu Một.	Kỹ yếu	Bài báo	
3	Mai Van Dung, Nguyen Manh Tuan, Le The Vinh, <i>Simulations properties dynamics in $Al_2O_3.2SiO_2$</i>	Kỹ yếu	Bào báo	
4	Mai Văn Dũng, Trần Thanh Dũng, <i>Nghiên cứu cấu trúc không đồng nhất của vật liệu aluminosilicate lỏng</i>	Kỹ yếu	Bào báo	

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh
1	2017-2019	Tham gia đề tài Nafosted	Thành viên

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



 TS. Trần Văn Cường

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2018

Người khai
 (Họ tên và chữ ký)

MAI VĂN DŨNG

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN THÀNH ĐƯỢC

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 10.10.1976

4. Nơi sinh: Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang

5. Nguyên quán: Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang

6. Đơn vị công tác: Bộ môn Hoá, Khoa Khoa học Tự nhiên

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2008

8. Chức danh khoa học

9. Chức danh nghiên cứu

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc

STT		Cơ quan	Cá nhân
1.	Địa chỉ	Số 6, Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	1/108A Nguyễn Văn Quá, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, Tp.HCM.
2.	Điện thoại/Fax	(0650) 3.822.518 - (0650) 3.837.150	0979688187
3.	Email		ntduocag@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ

STT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1.	Anh văn B2-CEFR		X			X		X			X		
2.													

13. Thời gian công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 9/2001 đến 9/2007	Trường THPT Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang	Giáo viên
Từ 9/2007 đến 5/2008	Đại học Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Giảng viên
Từ 6/2011 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1996 – 2000	Đại học Cần Thơ	Sư phạm Hóa học	
Thạc sĩ	2004 – 2007	Đại học Cần Thơ	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Nghiên cứu ảnh hưởng chất điện ly nền đến phân hủy thuốc nhuộm trong nước bằng phương pháp điện hóa.
Tiến sĩ				
Tiến sĩ khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác

<i>Văn bằng/Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Chứng chỉ giáo dục học Đại học	10 – 26.12.2004	Trường cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo	Bồi dưỡng kiến thức giáo dục học đại học cho cán bộ giảng dạy
Chứng chỉ triết học sau đại học	2005	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh	Bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ giảng dạy đại học
Chứng chỉ về công nghệ nano	12 – 14.10.2007	VNU-HCM/LNT và MINATEC/CEA-INPG, Pháp	Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ nano
Chứng chỉ về Hóa lượng tử	14 – 16.8.2014	Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh và Viện Khoa học và	Chuyên đề Hóa lượng tử

		Công nghệ tính toán Tp Hồ Chí Minh	
--	--	---------------------------------------	--

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

16.1. Lĩnh vực chuyên môn

- Lĩnh vực: Hóa học
- Chuyên ngành: Hóa lý thuyết và Hóa lí.

16.2. Hướng nghiên cứu

1. Hóa lý thuyết và Hóa lí, Hóa lí dược.
2. Phân tích các chỉ tiêu Hóa lí trong thực phẩm và dược phẩm.
3. Phương pháp giảng dạy Hóa học và ứng dụng công nghệ thông tin.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ Dự án

STT	Tên đề tài/dự án	Mã số và cấp quản lí/thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh

STT	Tên học viên cao học/nghiên cứu sinh	Tên luận văn/luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/luận án (chỉ ghi mã số)

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1. Sách xuất bản quốc tế

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)

1.2. Sách xuất bản trong nước

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí quốc tế:

STT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Ab initio Intermolecular Potentials and Calculation of Second Virial Coefficients for The Cl₂-Cl₂ dimer</i> , Smart Science Vol. 3, No. 4, pp.193-201, 2015.	ISSN: 2308-0477		
2.				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

STT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Mô phỏng Monte Carlo cân bằng lỏng hơi của Flo lỏng sử dụng các thể tương tác phân tử Ab initio của dime F₂ – F₂</i> , Hóa học và Ứng dụng, số 5(15), tr 13-18, 2012	1859-4069		03 tác giả
2.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Dự đoán tính chất môi trường của một nhóm các chất hữu cơ sử dụng mô hình định lượng cấu trúc và độ tan</i> ,	1859-4069		03 tác giả

AN
ƯƠN
HOC
U M
SA

	Hóa học và Ứng dụng, số 1(17), tr 33-35-47, 2013			
3.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Practical intermolecular potentials and second virial coefficients for energy and environmental researches</i> , Tạp chí Khoa học và Công nghệ, tập 52-số 2B, tr. 233-241, 2014	0866 708X		04 tác giả
4.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Thermodynamic properties of vapor-liquid equilibria for gases CO and N₂ in mixture of greenhouse gases</i> , Tạp chí Khoa học và Công nghệ, tập 52 – số 4A, tr. 205-213, 2014.	0866 708X		04 tác giả
5.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Equilibrium constants and stability of calixarene derivatives with transition metal ions for environmental monitoring</i> , Tạp chí Khoa học và Công nghệ, tập 52 – số 4A, tr.148-157, 2014.	0866 708X		05 tác giả
6.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Prediction of second virial coefficients of gases chlorine, nitrogen, carbon monoxide and argon using artificial neural network and virial equation of state</i> , Tạp chí Hóa học, tập 52 – số 5A, tr.208-214, 2014.	0866-7144		04 tác giả
7.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Ab initio calculation of intermolecular potentials for dimer Cl₂-Cl₂ and prediction of second virial coefficients</i> , Tạp chí Hóa học, tập 53 – số 5, tr.604-611, 2015.	0866-7144		04 tác giả
8.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Vapor-liquid equilibria of binary system CO and Cl₂ in mixture of greenhouse gases using quantum calculation.</i> , Tạp chí Hóa học, tập 54 – số 2, tr.145-152, 2016.			05 tác giả

2.3. Đăng trên kỉ yếu hội nghị/hội thảo quốc tế

STT	Tên tác giả, tên bài viết, tên hội nghị/hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
-----	--	--------------	---	---------

2.4. Đăng trên kỉ yếu hội nghị/hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên)

STT	Tên tác giả, tên bài viết, tên hội nghị/hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Phương pháp PBL – một hướng đi mới trong giảng dạy thực hành Hóa học cho sinh viên</i> , Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, 04.2013, tại Đại học Thủ Dầu Một.			02 tác giả
2.	Nguyễn Thành Được et al., <i>Green chemistry – chemistry of sustainable development</i> , Hóa học vì sự phát triển bền vững, 05.2015, tại Đại học Thủ Dầu Một.			02 tác giả
3.	Nguyễn Thành Được, <i>Ab initio calculation of intermolecular potentials and second virial coefficients for Monte Carlo simulation of dimer $N_2 - N_2$</i> , Hóa học vì sự phát triển bền vững lần 4, 7.2018, tại Đại học Thủ Dầu Một.			01 tác giả

Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2018

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. KHOA HỌC**



TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ kí)

Nguyễn Thành Được

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 3x4

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Phan Thanh Bằng
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 04/4/1964
4. **Nơi sinh:** Tương Bình Hiệp, Thủ Dầu Một, Bình Dương
5. **Nguyên quán:** Tương Bình Hiệp, Thủ Dầu Một, Bình Dương
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Trung tâm Lý luận chính trị

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2007

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giám đốc trung tâm

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	188/24/30, Hồ Văn Cống, Khu phố 5, Tương Bình Hiệp, Thủ Dầu Một, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	0650.3834.958	0913.709050
3	Email	khoallct@tdmu.edu.vn	phanthanhbang@gmail.com

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Chứng chỉ C Anh Văn			X			X			X			X

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 01/1989 đến 12/1996	Trường Đảng tỉnh Sông Bé	Giảng viên
Từ 01/1997 đến 08/2010	Trường Chính trị tỉnh Bình Phước	Trưởng phòng Đào tạo (từ 07/1997)
Từ 9/2010 đến 3/2016	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Phó trưởng khoa Lý luận chính trị
Từ 3/2016 đến tháng 5/2017	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Phó giám đốc trung tâm Lý luận chính trị
Từ tháng 6/2017 đến nay	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Giám đốc trung tâm Lý luận chính trị

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1984-1988	Trường ĐH Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	Triết học (Cử nhân)	
	1993-1997	Trường ĐH Luật Hà Nội	Luật học (Cử nhân)	
Thạc sĩ	2005-2007	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh học (Thạc sĩ)	

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Cao cấp Lý luận chính trị	2008-2009	Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực II	Cao cấp Lý luận chính trị
Chứng chỉ môn học	2011	Trường ĐH Khoa học tự nhiên TP. Hồ Chí Minh	Phương pháp giảng dạy đại học theo học chế tín chỉ
Chứng chỉ nghiệp vụ	2010-2011	Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Nghiệp vụ sư phạm
Chứng chỉ bồi dưỡng	10/2012-5/2013	Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh	Bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa, phòng trường đại học, cao đẳng

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Khoa học chính trị
- Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Khoa học chính trị và khoa học Mác - Lênin

2. Tư tưởng hồ Chí Minh

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Logic học đại cương		2016-2017		Tham gia	X	Khá

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	Giá trị nhân văn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	NXB Văn hóa - Văn nghệ TP Hồ Chí Minh	2014	Nhiều tác giả	Phan Thanh Bằng	

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Tôn giáo Việt Nam trong tiến trình hòa hợp và phát triển đất nước (Hội thảo khoa học quốc tế chủ đề: “Việt Nam – 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 - 2015)”, 4/2015)			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh - di sản nhân văn của dân tộc (Hội thảo khoa học cấp Trường do Chi nhánh bảo tàng Hồ Chí Minh tại TP.HCM - Tạp chí văn thư - Lưu trữ - Khoa Sử, Trường ĐH KHXH&NV TPHCM - Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, HV Chính trị Khu vực II đồng tổ chức, 8/2014)			
2	Vai trò chiến thắng Đường 14 - Phước Long trong tiến trình giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa xuân năm 1975, giá trị của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam”, Trường ĐH Cần Thơ nhân kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (Trường ĐH Cần Thơ), 4/2015)			
3	Tính chất và phương pháp của cách mạng tháng Tám năm 1945 ((Hội thảo khoa học “Cách mạng tháng 8 năm 1945 - Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”,			

	Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh), 8/2015)			
4	Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế thị trường (Hội thảo khoa học cấp trường “Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay” (Trường ĐH Thủ Dầu Một, 9/2015)			
5	Lồng ghép kiến thức bình đẳng giới trong việc giảng dạy Hiến pháp tại các trường đại học, cao đẳng (Hội thảo khoa học cấp trường “Những vấn đề về giới và gia đình ở Nam bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa” (Trường ĐH Thủ Dầu Một), 11/2015)			
6	Đề xuất xây dựng chuẩn đầu ra môn tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận CDIO trong Trường Đại học Thủ Dầu Một hiện nay - Hội thảo khoa học cấp trường của Trường Đại học Thủ Dầu Một “Giảng dạy và học tập bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay”, tháng 5/2016			
7	Tổ chức giảng dạy hòa hợp tích cực từ thói quen của sinh viên (Hội thảo khoa học cấp trường “Giảng dạy hòa hợp tích cực các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Thủ Dầu Một”, tháng 6/2018)			
8	Chia sẻ việc sử dụng công cụ, ứng dụng trong việc tổ chức khóa học E-learning (Hội thảo khoa học cấp trường “Giảng dạy hòa hợp tích cực các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Thủ Dầu Một”, tháng 6/2018)			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 09 tháng 7 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: Dương Thị Ánh Tuyết

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 08/01/1985

4. Nơi sinh: Bình Dương

5. Nguyên quán: Bình Dương

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Hóa

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: KHTN

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2011

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: Nơi công nhận:

Giáo sư Năm

☐

công nhận: Nơi công nhận:

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trường ĐH TDM	343, đường Phú Lợi, phường Phú Lợi, TP.TDM, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	06503.844028	01202077491
3	Email	khoakhtn@tdmu.edu.vn	tuyetdta@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh văn		X			X			X		X		
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến nay.	ĐH TDM	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	2003-2007	ĐH KHTN, Tp. HCM	Hữu cơ	Khảo sát phản ứng điều chế chất lỏng ion Bromur Alkylpiridinium trong điều kiện hoá học xanh
Thạc sỹ	2008-2011	ĐH KHTN, Tp. HCM	Hóa lý	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano chitosan làm chất hấp phụ protein ứng dụng trong dẫn truyền thuốc
Tiến sĩ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
Tin học ứng dụng trình độ A	10/9/2001	ĐH Khoa học tự nhiên TP HCM	Tin học ứng dụng trình độ A

Chứng chỉ C Anh văn	18/2/2009	ĐH Sư phạm TP HCM	Chứng chỉ C Anh văn
Chứng chỉ môn học sau đại học	24/12/2008	ĐH Khoa học tự nhiên TP HCM	Triết học (Thuộc chương trình NCS, Cao học)
Chứng chỉ môn học sau đại học	3/6/2011	ĐH Sư phạm TP HCM	Lý luận dạy học đại học (Thuộc chương trình bồi dưỡng sau đại học)
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	12/11/2010	ĐH Sư phạm TP HCM	Nghệ vụ sư phạm

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

Lĩnh vực: Hóa nano

Chuyên ngành: Hóa lý thuyết và hóa lý

16.2 Hướng nghiên cứu:

1/ Vật liệu có kích thước nano

2/ Hóa lý thuyết

III. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

ĐẠI
TRƯ
ĐẠI
ĐẠI
*

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Dương Thị Ánh Tuyết, Võ Quốc Khương, Phan Huê Phương, Nguyễn Thị Phương Phong, Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano chitosan làm chất hấp phụ protein ứng dụng trong dẫn truyền thuốc, Tạp chí phát triển KH& CN, tập 14, số T6-2011			
2	Võ Quốc Khương, Dương Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Phương Phong, Preparation and characterization of chitosan nanoparticle as protein delivery carrier, Journal of Science and Technology, Vol. 49, no. 5B, 2011			
3	Dương Thị Ánh Tuyết, Khảo sát quá trình điều chế nano chitosan tripolyphosphat, Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, số 2 (21), tr 105-110, 2015			

N
 HỌ
 TÊN
 U
 N

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Dương Thị Ánh Tuyết, Võ Quốc Khương, Nguyễn Thị Phương Phong, Preparation and characterization of chitosan nanoparticle as protein delivery carrier , The 5th International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology (IWAMSN 2010)			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Dương Thị Ánh Tuyết, Lê Ngọc Thạch, Khảo sát phản ứng điều chế chất lỏng ion Bromur Alkylpyridinium trong điều kiện hoá học xanh, Tuyển tập các công trình Hội nghị khoa học và công nghệ hoá học hữu cơ toàn quốc lần thứ tư - Hội Hoá học Việt Nam, 2007, Hà Nội			
2	Dương Thị Ánh Tuyết, Võ Quốc Khương, Phan Huệ Phương, Nguyễn Thị Phương Phong, Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano chitosan làm chất hấp phụ protein ứng dụng trong dẫn truyền thuốc, Hội nghị khoa học lần 7, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2010			

3	Dương Thị Ánh Tuyết, Khảo sát quá trình điều chế nano chitosan tripolyphosphat, Hội thảo Khoa học “Hóa học vì sự phát triển bền vững”, 15/5/2015, ĐH Thủ Dầu Một			
4	Dương Thị Ánh Tuyết, Tổng hợp chất lỏng ion butylpyridinium, Hội thảo Khoa học “Hóa học vì sự phát triển bền vững”, 27/7/2018, ĐH Thủ Dầu Một			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

T	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

T	Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Bình Dương, ngày.7.. tháng.7.. năm 2018.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
DÂN TP. KHOA HỌC

TS. Trần Văn Trung

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Dương Thị Ánh Tuyết

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Vũ Duy Định
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 24.06.1982
4. **Nơi sinh:** Hải Dương
5. **Nguyên quán:** Bình Giang- Hải Dương
6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn: Những Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác – Lê Nin

Trung tâm: Lý Luận Chính Trị

7. **Học vị cao nhất:** Th.s

Năm đạt học vị: 2011

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:**

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Trung tâm LLCT. Đại Học Thủ Dầu Một. 06. Trần Văn Ôn, Phú Lợi. Thủ Dầu Một. Bình Dương	299/E Khu Phố 5, F. Uyên Hưng. Tân Uyên. Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	02743834958	0906020033
3	Email		dinhvd@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Trung			x			x			x			x
2													

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến nay	Trung tâm LLCT, Đại Học Thủ Dầu Một, 06, Trần Văn Ôn, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên
Từ...đến...		
.....		
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	Từ 8/2003 đến 8/2007	ĐH. Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh: T.p Hồ Chí Minh	Lý luận chính trị	
Thạc sỹ	08/2008 đến 08/2011	ĐH. Khoa học xã hội & Nhân văn Hồ Chí Minh	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giai cấp nông dân tỉnh Bình Dương trong sự nghiệp CNH, HĐH

Tiến sỹ	2014 đến nay	ĐH. Khoa học xã hội & Nhân văn Hà Nội	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<i>Biến đổi cơ cấu xã hội nông dân tỉnh Bình Dương trong sự nghiệp CNH, HĐH</i>
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: giảng dạy
- Chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội, chính trị

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn
2. Chiến lược CNH, HĐH



II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/ dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm/ Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

<i>TT</i>	<i>Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh</i>	<i>Tên luận văn/ luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>	<i>Bút danh</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế - Sách xuất bản: Giáo dục và Sự chuyển biến Kinh tế - Xã hội Tên bài viết: <i>Vai trò của giáo dục và đào tạo cho lực lượng nhập cư trong quá trình CNH ở tỉnh Bình Dương hiện nay. Thực trạng và giải pháp.</i>			
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Kỷ yếu hội khoa học cấp quốc gia: 20 năm đô thị hóa Bình Dương. Những vấn đề thực tiễn. Tên bài viết: <i>Tác động của lao động nhập cư tới quá trình đô thị hóa tỉnh Bình Dương hiện nay, thực trạng và giải pháp đặt ra</i>			
2	Kỷ yếu hội khoa học cấp tỉnh: - Hội Liên			

	hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Dương. Tên công trình, bài viết: “ <i>Phong trào xây dựng nông thôn mới trong sự nghiệp CNH, HĐH từ lý luận đến thực tiễn hiện nay</i> ”			
--	--	--	--	--

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bằng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh
	2017	Hội Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Dương.	Báo cáo chuyên đề

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
DÂN TẬP KHOA HỌC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THỦ DẤU MỘT
TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Công nghệ Địa chính Đất Việt
2. Địa chỉ: 434/16/9 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, TP.HCM
3. Số điện thoại: 0283.6252.1234
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Xuất nhập khẩu, Địa chính, Môi trường.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	1	1
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm		

Ngày 14 tháng 7 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ ngành **CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, khối 11 p. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột
- Số điện thoại : 0262.877.455 Email
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất bia Sài Gòn, sữa bắp, sữa gạo lứt, rượu, nước uống đóng chai.

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	02
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ thực phẩm	-	-

Buôn Ma Thuột, ngày 09 tháng 04 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Dặng Ngọc Diêu

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Đức Một xây dựng kế hoạch và ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Lương Văn Trường
2. Địa chỉ: Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Nhà phân phối sữa, sữa chua

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	02	02

Ngày 7 tháng 07 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



Nguyễn Văn Trường

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Đức Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: ...*Doanh nghiệp tư nhân Quang Tường Xuân*...
2. Địa chỉ: ...*Thị trấn Thủ Đức, Huyện Thủ Đức, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM*...
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: ...*Nhà sản xuất và phân phối*...

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giới đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giới đoạn 2021-2025 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	01	01

Ngày 05 tháng 03 năm 2018

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT



Nguyễn Thị Thu Thủy

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý Cơ quan, Doanh nghiệp, xin quý đơn vị vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này:

A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

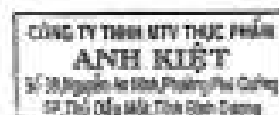
1. Tên đơn vị: Công Ty TNHH Thực phẩm Anh Kiệt.....
2. Địa chỉ: Xã Nguyễn An Ninh, P. Phú Cường, TP. HCM - BQ.....
3. Số điện thoại:
4. Ngành, lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Kinh doanh Thực phẩm.....

B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

STT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (Số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2021-2024 (Số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	1	1
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	1	1

Ngày 05 tháng 08 năm 2018

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT





KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO

1.2.1 Kết quả khảo sát nguồn nhân lực

Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục thuộc Bộ GD-ĐT cho biết, đến năm 2020, nước ta sẽ cần ít nhất là 30.000 lao động chuyên sâu trong lĩnh vực này.

Tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao nhất cả nước; riêng trên địa bàn tỉnh hiện có 28 KCN với 1.280 dự án đầu tư vào các KCN tạo việc làm cho hơn 200 ngàn công nhân lao động (và dự kiến đến năm 2020 có khoảng 40 KCN) đã đem lại giá trị sản phẩm thực tế cho tỉnh rất cao. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho các công tác chuyên môn có liên quan đến công nghệ thực phẩm và an toàn thực phẩm trong các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước,... cũng rất lớn.

Chính vì vậy, việc phát triển ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐH Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của đất nước, vùng, tỉnh về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nhằm nắm bắt công nghệ mới, đưa các ứng dụng khoa học công nghệ vào phục vụ sản xuất và đời sống.

1.2.2 Thực tiễn đào tạo công nghệ thực phẩm ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Đào tạo về Công nghệ thực phẩm bậc đại học của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện có ở một số trường Đại học sau đây:

- Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh Thành lập Khoa Công nghệ thực phẩm năm 1983, hiện nay khoa đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm, khoảng 100 kỹ sư được đào tạo hàng năm.

- Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thành lập khoa Công nghệ thực phẩm từ 1998, đào tạo 2 ngành chính là: Bảo quản và chế biến nông sản, và Chế biến thủy sản. Hàng năm đào tạo khoảng 100-200 kỹ sư thuộc hai ngành trên.

- Ngoài ra ngành Công nghệ thực phẩm còn được đào tạo tại các Trường: Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM, Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH), Đại học Quốc tế (Đại học Quốc gia TP.HCM), Đại học Công nghệ Sài Gòn...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các công ty nước ngoài tăng cường đầu tư vào Việt Nam, trong đó có rất nhiều công ty đầu tư vào lĩnh vực Công nghệ thực phẩm, đồ uống như: đồ giải khát, bia, rượu, các nhà máy sản xuất đồ hộp, mì sợi, các loại thực phẩm chức năng.... nguồn nhân lực cung cấp cho thị trường lao động về Công nghệ thực phẩm còn rất thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực kiến thức.

Do đó, việc mở ngành đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là yêu cầu cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực rất lớn tại chỗ cho các khu Công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan quản lý của tỉnh Bình Dương và lân cận là Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Đắk Nông...